

Thiền Sư Thích Thanh Từ



THIỀN TÔNG BẢN HẠNH

Giảng giải



Mục Lục

LỜI ĐẦU SÁCH	3
THIÊN SỬ CHÂN NGUYÊN Pháp danh TUỆ ĐĂNG (1647-1726).....	4
XUẤT XỨ QUYỂN THIÊN TÔNG BẢN HẠNH.....	14
THIÊN TÔNG BẢN HẠNH	16

LỜI ĐẦU SÁCH

Quyển Thiên Tông Bản Hạnh này ra đời, chúng tôi y cứ theo bản chữ Nôm in năm 1745 do cụ Hoàng Xuân Hãn phiên âm và đối chiếu bản in năm 1932 do thượng tọa Thích Trí Siêu phiên âm. Hai bản có vài chỗ sai khác nhau, chúng tôi xét thấy bên nào hợp lý hơn liền dùng, song bản phiên âm của cụ Hoàng Xuân Hãn vẫn là chủ, vì bản này xưa nhất.

Quyển Thiên Tông Bản Hạnh do hòa thượng Chân Nguyên biên soạn, phần lớn y cứ quyển Thánh Đăng Lục chữ Hán kể lại sự tu thiền ngộ đạo của năm ông vua đời Trần. Trong đây được bổ túc đôi chỗ thiếu sót do ngài Chân Nguyên tìm tòi nơi khác, đồng thời ngài cũng gửi gắm tâm tình mình vào đây khá nhiều.

Ngoài phần năm ông vua ngộ đạo, chúng tôi cho in thêm phần Nhân Duyên Ngộ Đạo và Thiên Tịch Phú chung thành một tập. Ở sau có phụ bản chữ Nôm và chữ Hán để đọc giả dễ bề nghiên cứu.

Phật giáo đời Trần là ngọn đuốc sáng ngời soi rọi dòng sông lịch sử Phật giáo Việt Nam đã trên ngàn năm. Công đức truyền bá và ủng hộ do năm ông vua đời Trần. Nhờ Phật giáo đời Trần mà nền văn hóa dân tộc cổ xưa của Việt Nam còn lưu lại đôi phần. Vì muốn gìn giữ nền văn hóa dân tộc xưa không mai một, chúng tôi cố gắng tìm tòi và bồi bổ thêm cho in ra, để mọi người dân Việt Nam có cơ hội đọc lại nghiên ngẫm thấy được tinh thần độc lập bất khuất của tổ tiên mình, đồng thời thấy được tâm hồn đạo đức siêu xuất phi thường của các ngài.

Kính ghi

Thiền viện Thường Chiếu 22-02-1998

THÍCH THANH TỪ

THIỀN SƯ CHÂN NGUYÊN Pháp danh TUỆ ĐĂNG (1647-1726)

(Đời pháp thứ ba mươi sáu, tông Lâm Tế)

Sư họ Nguyễn tên Nghiêm, tên chữ là Đình Lân, mẹ họ Phạm quê ở làng Tiền Liệt, huyện Thanh Hà tỉnh Hải Dương. Một hôm mẹ Sư nằm mộng thấy cụ già cho một hoa sen, sức tỉnh dậy, từ đây biết có mang. Năm Đinh Hợi (1647), tháng chín ngày mười một giờ Ngọ, mẹ sinh ra Sư. Lớn lên theo học với cậu là ông Giám Sinh. Sư rất thông minh, hạ bút là thành văn. Năm mười sáu tuổi Sư đọc quyển Tam Tổ Thực Lục, đến tổ thứ ba là Huyền Quang liền tỉnh ngộ nói: “Cổ nhân ngày xưa dọc ngang lưng lẩy mà còn chán sự công danh, huống ta là một chú học trò.” Sư liền phát nguyện đi tu.

Năm mười chín tuổi, Sư lên chùa Hoa Yên vào yết kiến thiền sư Tuệ Nguyệt (Chân Trú). Thiền sư Tuệ Nguyệt hỏi: “Người ở đâu đến đây?” Sư thưa: “Vốn không đi lại.” Tuệ Nguyệt biết Sư là pháp khí sau này, bèn thế phát xuất gia cho pháp danh là Tuệ Đăng. Sau không bao lâu Tuệ Nguyệt tịch. Sư cùng bạn đồng liêu là Như Niệm phát nguyện tu hạnh đầu-đà đi du phương để tham vấn Phật pháp. Thời gian sau, Như Niệm đổi ý trở về trụ trì chùa Cô Tiên. Sư đi lên chùa Vĩnh Phúc ở núi Côn Cương tham vấn thiền sư Minh Lương là đệ tử của Chuyết Chuyết. Sư hỏi: “Bao năm đồn chứa ngọc trong đấy, hôm nay tận mắt thấy thế nào, là sao?” Thiền sư Minh Lương đưa mắt nhìn thẳng vào Sư, Sư nhìn lại, liền cảm ngộ, sụp xuống lạy. Minh Lương bảo: “Dòng thiền Lâm Tế trao cho ông, ông nên kế thừa làm thanh ở đời”, đặt cho Sư pháp hiệu là Chân Nguyên và bài kệ phó pháp:

美玉藏顽石

蓮花出淤泥
須知生死處
悟是即菩提

Âm:

Mỹ ngọc tàng ngoan thạch,

Liên hoa xuất ử nê.

Tu tri sanh tử xứ,

Ngộ thị tức Bồ-đề.

Dịch:

Ngọc quý ẩn trong đá,

Hoa sen mọc từ bùn.

Nên biết chỗ sanh tử,

Ngộ vốn thật Bồ-đề.

Chính vì chỗ ngộ này, sau Sư soạn quyển Trần Triều Thiên Tôn Chỉ Nam Truyền Tâm Quốc Ngữ Hành có cả thấy bảy lần nói về “Tứ mục tương cố” (Bốn mắt nhìn nhau).

Sau khi được tâm ấn rồi, Sư thọ giới Tỳ-kheo. Một năm sau, Sư lập đàn thỉnh ba đức Phật (Thích-ca, Di-đà, Di-lặc) chứng đàn, thọ giới Bồ-tát và đốt hai ngón tay nguyện hành hạnh Bồ-tát. Về sau, Sư được truyền thừa y bát Trúc Lâm, làm trụ trì chùa Long Động và chùa Quỳnh Lâm, là hai ngôi chùa lớn của phái Trúc Lâm.

Năm 1684, Sư dựng đài Cửu phẩm liên hoa tại chùa Quỳnh Lâm theo kiểu mẫu đài Cửu phẩm liên hoa mà thiền sư Huyền Quang đã dựng trước kia ở chùa Ninh Phúc. Năm 1692, lúc bốn mươi sáu tuổi, Sư được vua Lê Hy Tông triệu vào cung để tham vấn Phật pháp. Vua khâm phục tài đức Sư, ban cho

Sư hiệu Vô Thượng Công và cúng dàng áo ca-sa cùng những pháp khí để thừa tự. Năm 1722, bảy mươi sáu tuổi, Sư được vua Lê Dụ Tông phong chức Tăng thống và ban hiệu Chánh Giác hòa thượng.

Đến năm 1726, Sư triệu tập đệ tử dặn dò và nói kệ truyền pháp, kệ rằng:

顯赫分明十二時
此之自性任施為
六根運用真常見
萬法縱橫正遍知

Âm:

Hiển hách phân minh thập nhị thì,

Thử chi tự tánh nhậm thi vị.

Lục căn vận dụng chân thường kiến,

Vạn pháp tung hoành chánh biến tri.

Dịch:

Bày hiện rõ ràng được suốt ngày,

Đây là tự tánh mặc phô bày.

Chân thường ứng dụng sáu căn thấy,

Muôn pháp dọc ngang giác ngộ ngay.

Nói kệ xong, Sư bảo chúng: “Ta đã tám mươi tuổi, sắp về cõi Phật.” Đến tháng mười, Sư nhuốm bệnh, sáng ngày hai mươi tám viên tịch, thọ tám mươi tuổi. Môn đồ làm lễ hỏa táng thu xá-lợi chia thờ hai tháp ở chùa Quỳnh Lâm và chùa Long Động, tháp hiệu Tịch Quang. Sư là người khôi phục lại thiền phái Trúc Lâm.

Tác phẩm của Sư có:

- 1. Tôn Sư Pháp Sách Đăng Đàn Thọ Giới.**
- 2. Nghênh Sư Duyệt Định Khoa.**
- 3. Long Thư Tịnh Độ Văn.**
- 4. Long Thư Tịnh Độ Luận Bạt Hậu Tự. 5. Tịnh Độ Yếu Nghĩa.**
- 6. Ngộ Đạo Nhân Duyên.**
- 7. Thiên Tông Bản Hạnh.**
- 8. Nam Hải Quan Âm Bản Hạnh.**
- 9. Thiên Tịch Phú.**
- 10. Đạt-na Thái Tử Hạnh.**
- 11. Hồng Mông Hạnh.**
- 12. Kiến Tánh Thành Phật.**

Giảng:

Quyển Thiên Tông Bản Hạnh do thiên sư Chân Nguyên đời Lê soạn, nói về đường lối tu hành của các vua đời Trần. Thiên sư Chân Nguyên pháp danh Tuệ Đăng, sanh năm 1647, tịch năm 1726, đời pháp thứ ba mươi sáu tông Lâm Tế.

Sư họ Nguyễn tên Nghiêm, tên chữ là Đình Lân, mẹ họ Phạm quê ở làng Tiên Liệt, huyện Thanh Hà tỉnh Hải Dương. Một hôm mẹ Sư nằm mộng thấy cụ già cho một hoa sen, sức tỉnh dậy, từ đây biết có mang. Năm Đinh Hợi (1647), tháng chín ngày mười một giờ Ngọ, mẹ sinh ra Sư. Lớn lên theo học với cậu là ông Giám Sinh. Sư rất thông minh, hạ bút là thành văn. Năm mười sáu tuổi Sư đọc quyển Tam Tổ Thực Lục, đến tổ thứ ba là Huyền Quang liền tỉnh ngộ nói: “Cổ nhân ngày xưa dọc ngang lưng lẩy mà còn chán sự công danh, huống ta là một chú học trò.” Sư liền phát nguyện đi tu.

Đọc đoạn sử này, chúng ta thấy ngài Chân Nguyên lúc còn là một học sinh trẻ, nhưng khi đọc sử tam tổ Trúc Lâm, thấy một vị

trạng nguyên bỏ chức quyền để vào chùa tu, ngài mới than: *Cổ nhân ngày xưa dọc ngang lưng lẩy mà còn chán sự công danh, huống ta là một chú học trò.* Người đã được công danh tột bậc mà còn chán bỏ, huống là ta mới ôm sách vào trường mong ngày sau được chút công danh nhỏ mà còn tiếc cái gì, cho nên ngài liền phát nguyện đi tu.

Năm mười chín tuổi, Sư lên chùa Hoa Yên vào yết kiến thiên sư Tuệ Nguyệt (Chân Trú). Thiên sư Tuệ Nguyệt hỏi: “Người ở đâu đến đây?” Sư thưa: “Vốn không đi lại.” Chủng tử đối với nhà Thiên, ngài đã gieo trồng sâu đậm, nên vừa nghe hỏi “người ở đâu đến đây”, ngài đã thổ lộ đường hướng của mình “vốn không đi lại”.

Như chúng ta hiện giờ, khi nghe vị thầy hỏi tất sẽ thưa: Bạch Thầy, con ở ngoài Trung vào, hoặc là con ở miền Tây lên v.v... Câu đáp rất dễ sao không nói, lại thưa “vốn không đi lại”. Cái gì không đi lại? Ở đây ngài không nói thân hay chỗ ở của thân mà nói thẳng thể tánh vốn không đi lại. Trong kinh thường giải thích Như Lai là không từ đâu đến và chẳng đi đâu. Tức là muốn nói pháp thân bất sanh bất diệt, không có đến và không có đi. Dùng bốn chữ “vốn không đi lại” là đã thể hiện được lý kinh mà ngài chưa được học.

Tuệ Nguyệt biết Sư là pháp khí sau này, bèn thế phát xuất gia cho pháp danh là Tuệ Đăng. Sau không bao lâu Tuệ Nguyệt tịch. Sư cùng bạn đồng liêu là Như Niệm phát nguyện tu hạnh đầu-đà đi du phương để tham vấn Phật pháp. Thời gian sau, Như Niệm đổi ý trở về trụ trì chùa Cô Tiên. Sư đi lên chùa Vĩnh Phúc ở núi Côn Cương tham vấn thiên sư Minh Lương là đệ tử của Chuyết Chuyết.

Sư hỏi: Bao năm đồn chứa ngọc trong đấy, hôm nay tận mắt thấy thế nào, là sao? Ngài Chân Nguyên dẫn lại câu hỏi của người xưa. “Là sao” tức là câu hỏi này ý thế nào? Trong Kinh Pháp Hoa có nói về thí dụ Hệ châu, đã có hạt châu trong ché áo, hiện giờ ngay ở trước đây phải thấy hạt châu đó thế nào?

Thiên sư Minh Lương đưa mắt nhìn thẳng vào Sư, Sư nhìn lại, liền cảm ngộ, sụp xuống lạy. Minh Lương bảo: Dòng thiên Lâm Tế

trao cho ông, ông nên kế thừa làm thanh ở đời. Thầy nhìn thẳng trò, trò nhìn lại thầy, thầy liền truyền tâm ấn. Chưa dạy một câu, chưa nói một lời, làm sao ngộ? Trong nhà thiền, gốc và ngọn không bao giờ lệch. Khi xưa nơi hội Linh Sơn, Phật đưa cành hoa sen nhìn khắp hội chúng, nhìn đến Ca-diếp, Ca-diếp nhìn lại Phật mỉm cười, Phật liền ấn chúng. Phật thuyết pháp câu gì, lời gì? Không có lời.

Ngày nay thiền khách bất chợt hỏi thiền sư, thiền sư không có sẵn hoa sen, chỉ dùng mắt nhìn thẳng vào người khách, khách nhìn lại. Hai thầy trò cảm thông nhau, trò sụp xuống lạy, thầy biết nên bảo: *Dòng thiền Lâm Tế trao cho ông, ông nên kế thừa làm thanh ở đời.*

Hòa thượng Chuyết Chuyết từ Trung Quốc sang.

Đặt cho Sư pháp hiệu là Chân Nguyên. Vị thầy ban đầu là thiền sư Tuệ Nguyệt ban cho ngài pháp danh Tuệ Đăng. Sau này thiền sư Minh Lương là vị thầy làm cho ngài cảm ngộ được thiền, đặt pháp hiệu cho ngài là Chân Nguyên.

Và bài kệ phó pháp:

Dịch:

Mỹ ngọc tàng ngoan thạch,

Liên hoa xuất ử nê.

Tu tri sanh tử xứ,

Ngộ thị tức Bồ-đề.

Ngọc quý ẩn trong đá,

Hoa sen mọc từ bùn.

Nên biết chỗ sanh tử,

Ngộ vốn thật Bồ-đề.

Lời dạy của vị thầy đúng như chỗ ngài đã hỏi.

Ngọc quý ẩn trong đá,

Hoa sen mọc từ bùn.

Hai câu này nói lên rất chí thiết tinh thần Phật giáo. Phật giáo không bỏ thế gian phàm tục để đi cầu giải thoát giác ngộ ở nơi nào. Từ thế gian phàm tục, nếu chúng ta khéo nhận thì thấy đã có giác ngộ giải thoát ngay trong đó. Cũng như hoa sen thơm không phải từ trên ngọn núi hay những nơi đất khô, mà vốn từ chỗ bùn hôi. Tất cả con người phàm tục của chúng ta không ra gì, đáng xem thường, nhưng chính con người không ra gì lại có tánh giác! Không bỏ cái dở để cầu cái hay, chính ngay cái dở mà biết chuyển đổi tất thành hay. Thế nên việc tu của đạo Phật rất giản đơn. Ở thế gian người ăn trộm ăn cướp, cờ bạc rượu chè hút xách là người tồi tệ nhất xã hội. Nhưng nếu họ thức tỉnh biết chừa bỏ những nghề dở tật xấu thì họ thành người tốt. Như thế chúng ta mới thấy giá trị tu của đạo Phật, không tìm giác ngộ trên trời trên mây, không tìm giải thoát trên đầu non góc núi, mà ngay cõi trần tục đầy phiền não này, chúng ta khéo tỉnh khéo giác thì từ cái dở chuyển thành hay, từ cái xấu biến thành tốt, chứ không tìm ở đâu xa. Hoa sen khi còn là mầm là ngó, lúc ấy nằm trong bùn hôi. Nhưng khi nó vươn lên, vượt khỏi bùn, ra khỏi nước, thì nở hoa thơm thanh khiết. Hương thơm của hoa không tách rời bùn hôi như nhớt buổi đầu. Hiểu như vậy chúng ta mới an lòng, tất cả người trên thế gian không ai là không thể tu được. Xấu dở như kẻ cướp một phen thức tỉnh tu cũng được, làm nghiệp dữ như người hàng thịt tu cũng được. Mọi người ai cũng tu được nếu biết chừa bỏ cái xấu dở, tất nhiên thành người tốt.

Thế nên khi giáo hóa người tu, chúng ta không phải đi tìm người nào sanh ra không ăn được cá thịt, có đời sống như một thầy tu, người đó mới tu được. Dù người đó ăn cá thịt, hay làm những điều tội lỗi, nhưng chúng ta khuyến khích nhắc nhở để họ biết lỗi và chừa bỏ, thì người đó cũng tu được. Đúng ra chúng ta nên dạy người nào? Dạy người sanh ra đã hiền lành không làm tội lỗi là cần thiết, hay dạy những người tội lỗi là cần thiết? Thật vậy tinh thần đạo Phật rất thiết thực, muốn đem lợi ích chân thật cho cuộc đời, thì chính từ

những con người hư xấu mà đánh thức để họ chuyển thành người hay tốt, đó là hướng giáo dục của đạo Phật. Đó là ý nghĩa thâm trầm của hai câu đầu bài kệ.

Nên biết chỗ sanh tử,

Ngộ vốn thật Bồ-đề.

Bồ-đề không ở ngoài sanh tử, ngay chỗ sanh tử chúng ta giác ngộ, đó là Bồ-đề. Chúng ta có thể thấy cội nguồn này để ứng dụng tu. Như người thế gian khi gia đình gặp hoạn nạn có người cha hay người mẹ mất thì buồn khổ vô cùng. Nhưng cũng cùng hoàn cảnh khi thấy cha hay mẹ mất, người con liền thức tỉnh cuộc đời vô thường nên đi tu. Trước cảnh khổ người mê chỉ biết than khóc, còn người thức tỉnh thì sớm lo tu hành. Thế là từ đau khổ biến thành giải thoát.

Chính vì chỗ ngộ này, sau Sư soạn quyển Trần Triều Thiên Tôn Chỉ Nam Truyền Tâm Quốc Ngữ Hành có cả thấy bảy lần nói về “Tứ mục tương cố”. Phần này sẽ giải thích sau.

Sau khi được tâm ấn rồi, Sư thọ giới Tỳ-kheo. Một năm sau, Sư lập đàn thỉnh ba đức Phật (Thích-ca, Di-đà, Di-lặc) chứng đàn, thọ giới Bồ-tát và đốt hai ngón tay nguyện hành hạnh Bồ-tát. Về sau, Sư được truyền thừa y bát Trúc Lâm, làm trụ trì chùa Long Động và chùa Quỳnh Lâm, là hai ngôi chùa lớn của phái Trúc Lâm.

Ngài ngộ ở tông Lâm Tế, nhưng được truyền thừa y bát của phái Trúc Lâm. Tại sao? Vì vị thầy làm cho ngài ngộ đạo là thiền sư Minh Lương, đệ tử của một thiền sư từ Trung Hoa sang, hòa thượng Chuyết Công thuộc tông Lâm Tế. Nhưng bản chất của ngài thích làm sống dậy Phật giáo đời Trần, cho nên sau này ngài nhận sự truyền thừa y bát của hệ phái Trúc Lâm.

Năm 1684, Sư dựng đài Cửu phẩm liên hoa tại chùa Quỳnh Lâm theo kiểu mẫu đài Cửu phẩm liên hoa mà thiền sư Huyền Quang đã dựng trước kia ở chùa Ninh Phúc. Năm 1692, lúc bốn mươi sáu tuổi, Sư được vua Lê Hy Tông triệu vào cung để tham vấn Phật pháp. Vua

khâm phục tài đức Sư, ban cho Sư hiệu Vô Thượng Công và cúng dàng áo ca-sa cùng những pháp khí để thừa tự. Năm 1722, bảy mươi sáu tuổi, Sư được vua Lê Dụ Tông phong chức Tăng thống và ban hiệu Chánh Giác hòa thượng.

Đến năm 1726, Sư triệu tập đệ tử dặn dò và nói kệ truyền pháp, kệ rằng:

Hiển hách phân minh thập nhị thì,

Thử chi tự tánh nhậm thi vi.

Lục căn vận dụng chân thường kiến,

Vạn pháp tung hoành chánh biến tri.

Dịch:

Bày hiện rõ ràng được suốt ngày,

Đây là tự tánh mặc phô bày.

Chân thường ứng dụng sáu căn thấy,

Muôn pháp dọc ngang giác ngộ ngay.

Ý bài kệ nói cái chân thật, gọi là chân thường, không ở đâu xa, mà luôn hiện rõ ràng nơi sáu căn của chúng ta. Muôn pháp trên thế gian này dù ngang hay dọc, nếu chúng ta khéo nhận, đó là chánh biến tri tức là giác ngộ rồi.

Nói kệ xong, Sư bảo chúng: “Ta đã tám mươi tuổi, sắp về cõi Phật.” Đến tháng mười, Sư nhuốm bệnh, đến sáng ngày hai mươi tám viên tịch, thọ tám mươi tuổi. Môn đồ làm lễ hỏa táng thu xá-lợi chia thờ hai tháp ở chùa Quỳnh Lâm và chùa Long Động, tháp hiệu Tịch Quang. Sư là người khôi phục lại thiên phái Trúc Lâm.

Tác phẩm của Sư có:

1. Tôn Sư Pháp Sách Đăng Đàn Thọ Giới.
2. Ngâm Sư Duyệt Định Khoa.
3. Long Thư Tịnh Độ Văn.

4. Long Thư Tịnh Độ Luận Bạt Hậu Tự.

5. Tịnh Độ Yếu Nghĩa.

6. Ngộ Đạo Nhân Duyên.

7. Thiên Tông Bản Hạnh.

8. Nam Hải Quan Âm Bản Hạnh.

9. Thiên Tịch Phú.

10. Đạt-na Thái Tử Hạnh.

11. Hồng Mông Hạnh.

12. Kiến Tánh Thành Phật.

Ngài có cả thảy là 12 tác phẩm:

Tôn Sư Pháp Sách Đăng Đàn Thọ Giới và Nghênh Sư Duyệt Định Khoa là hai bản nói về nghi thức truyền giới, thuộc về luật.

Long Thư Tịnh Độ Văn, Long Thư Tịnh Độ Luận Bạt Hậu Tự, Tịnh Độ Yếu Nghĩa, ba quyển này nói về pháp tu Tịnh độ.

Ngộ Đạo Nhân Duyên, Thiên Tông Bản Hạnh là nói thẳng về Thiên.

Nam Hải Quan Âm Bản Hạnh nói về sự tích Phật Bà Quan Âm Diệu Thiện.

Thiên Tịch Phú là bài phú kể lại cuộc sống của ngài.

Đạt-na Thái Tử Hạnh là hạnh của ngài Đạt-na thái tử Tu-đại-noa.

Sau cùng là quyển Hồng Mông Hạnh và Kiến Tánh Thành Phật.

Vì chúng ta chuyên về thiền, cho nên chúng tôi chỉ giảng Thiên Tông Bản Hạnh, Ngộ Đạo Nhân Duyên, Thiên Tịch Phú và Kiến Tánh Thành Phật.

XUẤT XỨ QUYỂN THIỀN TÔNG BẢN HẠNH

Thiền Tông Bản Hạnh là tên đơn giản của quyển Trần Triều Thiền Tôn Chỉ Nam Truyền Tâm Quốc Ngữ Hành. Ở đây gọi là bản quốc ngữ, song chữ Việt khi xưa là chữ Nôm, nên sau này phải phiên âm từ chữ Nôm ra chữ quốc ngữ hiện tại.

Có cả thấy ba bản:

1. Bản in đời Lê niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ sáu (1745) do Sa-môn Liễu Viên trụ trì chùa Liên Hoa sai đệ tử là Sa-di-ni pháp danh Diệu Thuần khắc bản in. Bản gỗ còn giữ ở chùa Liên Phái hiện nay. Chùa Liên Hoa khi xưa đến năm 1840 đổi tên lại là chùa Liên Phái, để tránh tên húy của hoàng thái hậu mẹ vua Thiệu Trị. Ông Hoàng Xuân Hãn nhận được bản này nơi hòa thượng Giác Ngạn và phiên âm ra. Bản phiên âm có in trong tạp chí Vạn Hạnh số 15 năm 1966. Trong bản này, ở sau có đề hai chữ *trùng san* tức là khắc lại từ một bản trước. Như vậy quyển Thiền Tông Bản Hạnh có thể có một bản trước nữa mà bị hư mất tìm không ra.

2. Bản in đời Nguyễn, năm Gia Long thứ tư (1805) do ngài Huệ Thân trụ trì chùa Hoa Yên và đệ tử khắc bản in. Nhưng bản này sau cũng hư mục tìm không thấy.

3. Bản in năm Bảo Đại thứ bảy (1932) do hai vị hòa thượng Thanh Minh và Thanh Hanh khắc bản in. Hòa thượng Thanh Minh trụ trì chùa Hoa Yên, đệ tử thiền sư Thông Địa, hòa thượng Thanh Hanh trụ trì chùa Vĩnh Nghiêm, nên gọi là tổ Vĩnh Nghiêm. Bản này được ông Đào Duy Anh phiên âm, nhà xuất bản Khoa học Xã hội xuất bản tại Hà Nội năm 1975. Trong Nam có thượng tọa Thích Trí Siêu phiên âm do Tu Thư Vạn Hạnh xuất bản năm 1980 tại thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện giờ chúng ta có được hai bản là bản của Hoàng Xuân Hãn hiện đang học và bản của thượng tọa Thích Trí Siêu để đối chiếu.

Bản Thiên Tông Bản Hạnh in năm 1745, phần phụ có các bài: Cư Trần Lạc Đạo Phú, Đắc Thú Lâm Tuyền Thành Đạo Ca của ngài Trần Nhân Tông, Vịnh Hoa Yên Tự Phú của ngài Huyền Quang và phụ sau là Ngộ Đạo Nhân Duyên bằng chữ Hán của thiền sư Chân Nguyên.

Bản in năm 1932, phần phụ gồm có các bài: Cư Trần Lạc Đạo Phú, Đắc Thú Lâm Tuyền Thành Đạo Ca, Vịnh Hoa Yên Tự Phú; Giáo Tử Phú của Mạc Đĩnh Chi, Du An Tử Sơn Nhật Trình và Thiếu Thất Phú của Bạch Liên Thiếu Sĩ; cuối bản là Thiên Tịch Phú của thiền sư Chân Nguyên.

Quyển Thiên Tông Bản Hạnh chúng ta học hôm nay là bản của ông Hoàng Xuân Hãn phiên âm để chúng ta dễ đọc dễ hiểu. Bản này nói về sử thiền, dưới hình thức thơ thượng lục hạ bát, toàn bộ có cả thảy 794 câu, nếu thêm bài kệ là 798 câu.

Mục đích của bản Thiên Tông Bản Hạnh là thuật lại đời tu hành của vua Trần Thái Tông, vua Trần Thánh Tông và ngài Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông hay Trúc Lâm Đại Đầu-đà. Phần sau có nói sơ lược về ngài Pháp Loa và ngài Huyền Quang.

Về lịch sử, thiền sư Chân Nguyên ra đời vào giữa thế kỷ XVII (1647) và tịch đầu thế kỷ XVIII (1726) cách đời Trần ngót bốn thế kỷ, nhưng được duyên tốt là ngài thừa kế trụ trì hai ngôi chùa lớn nhất của hệ phái Trúc Lâm Yên Tử là chùa Quỳnh Lâm và chùa Long Động. Những pho sách của hệ phái Trúc Lâm Yên Tử hầu hết được cất giữ ở hai nơi đó. Vì có đầy đủ tài liệu để khảo sát, cho nên ngài có những tác phẩm nói về đời Trần rất đáng tin cậy.

THIÊN TÔNG BẢN HẠNH

1. LỜI MÀO

Thời vừa đầu tiết xuân thiên,
Khí dương đầm ấm dân yên thái hòa.
Bụt sinh Hoàng giác Lê gia,
Thánh chúa võ trị gần xa lai hàng.
Bốn phương khói tắt lửa lang,
Phong điều vũ thuận dân Khang thái bình.
Được mùa hải yến hà thanh,
Gia gia nghinh chúc Thánh Minh cứu trường.
Dân nông thịnh vượng tâm tang,
Thóc Hán gạo Đường đại nậm phong niên.
Tuệ Đẳng hòa thượng Chân Nguyên,
Trụ trì Long Động tự Thiên Dực am.
Vốn xưa cổ tích danh lam,
Trần triều khai sáng đỉnh nham tu thiền.
Yên sơn cảnh tựa Tây thiên,
Phân hương chúc Thánh khỏe bền đế đô.
Việt Nam bốn bể cứu châu,
Hưng sùng đạo Bụt chợ quê khắp miền.
Gió thông thổi lọt am hiên,
Tinh thần sáng nhớ lòng thiên chép ra.

2. CỘI GỐC THIÊN TÔNG

Trước kể tông phái thiên gia,

Ai ai học đạo xem hòa biết hay.
Tây thiên Thích-ca là thầy,
Truyền cho Ca-diếp cùng thầy A-nan.
Tính được nhị thập bát viên,
Hai mươi tám tổ Tây thiên thuở này.
Đạt-ma tổ mái phương Tây,
Vượt sang Đông độ truyền nay kệ rằng:
*“Ngô bản lai tư thổ,
Truyền pháp cứu mê tình.
Nhất hoa khai ngũ điệp,
Kết quả tự nhiên thành.”*
Nguồn cơn tao đến chứng đây,
Mở truyền giáo pháp làm thầy cứu mê.
Một cây nở được năm chi,
Khai hoa kết quả đều thì chứng nên.
Tuệ Khả, Tăng Xán tục liên,
Đạo Tín, Hoàng Nhãn, lục thiên Huệ Năng.
Chư tổ truyền đôi tâm đẳng,
Tây thiên Đông độ thiệu long khắp trời.
Ngũ gia tông phái mọi nơi,
Kéo đèn chong ngọn đợi người hữu duyên.
Chư Phật trở bảo căn nguyên,
Khẩu thụ tâm truyền Bát-nhã chính tông.
Tứ mục tương cố nhân đồng,
Thầy tổ trao lòng đẳng chúc giao huy.

Bổng đầu cử nhân ấn tri,
Cơ quan thấu được thật thì tri âm.
Đến khi phó pháp truyền tâm,
Vận dụng trí tuệ thiền thâm nhiều bề.
Hoặc là nghiệm tọa vô vi,
Hoặc là thuận mục, dương mi, dao thần.
Hoặc hiện sử tử tần thân,
Quát thét một tiếng xa gần vang uy.
Ai khôn xem đây xá nghì,
Hội ngộ tự tính tức thì chứng nên.
Thuở xưa hội cả Kỳ Viên,
Bụt cầm một đóa hoa sen giờ bày.
Ca-diếp trí tuệ cao tay,
Liễu ngộ tự tính bằng nay mỉm cười.
Trần trần sát sát Như Lai,
Chúng sinh mỗi người mỗi có hoa sen.
Hoa là vốn tính trạm viên,
Bao hàm thiên địa dưới trên cùng bằng.
Hậu học đà biết hay chẳng?
Tâm hoa ứng miệng nói năng mọi lời.
Thiên liêng ứng khắp mọi nơi,
Lục căn vận dụng trong ngoài thần thông.
Chân hoa sắc tức thị không,
Không tức thị sắc thể đồng như như.
Tam thế chư Phật tổ sư,

Tứ mục tương cố thị cừ thiên cơ.
Ai chưa tín thụ còn ngờ,
Thỉnh kinh Lăng-già quyền nhị hòa tông.
Tự nhiên đốn ngộ tâm tông,
Kẻ tìm kinh giáo luống công lâu ngày.
Giáo là kinh lục kể bày,
Giấy mực văn tự chất đầy hà sa.
Tông là nguyên tự tính ta,
Vốn vô nhất vật lặng hòa hư linh.
Thuở xưa trời đất chưa sinh,
Cha mẹ chưa có thật mình chân không.
Chẳng có tướng mạo hình dung,
Tịch quang phổ chiếu viên đồng thái hư.
Thánh phàm vô khiếm vô dư,
Bất sinh bất diệt như như Di-đà.
Liễu tri vạn pháp không hoa,
Văn tự ngôn ngữ ấy là vọng duyên.
Chân như tính vốn thiên nhiên,
Vô tạo vô tác căn nguyên của nhà.
Xem kinh Bụt thốt còn xa,
Nghiệm cơ tổ bảo sát-na biết rồi.
Ngộ tính không tịch thì thôi,
Chẳng lạ chi lời vấn đáp tiêu hao.
Cơ quan thuận nghịch thấp cao,
Những sự huyền trí chiêm bao đặt làm.

Đại vi thuyết pháp chỉ nam,
Cho ta ngộ đạo kéo dài kinh lâu.
Cho hay Phật pháp lẽ mầu,
Bất quan văn tự bất cầu đa ngôn.
Khuyên người học đạo trí khôn,
Giác tri tự tính chớ còn tìm đâu.
Phật tổ phó chúc bấy lâu,
Pháp ấn như thị lâu lâu chân không.
Cùng truyền Bát-nhã tâm tông,
“Ngộ vô sở đắc” thật dòng chân tăng.
Thiệu Phật kế tổ liên đăng,
Tương truyền y bát thừa thừa thiệu long.

3. CHUYỆN TRẦN THÁI TÔNG

3.1 VỐN MUỐN TU THIỀN

Ấy sự chư tổ truyền lòng,
Này đoạn lại nói Nam cung những là.
Chư tổ truyền đèn nước ta,
Thiền tông ý chỉ chép ra lời này:
Trước kể Trần triều cho hay,
Đế vương học đạo là Trần Thái Tông.
Trị vì thiên hạ tây đông,
Vạn dân phú quý no lòng âu ca.
Thái Tông trị vì quốc gia,
Lòng muốn tu đạo để hòa độ thân.
Bề trên báo được tứ ân,

Bê dưới chữa khỏi trầm luân tam đồ.
Thân tuy còn ở thành đô,
Lòng đã tưởng chùa non vắng am mây.
Lòng vua những lo đêm ngày,
Hai mươi sáu tuổi hầu hay chức nào.
Sinh lão bệnh tử thương sao,
Tuổi già rập rập nan đào tử sinh.
Ngày tháng bằng chớp lãng minh,
Thân người ảo hóa nhiều hành khá thương.
Thế tình tham những giàu sang,
Đam say nào cốt tuổi vàng Phong đô.
Tam hoàng ngũ đế đời xưa,
Lửa lần thay đổi biết qua mấy đời.
Cùng nhờ uy phúc ơn trời,
Thịnh suy bĩ thái vãng lai Ta-bà.
Chí thân mạc đại chi gia,
Tình thâm phụ mẫu cùng là đệ huynh,
Phu thê nghĩa cả chí tình,
Đến khi số hết một mình Diêm-la.
Chẳng ai thay được đâu là
Ruộng nương lại để người ta ăn rồi.
Cũng như bọt nổi dòng xuôi,
Đèn soi mặt nước ai ai cũng vầy.
Thân người ảo hóa bao chầy,
Như bằng ngủ mắt nằm ngày chiêm bao.

Tử sinh chẳng biết khi nào,
Phất phơ đèn gió người nào biết hay.
Ai khôn cốc tính chớ chầy,
Lo liệu thân này độ lấy thân sau.
Chớ còn bịn rịn hòa lâu,
Quyết học đạo mầu phát túc siêu phương.

3.2 LÁNH LÊN YÊN TỬ

Thuở ấy Thiên Ứng đại tường,
Chính Bình ngũ tải thụ quang đượm nhuần.
Tứ nguyệt vừa năm Bính Thân,
Mồng một tháng bốn mạt xuân sang hè.
Hội mạt hâu ban Tý thì,
Vua phán tả hữu một khi lời này:
*“Lòng Trẫm thương thiên hạ thay,
Phú quý bần bạc chẳng hay đường nào.
Thị tùng bay đi cùng tao,
Thăm xem dân thế đường nào cho hay.
Thiên hạ đói rách thương thay,
Thấy no phú quý Trẫm nay mừng lòng.”*
Bảy người tả hữu đi cùng,
Qua dò đông khứ tất mong tìm ngàn.
Ngày sau đến dò Bàn Than,
Lệ người hay mặt nhà quan thuở này,
Tay áo che mặt bằng nay,
Sang dò cho khỏi, vắng rày lại đi.

Non cao rừng quanh sơn khô,
Đường đi hiểm trở nhiều bề thiết thay.
*“Lòng thật Trầm bảo chúng bay,
Trầm đi tu đạo chúng bay trở về.”*
Bảy người lần khóc ngã kê,
“Vua để thiên hạ sâu bi đoạn trường.”
Ngày ấy phải tối giữa đường,
Vào nằm tảng Giác chùa làng một đêm.
Hỏi thăm đường lên Hoa Yên,
Dốc lòng tìm Bụt chẳng phiên đường xa.
Non cao rừng quanh dã hoa,
Sơn trùng vạn điệp Quốc gia đồ ngời.
Ngựa nhọc đi chẳng đến nơi,
Lòng lo bát ngát, hầu ngời lại đi.
Vào đến Long Động một khi,
Coi thấy khí tượng lòng thì đã vui.
Tuyền khô, suối mát tắm ngơi,
Hiệu là Cốc Đồ nước sôi dùng dùng.
Trông thấy Cửa Ngăn lạ xong,
Đôi núi giao lại ngăn lòng thế gian.
Đồ như thạch bích tam quan,
Dù ai đến đấy Giải Oan mới vào.
Trong cửa Thạch Tượng lạ bao!
Có voi la đá uy hào cực thiêng;
Chống ngự ngoại đạo tai ương,

Hộ người có đức đòi phương được lành.
Lại đi một dặm ngàn xanh,
Đến Tiết Dương suối, nước thanh lâu lâu.
Trăm đường phiền não chẳng âu,
Tắm qua nước ấy đã hầu khinh thân.
Trèo lên Đố kiệu hầu gần,
Mùi hương phức phức phàm trần đã không.
Rườn rà hàng trúc hàng thông,
Thế gian đến đấy thì lòng đã thanh.
Suối đàn tiếng nhạc đoành đoành,
Chim kêu vượn hót đã khuynh lòng thiên.

3.3 GẶP THẤY VIÊN CHỨNG

Bước lên đến chùa Hoa Yên,
Bốn bề cảnh giới động tiên khác thường.
Trăm hoa đua nở mùi hương,
Lòng vua đến đấy một dường vui thay.
Trúc Lâm Viên Chứng là thầy,
Ra mừng hoàng đế nói bày thiên gia:
*“Thiên tăng khổ hạnh ở già,
Cơm ăn dưa muối dầu là đói no.
Mình gây cật vận áo vo,
Lòng bằng mây nước chẳng lo điều gì.
Vua làm thánh đế trị vì,
Đền rồng gác phượng của thì nhiều thay.
Cung phi mỹ nữ châu bày,*

*Trà thang ngọc thực đêm ngày xướng ca.
Ngai vàng ngời ngự trung hoa,
Man, Di, Lào, Lê gần xa phục này.
Sơn lâm đường hiểm đường này,
Vua tìm vào đến, chẳng hay sự gì?
Này Vua giận ai mà đi?
Ắt là có sự vậy thì chẳng không.”
Vua thấy Thầy thốt tin lòng,
Hai hàng nước mắt dòng dòng nhỏ sa.
“Trẫm làm hoàng đế quốc gia,
Kim ngân châu báu đề đa thiếu gì.
Lòng Trẫm thấy của màng chi,
Thân người ảo hóa được thì bao lâu.
Lại lo phụ mẫu trước sau,
Ân thâm đức hậu lấy gì báo ơn.
Nay Trẫm tìm vào lâm sơn,
Tu cầu làm Bụt chẳng toan sự nào.”
Thầy thấy vua thốt, cảm sao,
Thiên tông trở bảo thấp cao sự lòng:
“Sơn vốn vô Phật làm xong,
Bụt ở trong lòng, Phật tại hô tâm.
Hiện ra nhân, nhĩ, thanh âm,
Dương mi, thuấn mục, chẳng tâm thì gì?
Tâm nguyên không tịch vô vi,
Ngộ được tức thì quả chứng Như Lai.*

*Tính ta há phải cầu ai,
Gia trung Phật báu muôn đời sáng soi.”*

3.4 TRẦN THỦ ĐỘ ÉP VUA TRỞ VỀ CUNG

Thì vừa thiên hạ tìm đòi,
Trần công Thái tử thương ôi những là.
Lệnh rao khắp hết gần xa,
Tìm đòi dấu ngựa khắp hòa đông tây.
Sang khó già trẻ thuở nay,
Cùng tìm hoàng đế đêm ngày tận toan.
Tìm lên đến Yên Tử sang
Thấy vua tụng kinh, thiên ban lòng sâu.
Lão thần quỳ lạy trước sau:

“Vua đi tu đạo tôi hầu làm sao?”

Triều đình tả hữu cùng vào,
Trần ngôn thống thiết thấp cao mọi lòng:

*“Chúng tôi phù rập quốc trung,
Thiên hạ phú quý, tây đông an nhàn.*

*Bằng nay Vua để nhà quan,
Hòa đi tu đạo, dân gian cực sâu.*

*Nguyên Vua nạp ngôn tôi tâu,
Xá về trị nước, sau già sẽ hay.*

*Lòng Vua chẳng toan về rày,
Thiên hạ cùng thác ở đây chẳng về.”*

Vua thấy thiên hạ sâu bi,
Lòng lo thảm thiết, một khi trình Thầy:

*“Thiên hạ rước Trẫm về rày,
Lòng muốn tu đạo nguyện Thầy dạy sao?”*
Dòng dòng nước mắt nhuốm trào,
Một là tiếc đạo, hai là thương dân.
Thuở ấy thiên sư Trúc Lâm,
Thấy vua thốt vậy, bội phần khá thương.
Trí khôn tâu động Thánh hoàng:
*“Được lòng thiên hạ mới lường rằng bay.
Phù vi nhân quân giả,
Dĩ thiên hạ chi tâm vi tâm,
Dĩ thiên hạ chi dục vi dục.
Kim thiên hạ dục nghinh,
Nguyện Bệ hạ quy chi.
Nhiên nội điển chi cứu,
Vô vong tu Tâm luyện Tính nhĩ.”*
Này đoạn Thầy phó chúc vua:
*“Dù về trị nước đế đô kinh thành,
Ngày thì xem việc triều đình,
Đêm thì hằng nhớ tụng kinh tọa thiền.
Phật pháp là đại nhân duyên,
Con cả nối nghiệp thay quyền lại đi.”*
Triều đình kính chúc tung hô,
Kiệu dù tàn tán rước vua ngự về.
Thiên hạ mừng thay bốn bề,
Vua lại xem trị, nước thì điện an.

3.5 VUA TU THIÊN TẠI GIA

Trị vì được mười ba xuân,
Chốc mòng đạo Bụt, lại toan sự lòng.
Nhớ lời Thầy dạy chẳng vong,
Mời chư thiên đức lão tăng vào chầu.
Thăm hỏi kinh giáo trước sau,
Kim Cương thường tụng lễ mầu tinh thông,
Liễu đạt tám chữ làm xong,
“Ung vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm.”
Vua ngồi tức lự trầm ngâm,
Hoát nhiên đại ngộ mới thâm vào lòng.
Ngỏ được Bát-nhã tâm tông,
Vạn pháp diệu dùng, tự tính hiển dương.
Bản lai diện mục chân thường,
Viên dung pháp giới đường đường tịch quang.
Khi thì ngồi ngự ngai vàng,
Khi thì tọa định thiên sàng bóng cây.
Lòng thiền nghiêm cẩn ai hay,
Quả Bồ-đề chín, đến ngày thu công.
Thiên hạ nam bắc tây đông,
Thấy vua đắc đạo cong lòng vui thay!
Sang khó già trẻ thuở nay,
Cùng đi học đạo số rầy đề đa.
Đắc đạo bằng cát sông Hà,
Nhờ ơn hoàng đế quốc gia phát lòng.

Dù ai tính đã bạo hung,
Lại hồi chánh thiện, ra lòng đi tu.
Vạn dân Kích nhường Khang cù,
Nhà nhà thờ Bụt nam-mô Di-đà.
Này đoạn Lão tăng thầy già,
Ở Yên Tử già, tìm xuống thành đô.
Vua mừng tặng phong Quốc sư,
Trọng tăng kính Phật phụng thờ nghiêm trang.
Phán ở Thăng Đức điện đường,
Sửa kinh soạn lục để truyền hậu lai.
Thiên Phong là thầy nước người,
Trí tuệ cao tài, kinh lịch chư bang.
Tiếng đồn Việt quốc đế vương,
Có vua tu đạo, người thường xảy qua.
Xưng rằng: “*Lâm Tế tông xưa,
Pháp phải diển thừa, vân thủy A Nam.
Hội thiện tri thức lại tham,
Ích mình tôn chỉ càng thêm lòng thiện.
Sư trưởng là đại nhân duyên,
Thiện hữu trợ giáo hộ quyền nam-mô.*”
Thái Tông mở Phật trường đồ,
Quỳnh Lâm, Tư Phúc cùng chùa Hoa Yên.
Trai tăng ngũ bách dư viên,
Thế phát thụ giáo thiên thiên vãn vãn.
Thành thị cho đến lâm san,

Tùy căn tu chứng, thanh nhân yên cư.

3.6 SỰ TỔNG ĐỨC THÀNH TỎI THAM THIÊN

Thuở ấy ngoại quốc tông sư,

Lại nghe Nam Việt có vua tu hành.

Tên người là Tống Đức Thành,

Trèo non lặn suối một mình tìm sang.

Vào châu báỉ tạ thiên nhan,

Thiên gia làm lễ, dám tham lời rằng:

Đức Thành vẫn viết:

“Tích Thích-ca Thế Tôn

Vị ly Đâu-suất,

Dĩ giáng vương cung,

Vị xuất mẫu thai,

Độ nhân dĩ tất. Thì như hà?”

Thái Tông hoàng đế đáp vâng:

“Thiên giang hữu thủy thiên giang nguyệt,

Vạn lý vô vân vạn lý thiên.”

Đức Thành hựu vâng:

“Vị ly vị xuất môn khai thị,

Dĩ ly dĩ xuất sự nhược hà

Thái Tông đáp vâng:

“Vân sinh nhạc đỉnh đô lô bạch,

Thủy đáo Tiêu Tương nhất dạng thanh”

“Mây lên núi bạc bằng lau,

Nước xuống nguồn Tào vặc vặc lặng thanh.

*Pháp thân trạm tịch viên minh,
Tự tại tung hoành phổ mãn thái hư.
Tùy hình ứng vật tự như
Hóa thiên bách ức độ chư mọi loài.
Ứng hiện dưới đất trên trời,
Khắp hòa thế giới mọi nơi trong ngoài.
Đã đặt hiệu là Như Lai,
Sao còn hỏi xuất mầu thai làm gì?
Nguyệt luân biến chiếu quang huy,
Thiên giang hữu thủy cũng thì bóng in.”
Đức Thành lại hỏi căn nguyên:
“Đế vương ngộ đạo nhân duyên như hà?”
Này lời Thái Tông thưa ra:
“Lưỡng mộc đồng hỏa, đôi ta khác gì.
Đương cơ đối đáp thị thù,
Thật tính thi dụng cùng thì nhất ban.
Phóng ra bọc hết càn khôn,
Thu lại hoàn nhất mao đoan những là.
Ma-ha Bát-nhã ba-la,
Tam thế chư Phật chứng đà nên công.
Thiên giang vạn thủy triều đông,
Ngộ đạo giá lý thật cùng tày nhau.
Phật tiền, Phật hậu trước sau,
Bát-nhã huyền chỉ đạo mầu truyền cho.
Ai ai đạt giả đồng đồ,*

*Mỗi người mỗi có mình châu trong nhà.
Mùa xuân vạn thụ khai hoa,
Cành cao cành thấp vậy hòa chứng nên.
Vi nhất đại sự nhân duyên,
Xuất hiện vu thế tam thiên Ta-bà.
Ngai rồng trút để bước ra,
Thế phát ở già, niệm Bụt tụng kinh.
Khác nào được xuất kim bình,
Há đi tu hành, cứu được vạn dân.
Bản lai thanh tịnh pháp thân,
Viên dung pháp giới, đâu gần đâu xa.
Có chữ Đầu Phật Xuất Gia,
Vi vậy Trẫm phải bước chân ra ngoài.”
Đức Thành tôn phục mọi lời,
Thật quyền Hoàng Giác ra đời độ nhân
Đức Thành bái tạ Thánh quân,
Thượng hoàng Phật đạo, hạ cần Vương gia.
Đức Thành lễ bái trở ra,
Tống quốc khiêm nhượng nước ta thánh hiền.*

4. CHUYỆN TRẦN THÁNH TÔNG

*Tuổi vua sáu mươi dư niên,
Nhường vị cho con là Trần Thánh Tông.
Mậu Ngọ cải hiệu Thiệu Long,
Trị vì thiên hạ tây đông an nhàn.
Trần triều dòng đức vua quan,*

Những Tiên cùng Bụt thế gian khôn bì.
Cửu trùng cũng thủ thùy y,
Hưng sùng đạo Bụt sớm khuya ân cần.
Trị vì nhị thập nhị xuân,
Lại toan học đạo tu thân phát lòng.
Cho con là Trần Nhân Tông,
Thay quyền kế trị nối dòng đế vương.
Sửa sang quốc chính kỷ cương,
Cho cha du thủy du sơn tu hành.
Ở chùa Tư Phúc An Sinh,
Trì trai thế phát tụng kinh đêm ngày.
Đại Đăng quốc sư là thầy,
Thánh Tông đắc đạo, mừng thay thoát ràng:
*“Tiên đăng lại điểm hậu đăng,
Mộng Bồ-đề nở nhưng lòng ông cha.”*

5.1 CHUYỆN TRẦN NHÂN TÔNG

Này đoạn Nhân Tông kể ra:
Thánh mẫu là mẹ lòng hòa có nhân.
Giác hòe thoát nhấc đêm xuân,
Chiêm bao xảy thấy thần nhân một người.
Cao cả tượng sứ nhà Trời,
Trao cho lưỡng kiếm, có lời bảo vay.
Hoàng hậu sức thức đêm chầy,
Thấy điềm sự lạ tau bày Thánh Tông.
Lòng vua thấy vậy cực mừng,

Bàn mộng thốt rằng: “Ấy Trời tội ta.”

Từ ngày chiêm bao đã qua,

Hoàng hậu thụ thai càng hòa tốt tươi.

Mãn nguyệt no tháng thoát thai,

Mình vàng kim sắc tướng người lạ thay.

Vua cha thốt bảo rằng bay:

“Hai ta có đức, sinh nay Bụt vàng.”

Hữu kiên nốt ruồi bên nường,

Thuật sĩ xem tướng đoán lường rằng bay:

“Thái tử trí cả bằng nay,

Gánh việc đại khí làm thấy mười phương.”

Cha mẹ dưỡng dụ yêu đương,

Đặt hiệu cho chàng là Điều Ngự Vương.

5.2 THÁI TỬ TRỐN LÊN YÊN TỬ

Tuổi mới mười sáu niên phương,

Vua cha định liệu cho thăng trị vì.

Điều Ngự hai phen tâu quỳ,

Khiến nhường cho em trị vì thay anh.

Thái tử lòng muốn tu hành,

Nhìn xem phú quý tâm tình dưng dưng.

Tuy ở điện bệ Đông Cung,

Lòng hằng chờ nhớ tông phong nhà thiên.

Đêm khuya bóng nguyệt cài hiên,

Chiêm bao xảy thấy hoa sen mọc bày.

Có người chỉ bảo rằng bay:

“Gẫm thấy phen này Thái tử có duyên.

Ấy là Phật báu hoa sen.

Thái tử từ ấy những nguyên ăn chay.

Mặt mũi mình vóc đã gầy,

Vua cha xem thấy, ngày rày hỏi con.

Thái tử quỳ lạy râu van,

Thánh Tông nước mắt hòa chan dòng dòng.

“Ai hầu nối nghiệp tổ tông

Tuổi cha già cả cong lòng khá thương.”

Thái tử nước mắt đượm nường,

Phụ tử tình thâm, cảm thương thay là!

Học Đạo báo ơn mẹ cha,

Đêm ấy Thái tử thoát ra du thành.

Tìm lên Yên Tử một mình,

Đến Đông Cứu sơn, thiên minh rạng ngày.

Giả tướng lệ người thế hay,

Vào nằm trong tháp một giây đồ dùng.

Tăng tự thấy tướng lạ lòng,

Làm bữa cơm thết cúng dàng cho ăn.

Hoàng hậu liền tâu minh quân,

Rao bảo thiên hạ quần thần đông tây.

Nhân Tông hoàng đế Diệu Ngừ,

Nghe Tuệ Trung thốt, ngộ đà viên thông.

5.4 NHƯỜNG NGÔI LÊN Ở CHÙA VẤN YÊN

Thuở ấy con là Anh Tông,

Nhường cho tức vị Hưng Long hiệu rày.
Kỷ Hợi Nhân Tông ra ngoài,
Quyết lên Yên Tử tu chùa Hoa Yên.
Quần thần nghĩa sĩ dưới trên,
Đưa vua tu Đạo thoát duyên phàm trần.
Đến chùa Long Động mới phân,
Tất trừ phiền não ái ân, phát nguyên.
Nhân Tông khẩn khẩn lòng tin,
Thành tâm trai giới bước lên chiến già.
Cung tần thể nữ trở ra,
Người về phối thất, kẻ ra kinh kỳ.
Mặc ai ra chợ về quê,
Canh nông buôn bán làm chi mặc lòng.
Thế gian vạn sự của chung,
Sinh không, tử lại hoàn không những là.
Rày Trẫm đầu Phật xuất gia,
Trăm đường rũ hết lòng hòa tiếc chi.
Chị hầu, bà mụ, cung phi,
Mộ đạo chẳng về cảm đức ở đây.
Lòng vua thấy vậy thương thay,
Phán rằng cho ở một nơi lâm tuyền.
Cho nên tích để lưu truyền:
Làng Nàng, làng Mụ, phúc duyên đã chầy.

5.5 THÀNH ĐẠO VUA ĐI HÀNH HÓA

Vua ngự Yên Tử bằng nay,

Tụng kinh thiên định đêm ngày cần tu.
Thiên hạ phủ huyện lộ châu,
Hưng sùng đạo Bụt thành đô trong ngoài.
Thiên hạ học đạo mọi nơi,
Kiến Phật trai tăng nối đời Thiên tông.
Thì vừa Giáp Thìn niên trung,
Đầu-đà hành hóa tham lòng thế gian.
Du phương sơn thủy mọi ngàn,
Người tôn kẻ báng thế gian sự thường.
Dân phàm chẳng biết Đế vương,
Thế đầu học đạo chẳng phương thân mình.
Dù ai dễ dối kiêu hành,
Chứng được Pháp nhãn tâm tình vui thay.
Giảng pháp nam bắc đông tây,
Anh Tông có biểu thỉnh nay vào thành.
No mặt bách quan triều đình,
Cùng thụ giáo pháp tu hành làm nơi.
Tại gia tiệm giới tiệm trai,
Tác phúc niệm Phật thương loài chúng sinh.
Khoan nhân mãn tuất dân tình,
Phúc truyền con cháu hiển vinh muôn đời.
Ngày rằm mồng một chử nguôi,
Tiến dâng lục cúng Bụt Trời chứng minh.
Tây phương cũng được thượng trình,
Di-đà tiếp dẫn hóa sinh Liên đài.

Hoặc người giải thoát trần ai,
Chẳng tham phú quý, tiền tài lợi danh.
Xuất gia đầu Phật tu hành,
Quả chứng công thành cứu được tổ tiên.

5.6 VUA GIẢNG THIÊN TẠI CHÙA SÙNG NGHIÊM

Lại thốt sự Tổ nhân duyên,
Đầu-đà vãng giáo kinh quyền bốn phương.
Thì vừa khai tuyển Phật trường,
Linh Sơn cảnh giới thiên đường mọi nơi.
Đến chùa Sùng Nghiêm đồ ngói,
Mở hội thuyết pháp có lời cho tham. Vậy có kệ rằng:
*“Thân như hô hấp tỳ trung khí,
Thế tự phong hành lĩnh ngoại vân.
Đỗ quyên đề đoạn nguyệt như trú,
Bất thị tâm thường không quá xuân.”*
*“Ai ai đã để cửa nhà,
Tìm đi học đạo xuất gia tu hành
Chớ còn tham lợi tham danh,
Chấp cảnh chấp giới tranh hành làm chi.
Vô thường sinh tử bất kỳ,
Đạo đức chẳng có ở thì sao an?”*
Đạo trường thỉnh vấn hỏi han,
Điều Ngự giảng hết thiên quan mọi lòng.
Thị tăng lại hỏi cánh chung,
Điều Ngự phó chúc tâm tông cho rày:

*“Bát Tự Đả Khai bằng nay,
Tứ Mục Tương Cố lộ bày viên dung.
Ấy là mật ấn tâm tông,
Tổ đã truyền lòng, chớ có hồ nghi.
Bát thức không tịch vô vị,
Chuyển thành tử trí gọi thì đã khai.
Tam thế chư Phật Như Lai,
Tứ Mục Tương Cố muôn đời chứng Chân.”*

Từ ấy đức Đạo rân rân,
Ai ai lĩnh chỉ tu thân độ người.

5.7 VỀ KINH LÀM CHẠY CHO CHỊ

Bảo Sát gián Tổ mọi lời:

“Tôn đức niên lão mưa đời đường xa.”

Nhân Tông mỉm cười thốt ra:

“Tứ đại thủy hỏa dầu là no tan.

Giá cá bản lai bất can,

Có đâu sinh diệt hòa toan nhọc mình.

Lòng tạo quảng độ chúng sinh,

Đầu-đà khổ hạnh giáo thanh truyền đời.

Xuân thu vãng giáo mọi nơi,

Hạ đông yển tọa lại ngôi non xanh.”

Thập nguyệt ngũ nhật bình minh,

Thiên Thụy công chúa cong mình phải đau.

Gia đồng Triệu Bản lên tàu,

Đến Tử Tiêu am khấu đầu lạy vua:

“Công chúa bệnh đốc chẳng qua.”

Nhân Tông thấy thốt nói ra lời này:

“Nhân duyên thời tiết vậy vay,

Có sinh có tử xưa nay hằng lẽ.”

Nhân Tông chống gậy ra đi,

Hành giả hộ trì một người chân tay.

Ba ngày đến kinh đô rày,

Lập đàn phó chúc một ngày tái quy.

5.8 TRÊN ĐƯỜNG VỀ NÚI VUA MỆT

Đến chùa Cổ Châu một khi,

Cất bút bài đề một kệ rằng bay:

“Thế sắc nhất tức mặc,

Thì tình lưỡng hải ngân.

Ma cung hồn quản thậm,

Phật quốc bất thắng xuân.”

Ngày sau đến chùa Sùng Nghiêm,

Tuyên Từ thái hậu thết bữa thì trai.

Về đến Hương Lâm thuở nay,

Nhức đầu khí liệt, chân tay ngại kể.

Tình cờ hai thầy qua đi,

Tử Dinh Hoàn Trung tức thì mừng thay.

Nhân Tông thốt bảo rằng bay:

“Lòng tao thuở này muốn lên Ngọa Vân”

Hai thầy liệng tay đến gần:

“Chúng tôi cảm lòng hộ niệm đường xa”

Tu du xảy lên đến già,
Nhân Tông thốt bảo: *“Mưa qua lời này.
Chúng bay học Đạo chớ chầy,
Vô thường hai chữ kíp thay nan đào.
Gọi lấy Bảo Sát cho tao,
Có lời đặc nhủ tiêu hao mọi lòng.”*
Hành giả tên là Pháp Không,
Đến Vân Tiêu am cong lòng thương thay!
Nói chiềng Bảo Sát cho hay:
“Tôn đức thì tiết thuở này chẳng qua.”
Bảo Sát lòng thương xót xa,
Tay đem kinh giáo xuống mà tìm đi.
Đường trường lặn suối sơn khô,
Đêm ấy phải tới một khi nằm rùng.
Coi thấy hắc vân bay không,
Bảo Sát găm được, trong lòng biết hay.
Lên đến Ngọa Vân thuở nay,
Điều Ngự thốt bảo: *“Mây chày, tao mong.
Vạn pháp bản lai chân không,
Chẳng mắc mộ pháp mới thông lòng thiền.
Ốc là pháp tính tự nhiên,
Bất sinh bất diệt bản nguyên lâu lâu.
Chư tổ phó chúc bấy lâu,
Ý nghĩa mật hậu để sau mà dùng.
Pháp Loa tạo đã truyền lòng,*

Làm đệ nhị tổ nối dòng Như Lai.
Đèn Bụt như lửa mặt trời,
Hỏa tinh vô tận mỗi người mỗi cho.”
Bảo Sát hỏi chúng môn đồ,
“*Ai ai cũng có minh châu trong mình.*
Pháp thân nghiêm kỹ trường linh,
Tỳ-lô đỉnh thượng tung hoành thái hư.
Thánh phàm vô khiếm vô dư,
Đường đường đối diện như như thể đồng.”
Giảng hết Thiên chỉ tâm tông,
Thiên địa chấn động hư không thuở này.
Phó chúc ngô tử hình hài,
Tượng pháp muôn đời công án độ sinh.
Thế thế Thích tử tu hành,
Điều Ngự thụ ký công thành nhiều thay
5.9 VUA MẤT ĐỂ ẢNH HƯỞNG LỚN LẠI
Thập nhất nguyệt mồng một nay,
Tý thì Phật tổ quy Tây Nát-bàn.
Bảo Sát phụng phó chúc ngôn,
Trà-tỳ phần hóa hỏa quang ngút trời.
Pháp Loa, Bảo Sát mọi người,
Thu thập ngọc cốt thương ôi những là:
“*Tổ đã một ngày một xa,*
Ai hầu giáo hóa chúng ta sau này?”
Dòng dòng nước mắt chảy ngay,

Rước về Yên Tử tháp xây làm tầng.
Một phần xây tháp Phổ Minh,
Ấy là Phật cốt uy linh nước này.
Đời đời vua chúa kính thay,
Để dân tảo lệ xưa nay phụng thờ.
Thật dân Tam bảo hoàng nô,
Trung Lương, Nam Mậu tích xưa Trần triều.
Quan sang thiên hạ dấu yêu,
Vì chưng thuở trước đã nhiều nhân duyên.
Cúng tăng sự Phật lòng tin,
Coi sóc chùa chiền kỵ lạp hương hoa.
Muôn đời khiên tộc quốc gia,
Nước có Phật cốt sinh ra thánh hiền.
Nước Nam đẹp được bốn bên,
Vì có Phật báu Hoàng thiên hộ trì.
Đời đời Phật đạo quang huy,
Quốc gia đình thịnh càng thì tăng long.

6. DÒNG THIÊN TRÚC LÂM

Nhân Tông gặp thầy Tuệ Trung,
Làm đệ nhất tổ Nam cung nước này.
Đệ nhị Pháp Loa bằng nay,
Rập đời Anh Tông đêm ngày yêu đương.
Đệ tam tổ sư Huyền Quang,
Truyền cho Minh Tông lòng càng từ bi.
Dầu ai xem đấy xá ngại,

Năm Vua ba Tổ đều thì chứng nên.
Truyền cho thiên hạ bốn bên,
Người ta đắc đạo thiên thiên vàn vàn.
Nhờ ơn Hoàng Giác, vua quan,
Phát lòng tu trước, dân gian học cùng.
Đời đời nối đạo Thiên tông,
Chính pháp truyền lòng ai được thì hay.
Tổ đã đắp nắm trồng cây,
Mộng Bồ-đề nở sau này càng cao.
Khai hoa kết quả xao xao,
Dõi truyền đất Việt thấp cao trùng trùng.
Ai khôn có trí có công,
Tu hành ngộ được tâm tông mới mầu.
Nhân duyên có trước có sau,
Ai ai cũng có tính châu Bồ-đề.
Kiến văn tri giác khác gì,
Mày ngang mũi dọc xem thì bằng nhau.
Phật tiên Phật hậu trước sau,
Bát-nhã huyền chỉ đạo mầu Ma-ha.
Mênh mông bể Thích tuy xa,
Biết đường vượt tắt đến nhà một giây.
Lòng Bụt thương chúng sinh thay!
Bách ban phương tiện mở nay để chờ.
Bằng người cao sĩ quán cơ
Thông sao một hộp cạn bờ sông Tây.

Bảo thật cứu cánh cho hay,
Tứ Mục Tương Cố đã thì ấn tâm.
Bụt truyền từ cổ đến cầm (kim),
Ai tin thì được ấn tâm thật thà.
Xem Thánh Đăng Lục giảng ra,
Kéo đèn Phật tổ sáng hòa tam thiên.
Việt Nam thắng cảnh Hoa Yên,
Sát tiêu Cực lạc Tây thiên những là.
Vĩnh trấn cửu phẩm Di-đà,
Phân hương chúc Thánh quốc gia thọ trường.
Đời đời tượng pháp hiển dương,
Thiệu long Tam bảo Tây phương Phật đường.
Điều Ngự, Pháp Loa, Huyền Quang,
Tam vị Phật tổ Nam bang Trần triều.
Hoa Yên, Long Động, Vân Tiêu,
Quỳnh Lâm tượng pháp độ siêu vô cùng.
Kính khuyên Nam Bắc Tây Đông,
Muốn được nên Bụt, phát lòng xuất gia.
Trước là độ lấy thân ta,
Sau là cứu được mẹ cha Tổ Huyền.
Vua Trần tước lộc binh quyền,
Người còn thoát để tu Thiền lộ ta.
Cửu liên đài thượng khai hoa,
Những người niệm Bụt Di-đà Phật danh.
Cùng về Cực lạc hóa sinh,

Mình vàng vóc ngọc quang minh lầu lầu.
Tiêu dao khoái lạc chẳng âu,
Bất sinh bất diệt ngôi lầu tòa sen.

7. KẾT LUẬN VỀ GIÁO LÝ THIÊN

Hạnh này cổ tích thánh hiền,
Đời đời san bản để truyền lưu thông.
Hậu lai ai có hiếu trung,
Dù là ngộ được tâm tông hạnh này.
Báo ơn Phật tổ mai ngay,
Thiệu long tượng pháp san lai truyền đời.
Công thành quả mãn làm nơi,
Vì hay hà đảm Như Lai tông thiên.
Niêm hoa đã lại kéo đèn,
Công ấy muôn nghìn thắng quả cao thay.
Dược am gió mát bóng cây,
Giọng Thiên tông lại san nay lưu truyền.
Phổ độ pháp giới hữu duyên,
Cùng thành chính giác quả viên Bồ-đề.
Mưa xuân đượm ướt vườn lê,
Cành cao cành thấp đều thì nở hoa.
Cho hay đức Bụt Thích-ca,
Hóa thân bách ức khắp hòa mười phương.
Hiện ra làm quyền Đế vương,
Chỉ tôn Phật tổ Giác hoàng quốc trung.
Cơ duyên ứng xuất vương cung,

Cơ duyên mãn hữu hội đồng Linh Sơn.
Chân Phật nào có Nát-bàn,
Nghiệm chứng không tịch phục hoàn bản nguyên.
Hóa Phật thụ ký vô biên,
Tứ Mục Tương Cố mật truyền tâm tông.
Ai khôn chớ chạy tây đông,
Bôn trì nam bắc, luống công mê hồn.
Liễu ngộ Bất Nhị Pháp Môn,
Chân không tự tính chẳng còn cầu ai.
Điều Ngự cổ Phật tái lai,
Tông giáo trong ngoài phó chúc tuân y.
Thật dòng Lâm Tế tông chi,
Pháp phái vĩnh thù Yên Tử thiên lâm.
Đạo truyền từ cổ đến cầm (kim),
Thánh Đăng Ngũ Lục ấn tâm trường tồn.
Phật đạo vô thượng chí tôn,
Quốc gia hữu vĩnh, càn khôn vững bền.
Phổ nguyện pháp giới hữu duyên,
Đồng đăng Cửu phẩm Tây thiên Di-đà.
Vậy có kệ rằng:
Tính vốn lâu lâu, tri bất tri,
Đêm ngày bảo nhậm chữ Vô Vi.
Bụt chỉ là vua, vua là Bụt,
Tung hô vạn tuế, thọ tăng-kỳ.
NAM-MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT

GIẢNG GIẢI

1. LỜI MÀO

*Thời vừa đầu tiết xuân thiên,
Khí dương đậm ấm dân yên thái hòa.
Bụt sinh Hoàng giác Lê gia,
Thánh chúa võ trị gần xa lai hàng.
Bốn phương khói tắt lửa lang,
Phong điều vũ thuận dân Khang thái bình.
Được mùa hải yến hà thanh,
Gia gia nghinh chúc Thánh Minh cửu trường.
Dân nông thịnh vượng tâm tang,
Thóc Hán gạo Đường đại nậm phong niên.
Tuệ Đăng hòa thượng Chân Nguyên,
Trụ trì Long Động tự Thiên Dực am.
Vốn xưa cổ tích danh lam,
Trần triều khai sáng đỉnh nham tu thiền.
Yên sơn cảnh tựa Tây thiên,
Phân hương chúc Thánh khỏe bền đế đô.
Việt Nam bốn bể cửu châu,
Hưng sùng đạo Bụt chợ quê khắp miền.
Gió thông thổi lọt am hiên,
Tinh thần sáng nhớ lòng thiên chép ra.
Lời mào là lời mở đầu.
Thời vừa đầu tiết xuân thiên,
Khí dương đậm ấm dân yên thái hòa.
Bụt sinh Hoàng giác Lê gia,*

Thánh chúa vô tri gần xa lai hàng.

Thời gian ngài Chân Nguyên viết quyển sách này là vào đầu tiết xuân, khí trời ấm áp, dân chúng yên hòa.

Bụt sinh Hoàng giác Lê gia. Đây là chỗ nhiều người thắc mắc. Bụt là Phật, sinh Hoàng giác Lê gia là sinh trong gia đình dòng họ Lê, tức là triều đình nhà Lê. Triều Lê có ai tu xứng đáng mà gọi là Bụt?

Nguyên là vào thời vua Lê Hy Tông có thiền sư Tông Diễn (1640-1711) thuộc tông Tào Động, sinh trước ngài Chân Nguyên bảy năm. Ngoài Bắc gọi ngài là Hòa thượng Cáy, tức Hòa thượng Cua, ngài lập ra chùa Hồng Phúc còn gọi là chùa Hòe Nhai ở Hà Nội hiện nay.

Lúc bấy giờ vua Lê Hy Tông không biết gì về đạo Phật, nghe lời các nhà Nho chê bai nhà Phật, nên vua ra lệnh tất cả tăng ni đều phải lui vào rừng núi ở, không được ở nơi thành thị. Biết được tin này, ngài Tông Diễn rất đau lòng, nghĩ rằng: “Dù cho ai có tài ba lỗi lạc gì, hiểu đạo lý thâm sâu đến đâu, nếu ở trong rừng núi thì biết dạy ai đây, xem như đạo Phật hết cơ giáo hóa, làm sao độ được chúng sanh trong bể khổ!” Ngài mới tìm cách để khuyên can nhà vua.

Ngài đến kinh đô Thăng Long, vào ở trọ nhà một người lính gác ngục để xin phép được triều kiến vua. Ngài nghĩ ra một kế, báo cho quan giữ thành rằng:

- Tôi ở núi được một viên ngọc quý vô giá, mang đến đây để hiến tặng vua, xin cho tôi đem ngọc dâng cho vua.

Vị quan vào triều tâu lên vua Lê Hy Tông. Vua không chịu tiếp, nói nếu có ngọc quý thì cho quan ra nhận ngọc đem vào vua xem, chứ không cho Sư vào trong cung.

Trải qua ba tháng, ngài không vào được triều đình, biết bao giờ gặp được vua để can gián. Ngài suy nghĩ viết một tờ biểu rất là chí lý, thí dụ đạo Phật như hòn ngọc quý soi sáng mười phương, phá dẹp mọi mây mờ u tối. Viết xong ngài để tờ biểu vào hộp dán kín cẩn mật và yêu cầu vị quan tâu lên vua: Nếu vua không cho Sư gặp, thì xin

cho một vị quan văn trung trực thanh liêm, trai giới ba ngày đến nhận ngọc quý. Vua liền chọn một quan văn tín cẩn, thành tâm trai giới ba ngày, rồi đến chỗ Sư nhận ngọc. Ngài trao hộp đựng ngọc, dặn dò đừng mở ra và đến trước triều dâng tận tay vua. Vị quan cung kính nhận hộp ngọc đem về, đến giữa triều mở hộp cho vua xem, không thấy ngọc đâu, chỉ có tờ biểu. Vua bảo đọc tờ biểu, nghe thấy lý lẽ rõ ràng lời văn sáng suốt ý tứ thâm trầm, vua liền có tỉnh, biết đạo Phật là quý mà mình lầm. Vua ra lệnh cho mời Sư vào triều. Nhân đó ngài giảng dạy đạo lý, vua thức tỉnh, thu hồi lệnh trước không còn đày tăng ni vào núi rừng nữa, lại cho trở về chùa tùy duyên giáo hóa.

Sau khi đã thấm nhuần đạo lý, vua Lê Hy Tông thành tâm sám hối lỗi trước của mình, nên tạc hình vua quỳ mọp để tượng Phật Thích-ca trên lưng để tỏ lòng sám hối. Tượng này hiện còn thờ tại chùa Hòe Nhai (Hồng Phúc tự) bên cạnh chánh điện.

Như vậy người cảnh tỉnh được vua Lê Hy Tông là thiền sư Tông Diễn. Sau này khi tỉnh rồi, nhà vua biết tu hành và kính trọng Phật pháp, cho nên thiền sư Chân Nguyên khi viết quyển Thiên Tông Bản Hạnh là lúc nhà vua lớn tuổi, nên tôn xưng là ông vua giác, gọi là Hoàng giác. *Bụt sinh Hoàng giác Lê gia* là ông vua Phật, ông vua giác ngộ đời nhà Lê.

Bản in 1932: *Bụt sinh Hoàng đế Lê gia*. Một bên là chữ giác, một bên là chữ đế.

Thánh chúa võ trị gần xa lai hàng. Thánh chúa là chỉ chúa Trịnh, cai trị xa gần đều quy phục. Thời ấy trong là triều đình nhà Lê, ngoài là dinh chúa Trịnh, gọi là thời *vua Lê chúa Trịnh*. Cũng như ngày nay các nước tổ chức theo quân chủ lập hiến, trên là vua, dưới có thủ tướng điều hành việc nước.

Bốn phương khói tắt lửa lang,

Phong điều vũ thuận dân khang thái bình.

Được mùa hải yến hà thanh,

Gia gia nghinh chúc Thánh Minh cứu trường.

Bốn phương khói tắt lửa lang. Chũ lang là chỉ con chó sói. Khi xưa những người ở đồn binh biên giới thường lấy phân chó sói phơi khô để dành. Lúc có binh biến liền đốt phân đó, lửa bốc lên cao, khói bay thẳng báo hiệu cho các đồn binh nơi khác biết tin để đến cứu trợ. *Khói tắt lửa lang* là chỉ thời thái bình.

Phong điều vũ thuận dân Khang thái bình. Gió hòa mưa thuận nên dân chúng được an Khang thái bình.

Được mùa hải yến hà thanh. Được mùa là trúng mùa, hải yến là biển yên, hà thanh là sông trong, tức là ngoài biển yên lặng không sóng gió, nước sông trong trẻo không ngàu đục. Đây diễn tả thời tương đối thái bình. *Gia gia nghinh chúc Thánh Minh cứu trường.* Nhà nhà đều chúc mừng đức vua được sống lâu mãi mãi.

Dân nông thịnh vượng tầm tang,

Thóc Hán gạo Đường đại nậm phong niên.

Người nông phu làm ăn thịnh vượng về nghề nuôi tằm trồng dâu. Lúa Hán gạo Đường là nói thời Hán thời Đường hai thời phồn thịnh, dân chúng làm lúa được mùa. Đại nậm hay đại nậm là được mùa hay trúng mùa, tức được nhiều lúa. Phong niên là năm an ổn phong túc. Đây là chỉ thời an Khang thịnh vượng.

Tuệ Đăng hòa thượng Chân Nguyên, Trụ trì Long Động tự Thiên Dục am.

Vốn xưa cổ tích danh lam,

Trần triều khai sáng đỉnh nham tu thiên.

Điểm đặc biệt ở đây là ngài Tuệ Đăng tự nói tên mình. Mới đọc qua tưởng như người khác viết chứ không phải ngài. Tuệ Đăng là pháp danh, Chân Nguyên là pháp hiệu của ngài. Ngài làm trụ trì chùa Long Động và cũng ở Thiên Dục am tức am Thuốc Thiên. Nơi này là cổ tích danh lam thời Trần, nên triều Trần khai sáng đỉnh núi để tu thiên.

*Yên sơn cảnh tựa Tây thiên,
Phân hương chúc Thánh khỏe bên đế đô.*

Cảnh núi Yên Tử rất đẹp giống như bên Tây Thiên Trúc. Phân hương là tháp hương chúc tụng nhà vua mạnh khỏe, kinh đô vững bền.

*Việt Nam bốn bể cứu châu,
Hưng sùng đạo Phật chợ quê khắp miền.*

Nước Việt Nam bốn bể chín châu, từ thành thị đến thôn quê, nơi nào cũng tôn sùng đạo Phật.

*Gió thông thổi lọt am hiên,
Tinh thần sáng nhớ lòng thiên chép ra.*

Ngồi nghe gió thổi vào am mát rượi, tinh thần sáng khoái, ngài liền nhớ chép lại sự tích này.

Đây là lời mở đầu ca tụng thời bình yên. Thật ra thời đó đất nước chia ra Đảng Trong và Đảng Ngoài. Đảng Trong có chúa Nguyễn, Đảng Ngoài có chúa Trịnh và vua Lê. Hai bên đang ngưng chiến, cho nên chỉ tương đối chứ chưa thật sự bình yên.

2. CỘI GỐC THIÊN TÔNG

*Trước kẻ tông phái thiên gia,
Ai ai học đạo xem hòa biết hay
Tây thiên Thích-ca là thầy,
Truyền cho Ca-diếp cùng thầy A-nan.*

*Tính được nhị thập bát viên,
Hai mươi tám tổ Tây thiên thuở này.*

*Đạt-ma tổ mái phương Tây,
Vượt sang Đông độ truyền nay kệ rằng:*

“Ngô bản lai tư thổ,

Truyền pháp cứu mê tình.
Nhất hoa khai ngũ diệp,
Kết quả tự nhiên thành.”
Nguồn cơn tạo đến chừng đây,
Mở truyền giáo pháp làm thầy cứu mê.
Một cây nở được năm chi,
Khai hoa kết quả đều thì chúng nên.
Tuệ Khả, Tăng Xán tục liên,
Đạo Tín, Hoàng Nhãn, lục thiên Huệ Năng.
Chư tổ truyền dõ tâm đăng,
Tây thiên Đông độ thiệu long khắp trời.
Ngũ gia tông phải mọi nơi,
Kéo đèn chong ngọn đợi người hữu duyên.
Phân Giảng Giải
Chư Phật trở bảo căn nguyên,
Khẩu thụ tâm truyền Bát-nhã chính tông.
Tứ mục tương cố nhĩn đồng,
Thầy tổ trao lòng đăng chúc giao huy.
Bồng đầu cử nhĩn ấn tri,
Cơ quan thấu được thật thì tri âm.
Đến khi phó pháp truyền tâm,
Vận dụng trí tuệ thiên thâm nhiều bề.
Hoặc là nghiệm tọa vô vi,
Hoặc là thuấn mục, dương mi, dao thần.
Hoặc hiện sư tử tần thân,
Quát thét một tiếng xa gần vang uy.

Ai khôn xem đây xá nghì,
Hội ngộ tự tính tức thì chúng nên.
Thuở xưa hội cả Kỳ Viên,
Bụt cầm một đóa hoa sen giờ bày.
Ca-diếp trí tuệ cao tay,
Liễu ngộ tự tính bằng nay mỉm cười.
Trần trần sát sát Như Lai,
Chúng sinh mỗi người mỗi có hoa sen.
Hoa là vốn tính trạm viên,
Bao hàm thiên địa dưới trên cùng bằng.
Hậu học đà biết hay chẳng?
Tâm hoa ứng miệng nói năng mọi lời.
Thiên liêng ứng khắp mọi nơi,
Lục căn vận dụng trong ngoài thân thông.
Chân hoa sắc tức thị không,
Không tức thị sắc thể đồng như như.
Tam thế chư Phật tổ sư,
Tứ mục tương cố thị cừ thiên cơ.
Ai chưa tin thụ còn ngờ,
Thỉnh kinh Lăng-già quyển nhị hoa trông.
Tự nhiên đốn ngộ tâm tông,
Kẻ tìm kinh giáo luống công lâu ngày.
Giáo là kinh lục kể bày,
Giấy mực văn tự chất đầy hà sa.
Tông là nguyên tự tính ta,
Vốn vô nhất vật lặng hòa hư linh.

Thuở xưa trời đất chưa sinh,
Cha mẹ chưa có thật mình chân không.
Chẳng có tướng mạo hình dung,
Tịch quang phổ chiếu viên đồng thái hư.
Thánh phàm vô khiếm vô dư,
Bất sinh bất diệt như như Di-đà.
Liễu tri vạn pháp không hoa,
Văn tự ngôn ngữ ấy là vọng duyên.
Chân như tính vốn thiên nhiên,
Vô tạo vô tác căn nguyên của nhà.
Xem kinh Bụt thốt còn xa,
Nghiệm cơ tổ bảo sát-na biết rồi.
Ngộ tính không tịch thì thôi,
Chẳng lạ chi lời vấn đáp tiêu hao.
Cơ quan thuận nghịch thấp cao,
Những sự huyền trí chiêm bao đặt làm.
Đại vi thuyết pháp chỉ nam,
Cho ta ngộ đạo kéo dài kinh lâu.
Cho hay Phật pháp lẽ mầu,
Bất quan văn tự bất cầu đa ngôn.
Khuyên người học đạo trí khôn,
Giác tri tự tính chớ còn tìm đâu.
Phật tổ phó chúc bấy lâu,
Pháp ấn như thị lâu lâu chân không.
Cùng truyền Bát-nhã tâm tông,
“Ngộ vô sở đắc” thật dòng chân tăng.

*Thiệu Phật kế tổ liên đăng,
Tương truyền y bát thừa thẳng thiệu long.
Trước kẻ tông phái thiên gia,
Ai ai học đạo xem hòa biết hay.
Tây thiên Thích-ca là thầy,
Truyền cho Ca-diếp cùng thầy A-nan.
Đây nói về nguồn gốc Thiên tông.*

Tông phái nhà thiên từ buổi đầu, ai học đạo cũng nên biết rõ. Ở Tây thiên tức là Ấn Độ, đức Phật Thích-ca là thầy, kế đó Phật truyền cho Ca-diếp, và Ca-diếp truyền cho A-nan.

*Tính được nhị thập bát viên,
Hai mươi tám tổ Tây thiên thuở này.
Đạt-ma tổ mái phương Tây,
Vượt sang Đông độ truyền nay kệ rằng:*

Bản này là chữ mái, bản in năm 1932 là mới, có thể chữ mới đúng hơn.

Ở Ấn Độ, tính ra có hai mươi tám vị tổ, tổ thứ hai mươi tám là tổ Đạt-ma từ phương Tây là từ Ấn Độ, vượt sang Đông độ là Trung Hoa, truyền bài kệ rằng:

*Ngô bản lai tư thổ,
Truyền pháp cứu mê tình.
Nhất hoa khai ngũ diệp,
Kết quả tự nhiên thành.*

Đây là nguyên bản chữ Hán, nghĩa là:
Tôi xưa đến cõi này,
Truyền pháp để cứu độ những kẻ mê,
Một cành hoa nở ra năm cánh,

Kết quả thành tựu một cách tự nhiên.

Nguồn cơn tạo đến chừng đây,

Mở truyền giáo pháp làm thầy cứu mê.

Lý do tổ Đạt-ma sang Trung Hoa là để mở truyền giáo pháp cứu độ những kẻ mê lầm, truyền mãi cho đến ngày nay.

Một cây nở được năm chi,

Khai hoa kết quả đều thì chúng nên.

Tuệ Khả, Tăng Xán tục liên,

Đạo Tín, Hoàng Nhẫn, lục thiên Huệ Năng.

Đây nói một cây có năm nhánh hay nói một hoa nở được năm cánh, hoa quả đều thành tựu. Năm cánh là năm vị tổ ở Trung Hoa, trước tiên là tổ Tuệ Khả, kế là tổ Tăng Xán, đến tổ Đạo Tín, tổ Hoàng Nhẫn và tổ Huệ Năng.

Chư tổ truyền đôi tâm đặng,

Tây thiên Đông độ thiệu long khắp trời.

Ngũ gia tông phải mọi nơi,

Kéo đèn chong ngọn đợi người hữu duyên.

Bản này là kéo đèn, bản in năm 1932 là *khêu đèn*. Có lẽ chữ *khêu đèn* hay hơn và rõ hơn.

Chư tổ truyền ngọn đèn tâm từ Ấn Độ sang Trung Hoa làm cho hưng thịnh khắp nơi. Tiếp đến là ngũ gia tông phái tức là năm tông phái được lập ra ở Trung Hoa sau Lục Tổ, đó là tông Lâm Tế, tông Tào Động, tông Quy Ngưỡng, tông Vân Môn và tông Pháp Nhãn. Năm tông phái này làm cho Thiên tông truyền khắp mọi nơi, *khêu sáng* ngọn đèn trí tuệ đợi những người hữu duyên đến phát tâm tu hành.

Chư Phật trở bảo căn nguyên,

Khẩu thụ tâm truyền Bát-nhã chính tông.

Trở bảo căn nguyên là chư Phật chỉ bảo cội nguồn. Miệng trao tâm truyền tức là trao truyền chánh tông Bát-nhã. Trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục tổ Huệ Năng có trình với Ngũ Tổ bài kệ trong đó có câu *Bản lai vô nhất vật*, đó là tinh thần Bát-nhã. Bát-nhã cứu cánh cùng tột là bản lai vô nhất vật.

Tứ mục tương cố nhãn đồng

Thầy tổ trao lòng đăng chúc giao huy.

Tứ mục là bốn mắt, tương cố là nhìn nhau. Bốn mắt nhìn nhau có thông cảm, có nhận định tường tận nên nói là nhãn đồng. Sự truyền thừa đơn giản như trường hợp ngài Chân Nguyên đã ngộ nơi thầy là thiền sư Minh Lương. Khi đệ tử hỏi, thầy chỉ cần nhìn thẳng đệ tử, đệ tử nhìn lại thầy, hai thầy trò thông cảm, trò liền đánh lễ. Thông cảm cái gì mà được truyền tâm ấn? Đó là chỗ rất thiết yếu.

Trong Thiền tông, khi xưa đức Phật đưa cành hoa sen..., sau này chư tổ có khi đưa cành hoa, có khi đưa cây gậy hay phát trần, là để chỉ nương từ một vật nhận ra tánh thấy nơi mình.

Khi xưa trên hội Linh Sơn, đức Phật đưa cành hoa sen nhìn thẳng đại chúng để xem ai nhìn Phật thông cảm. Khi nhìn đến Ca-diếp, thấy Ca-diếp nhìn Phật mỉm cười, Phật liền ấn chứng. Nếu Phật không nhìn đại chúng, làm sao thấy Ca-diếp mỉm cười? Cho nên khi đắp tượng Phật cầm hoa sen, phải sửa lại mắt Phật không phải ngó xuống mà nhìn thẳng đại chúng.

Ở thế gian, những người có tình ý khi bốn mắt nhìn nhau, họ cũng cảm thông nhưng cảm thông theo thế tục. Trong đạo, thầy nhìn thẳng trò là muốn đem tâm tư nguyện vọng của mình, chỗ mình thấy biết trao lại cho đương sự hiện có mặt. Thế nên khi ngài Tuệ Đăng hỏi thiền sư Minh Lương: “Viên ngọc giấu trong đây, hiện đây phải làm sao để biết?” Thiền sư Minh Lương nhìn thẳng Tuệ Đăng, Tuệ Đăng nhìn lại, hai thầy trò cảm thông nhau. Chính ngay lúc thầy trò nhìn nhau là lúc thấy được hòn ngọc giấu trong đây. Đây chúng tôi chỉ nói bóng thôi, chứ không nói hết được.

Thầy tổ trao lòng đăng chúc giao huy. Thầy tổ là thầy trò, trao lòng là trong lòng thông cảm nhau, giống như ánh sáng của cây đuốc và ánh sáng của ngọn đèn giao hòa nhau không chống nghịch.

Bồng đầu cử nhãn ấn tri,

Cơ quan thấu được thật thì tri âm.

Đến khi phó pháp truyền tâm,

Vận dụng trí tuệ thiền thâm nhiều bề.

Bản này là *phó pháp truyền tâm*, bản năm 1932 là *phó pháp truyền tôn*, chữ *tâm* đúng hơn.

Bồng đầu cử nhãn ấn tri. Bồng đầu là đầu cây gậy, cử nhãn là mắt nhìn, ấn tri là biết để truyền tâm ấn. *Cơ quan thấu được thật thì tri âm.* Những người thấu triệt, cảm thông được những thủ thuật đặc biệt đó mới thật là người tri âm của mình.

Đến khi phó pháp truyền tâm. Đến khi đó mới trao pháp và truyền tâm ấn. *Vận dụng trí tuệ thiền thâm nhiều bề.* Vận dụng trí tuệ khi cạn khi sâu, tùy theo hoàn cảnh tùy theo trường hợp. Cạn sâu như thế nào?

Hoặc là nghiêm tọa vô vi,

Hoặc là thuận mục, dương mi, dao thần.

Hoặc hiện sư tử tần thân,

Quát thét một tiếng xa gần vang uy.

Chư tổ vận dụng trí tuệ khi cạn khi sâu để trao truyền. Như khi có thiền khách đến hỏi: Bạch Hòa thượng, thế nào là Phật? Ngài ngồi im lặng không nói, gọi là nghiêm tọa vô vi. Hoặc thuận mục là chớp mắt, dương mi là nhướng mày, dao thần là dao động đôi môi mà không nói lời nào. Khi hỏi: Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang? Hay hỏi: Thế nào là đại ý Phật pháp? Các ngài chỉ chớp mắt, hoặc nhướng mày hay máy động đôi môi mà không nói.

Hoặc hiện sư tử tần thân, quát thét một tiếng xa gần vang uy.
Tức là hét lên như tiếng gầm sư tử. Như khi có người hỏi thiền sư Lâm Tế: Thế nào là Phật? Ngài im lặng không đáp, chỉ hét một tiếng muốn điếc tai, đó là sư tử tần thân.

Như vậy chư tổ ngày xưa truyền thiền, các ngài không nói lời nào, có khi im lặng, có khi chớp mắt nhướng mày, có khi chuyển động đôi môi, có khi hét v.v...

Ai khôn xem đây xá nghì,

Hội ngộ tự tính tức thì chứng nên.

Người có trí tuệ khi thấy những hiện tượng như nhướng mày chớp mắt hoặc dao động môi... liền nhận ra yếu chỉ, nghĩa là ngộ được tự tánh.

Thuở xưa hội cả Kỳ Viên,

Bụt cầm một đóa hoa sen giơ bày.

Ca-diếp trí tuệ cao tay,

Liễu ngộ tự tính bằng nay mỉm cười.

Bản này là *trí tuệ cao tay*, bản in năm 1932 là *trí tuệ khôn thay*. Chữ *cao tay* là cao tay ấn có thể hay hơn.

Hội Kỳ Viên thuở xưa là ở vườn ông Cấp Cô Độc. Còn sự tích Phật đưa cành hoa sen, Ca-diếp mỉm cười là trong hội Linh Sơn, trên núi Linh Thứu. Hội Kỳ Viên và núi Linh Thứu ở hai nơi khác nhau, nếu nói *Thuở xưa hội cả Linh Sơn* thì đúng hơn.

Thuở xưa ở hội Linh Sơn, Phật đưa cành hoa sen, ngài Ca-diếp do trí tuệ sâu, do tài phi thường, ngài nhìn thấy liền ngộ được tự tánh nên mỉm cười.

Trần trần sát sát Như Lai,

Chúng sinh mỗi người mỗi có hoa sen.

Trần là bụi, sát là cỗi. Khi ngộ rồi, cỗi Phật nhiều trùng trùng điệp điệp như cát bụi. Chúng sanh ở các cỗi đó người nào cũng có hoa sen, không phải chỉ riêng tổ Ca-diếp mới có. Hoa sen là gì?

Hoa là vốn tính trạm viên,

Bao hàm thiên địa dưới trên cùng bằng.

Bản in năm 1932 là *Hoa là bản tính tự nhiên*, nhưng ở bản này là *Hoa là vốn tính trạm viên*, câu này hay hơn. Trạm viên là lặng lẽ trùm khắp, hoa sen là chỉ tánh lặng lẽ trùm khắp, tánh ấy bao trùm cả trời đất, trên dưới không thiếu sót. Đó là chỉ thể tánh chân thật của mỗi người, tượng trưng bằng hình ảnh hoa sen. Tất cả chúng sanh dù ở cỗi nào, trên cỗi trời hay dưới cỗi phàm, đâu đâu cũng đều có tánh giác, không nơi nào thiếu vắng.

Hậu học đà biết hay chẳng?

Tâm hoa ứng miệng nói năng mọi lời.

Những câu này nói lý đạo rất là thiết yếu. Ngài hỏi kẻ hậu học có biết chẳng? Kẻ hậu học là chúng ta hiện nay, chúng ta là những người học sau, có biết chẳng? *Tâm hoa ứng miệng nói năng mọi lời.* Do tâm hoa ứng ra nơi miệng nên chúng ta biết nói, biết ăn, biết uống trà v.v... chứ tự cái miệng nó không biết. Đúng như câu chuyện thiền sư Huệ Hải đến hỏi đạo với Mã Tổ.

Tổ hỏi:

- Đến đây tính cầu việc gì?

Sư thưa:

- Đến cầu Phật pháp.

Tổ bảo:

- Kho báu nhà mình chẳng đoái hoài, bỏ nhà chạy đi tìm cái gì? Ta trong ấy không có một vật, cầu Phật pháp cái gì?

Sư lễ bái, thưa:

- Cái gì là kho báu nhà mình của Huệ Hải?

Tổ bảo:

- Chính nay người hỏi ta, là kho báu của người đầy đủ tất cả không thiếu thốn, tự do sử dụng, đâu nhờ tìm cầu bên ngoài.

Chính nay người hỏi ta, là kho báu của người. Nay tôi hỏi lại: Có người nào không có kho báu không? Có người nào không biết hỏi, không biết nói, không biết uống nước ăn cơm không? Ai cũng biết uống nước ăn cơm, ai cũng biết nói biết hỏi, thế sao chỉ thấy có nước có cơm mà không thấy được kho báu, không thấy được tâm hoa? Chính ngay nơi uống nước ăn cơm, nói năng đều từ tâm hoa ứng hiện. Không có nó thì những cái kia cũng không.

Thiên liêng ứng khắp mọi nơi,

Lục căn vận dụng trong ngoài thân thông.

Ở đây ngài Chân Nguyên cũng nói rõ ràng, không giấu giếm. Cái tâm hoa đó rất thiên liêng ứng hiện khắp mọi nơi, sáu căn vận dụng mà không chướng ngại, đó là thân thông.

Sáu căn của chúng ta có hai tên, một tên là lục thông, một tên là lục tặc. Khi nào sáu căn là lục tặc? Khi mắt nhìn sắc luôn luôn thích cái đẹp ghét cái xấu, vì thích cái đẹp nên đi tìm, đó là lục tặc. Tai nghe tiếng thì thích lời khen ghét tiếng chê, mũi ngửi mùi thì thích hương thơm ghét mùi hôi, lưỡi nếm vị thì thích thức ăn ngon chê món ăn dở... đó là lục tặc. Sáu căn làm chúng ta mệt cả ngày, dẫn chúng ta chạy từ chỗ này đến chỗ kia không cho yên nghỉ, không phải lục tặc là gì?

Còn nếu sáu căn thông suốt, tự tại không dính mắc, đó là lục thông. Thông là thông suốt không dính mắc. Thấy sắc là sắc, nghe tiếng là tiếng... cái gì rõ ràng cái ấy mà không dính mắc gì cả, dù đi giữa chợ về mà không biết người ta nói gì, không biết cái gì trước mắt, như vậy không thông là gì?

Trong kinh Lăng-nghiêm, ngài A-nan hỏi về nguồn gốc của phiền não và nguồn gốc của Bồ-đề, đức Phật trả lời: “Chính sáu căn của ông là nguồn gốc của phiền não sanh tử, cũng chính sáu căn của

ông là nguồn gốc của Bồ-đề giải thoát.” Nơi sáu căn mà chúng ta dung dưỡng lục tặc, đó là nguồn gốc phiền não. Cũng chính nơi sáu căn mà chúng ta sống đúng với lục thông, đó là nguồn gốc Bồ-đề. Vậy tìm Bồ-đề ở đâu? Ở ngay nơi mắt, tai, mũi, lưỡi... Làm sao khi nghe tiếng khen tiếng chê mà chúng ta vẫn thản nhiên tự tại, đó là Bồ-đề, không phải tìm kiếm đâu xa. Khi thấy cái đẹp cái xấu, chúng ta cũng thản nhiên không dính mắc, đó là Bồ-đề ngay trước mắt. Đâu phải bịt mắt bịt tai để được yên, chính mắt thấy tai nghe mà vẫn yên, đó là yên thật sự. Nếu bịt mắt bịt tai mà được yên, chỉ là yên giả hiệu, tạm thời, mở mắt buông tai thì hết yên. Thế nên chúng ta tu phải tu cho thật, tập cho đúng, đừng đi sai lệch.

Như vậy sáu căn là lục thông, sáu căn cũng là lục tặc. Nếu hiện giờ ai lỡ để sáu căn thành lục tặc thì nên chuyển thành lục thông. Nếu để thành lục tặc suốt đời, thì sau khi nhắm mắt sáu chú giặc sẽ dẫn chúng ta đi vào các cảnh địa ngục. Nếu chuyển thành lục thông thì khi nhắm mắt được thông dong tự tại khắp muôn cõi, không dính ở cõi nào.

Chân hoa sắc tức thị không,

Không tức thị sắc thể đồng như như.

Chân hoa là chỉ tánh giác hay trí tuệ. Thấy sắc tức là không không tức là sắc, sắc chẳng khác không không chẳng khác sắc, đó là thấy với mắt trí tuệ chân hoa. Còn thấy sắc riêng không riêng, sắc không phải không không không phải sắc là thấy theo mắt mê muội phạm tặc. Nếu thấy đúng với mắt trí tuệ chân hoa thì thể các pháp sắc không đều là như như.

Tam thế chư Phật tổ sư,

Tứ mục tương cố thị cừ thiên cơ.

Ba đời chư Phật chư tổ đều dùng bốn mắt nhìn nhau làm máy thiên. Ngài Chân Nguyên ngộ từ *Tứ mục tương cố*, cho nên mỗi đoạn ngài đều dẫn việc này làm gốc.

Ai chưa tin thụ còn ngờ,

Thỉnh kinh Lăng-già quyển nhị hòa tông. Bản này là *hòa tông*, bản in năm 1932 là *hòa nung*.

Nếu ai chưa tin nhận, còn nghi ngờ thì xin xem kinh Lăng-già quyển hai sẽ biết. Đoạn này Phật dạy Bồ-tát Đại Huệ: Không phải tất cả cõi nước trong vũ trụ này đều dùng ngôn ngữ để thuyết pháp, mà có những cõi nước chỉ nhìn rồi ngộ đạo, hoặc thấy cảnh hoa rồi ngộ đạo, có cõi nước mời ăn bữa cơm hay xúc chạm rồi ngộ đạo v.v..

Như vậy không phải chỉ có ngôn ngữ mới nói được đạo lý. Phật dạy tiếp: Như ở thế gian, những con kiến có nói gì với nhau đâu, mà chúng tổ chức thành tổ rất chu đáo, mỗi nhóm kiến có việc làm riêng, đâu phải sử dụng lời nói. Những tổ ong tổ mối cũng như vậy.

Thế nên ngôn ngữ là phương tiện, không phải chỉ có ngôn ngữ mới thuyết pháp được, mà tất cả hành động đều có thể thuyết pháp, vì tâm hoa ứng hiện trong các hành động không riêng gì ở miệng và lưỡi.

Tự nhiên đốn ngộ tâm tông,

Kéo tìm kinh giáo luống công lâu ngày.

Muốn hiểu rõ, nên xem kinh Lăng-già Tâm Ân cuối quyển ba, liền ngộ được tâm tông. Nếu xem các kinh khác thì luống phí nhiều công.

Vậy muốn đốn ngộ tâm tông hay thiên tông, không phải chỉ ở ngôn ngữ mà ở mọi hành động. Như ngài Hương Nghiêm nhân nghe tiếng hòn sỏi chạm trúng cây tre mà ngộ đạo, ngài Linh Vân nhìn hoa đào nở liền ngộ đạo. Như vậy đâu có nói lời gì, đâu có nói pháp gì, mà các ngài cũng ngộ đạo. Nếu nơi sáu căn chín muồi rồi, khi duyên đến bỗng dưng sáng ra.

Giáo là kinh lục kể bày,

Giấy mực văn tự chất đầy hà sa.

Nói giáo là để đối với tông. Giáo là những quyển kinh Phật dạy và những quyển lục của chư tổ giải thích. Những quyển này là giấy

mục văn tự viết thành tập sách, chất đầy cả tủ cả kho, đọc không hết.

Tông là nguyên tự tính ta,

Vốn vô nhất vật lặng hòa hư linh.

Bản này là *lặng hòa hư linh*, bản năm 1932 là *sáng hòa hư linh*. Tông là thiên, là chỉ thẳng tự tính của chính mình, còn gọi là tánh giác hay tâm hoa, ai cũng sẵn có. Tự tính của mình vốn không phải một vật, nó lặng lẽ rộng sáng.

Thế nên chúng tôi chủ trương ngồi thiền không phải ngồi mãi cho đến già còng lưng, nhưng vì chúng ta ngồi càng lâu càng sáng nên càng phấn khởi thích ngồi. Tại sao phải ngồi thiền? Vì sáu căn của chúng ta ngày nay thành lục tặc. Thật ra mắt tai mũi lưỡi thân không phải là giác, chỉ có ý hợp tác với năm căn mới thành lục tặc. Như hiện giờ mắt chúng ta nhìn bình hoa hồng, nhìn thấy vậy thôi thì không phải lục tặc. Nhưng chúng ta đâu có ngừng ngang đó, nhìn hoa rồi hỏi hoa hồng này tên gì hiệu gì, đẹp hay xấu, rồi khen hoặc chê, đó là thành lục tặc. Thấy đẹp xấu rồi khen chê là có sự cộng tác của ý, chứ tự các căn kia không thành lục tặc. Ý luôn luôn chạy ra mắt tai mũi lưỡi... chạy liên tục không lúc nào ngừng nghỉ.

Có nhiều người nói tại sao Thầy bắt chúng con ngồi thiền hoài. Khi ngồi thiền chúng con thấy vọng tưởng lăng xăng, sao không cho chúng con ra ngoài rừng thông nhìn cây cối chim chóc, có lẽ thoải mái yên lặng hơn?... Thật ra khi nhìn cây thông rồi khen thông đẹp là lúc ý đang hướng ra mắt để nhìn thì đâu thấy vọng tưởng. Khi nghe chim kêu thì lắng nghe xem tiếng chim gì hay, lúc đó ý đã chạy ra tai, đâu còn thấy vọng tưởng nữa.

Còn khi ngồi thiền ngó xuống, mắt không thấy gì, tai không nghe gì, mũi cũng chẳng ngửi gì thì đâu có gì để ý hợp tác, cho nên nó nhảy lên nhảy xuống chạy ngược chạy xuôi. Nếu cho con khởi ý chạy theo hợp tác với các căn kia, khi ấy nó đang dựa đang níu người vật thì nó yên. Nhưng nếu không cho nó níu cái gì hết, có một mình thì nó

quậy. Trong khi con khỉ đang lằng xằng nhảy nhót mà mình chinh phục được nó thì gọi là con khỉ ngủ. Khỉ ngủ rồi nó hết hợp tác với các căn kia thì lúc đó mới là thành thời tự tại. Giai đoạn đầu là đang xiềng con khỉ ở rừng - con khỉ đang nuôi mà xiềng còn không được, huống nữa là con khỉ ở rừng - cho nên nó mới nhảy tứ tung không cho mình yên. Ngồi một tiếng đồng hồ không có phút nào yên, hết nghĩ cái này đến cái kia, hết cái kia đến cái khác, đó là vì không có chỗ cho nó chạy thì nó phải quậy ở trong, chứ có gì lạ đâu. Thấy nó quậy chúng ta chỉ cười, không theo nó. Quậy mệt rồi nó ngủ, thì không có gì để sợ.

Đó là giải thích vì sao mình đi chơi không có vọng tưởng, còn ngồi một chỗ vọng tưởng quá nhiều. Tưởng đi là hay, không ngờ lúc đi nó đang chạy theo các căn kia để ngắm nhìn hoặc nghe ngóng thì đâu có rảnh để quậy! Còn khi ngồi không có chỗ nào để tựa thì nó phải nổi loạn, nó nổi loạn mình thấy cho nên mình mới điều phục được. Như thế mới hiểu tại sao khi ngồi thiền, nó còn đang quậy thì thật là khổ, vừa đau chân, vừa nó lằng xằng kìm không được, muốn xả thiền đi chơi cho rồi. Nhưng mình cố gắng bình yên trong lòng được chút nào nhẹ chút ấy, khi nó ngủ rồi thì ngồi bao lâu cũng thấy thanh thoi tự tại. Đến khi đó chúng tôi không khuyên ngồi, quý vị cũng mang bồ đoàn đi ngồi, vì ngồi nó thanh thoi tự tại, nếu không ngồi thì uống quá!

Thế nên sau khi thành Phật, đức Phật vẫn ngồi thiền. Đi khát thực về, thọ trai xong, ngài đem tọa cụ đi vào rừng ngồi thiền. Các Tỳ-kheo hỏi Phật: Bạch Thế Tôn! Ngài đã thành Phật còn ngồi thiền làm gì? Chúng con chưa ngộ đạo, chưa thành Phật, nên Thế Tôn dạy chúng con ngồi thiền để được định, rồi trí tuệ sáng và ngộ đạo. Còn Thế Tôn đã ngộ đạo, ngồi thiền chi cho dư? Phật bảo: Ta ngồi thiền với hai mục đích: một là cho khỏe, hai là để đệ tử ta thấy Phật đã thành Phật mà còn tọa thiền. Phật mà còn tọa thiền huống mình là chúng sanh lại không chịu tọa thiền hay sao? Cho nên noi gương đức Phật, chúng ta phải ngồi thiền.

Như vậy đức Phật ngồi được khỏe, nên ngài thường ngồi thiền. Còn chúng ta hiện nay ngồi nhọc quá, bị bắt buộc tới giờ phải ngồi, cho nên mỗi khi nghe rung chuông ngồi thiền thì đi chậm chậm, trễ được phút nào mừng phút ấy, làm cho người có trách nhiệm phải rầy hoài. Đến khi nghe lắc chuông xả thiền thì xả rất nhanh, không có chậm nữa. Hai thái độ rất rõ khi bắt đầu vào ngồi và khi xả thiền cho biết tinh thần chúng ta như thế nào thì nó hiện ra thế ấy.

Hiện giờ con khỉ chúng ta đang lăng xăng nhào lộn, mình ngồi nhìn để chế phục nó. Vì thế khi mới bắt đầu ngồi, tâm còn lăng xăng, vừa phải cố kìm chế vừa bị đau chân, cho nên trong ngoài bức bách nhọc nhằn. Đến khi bên trong yên lặng thanh thoi, bên ngoài cũng nhẹ nhàng, lúc ấy thích ngồi hơn là ở ngoài. Chúng tôi nói ý nghĩa ngồi thiền cho quý vị hiểu thật rõ để khi thực hành không có chán mỏi.

Tóm lại thiền là tự tánh của mình chứ không có gì lạ. Tự tánh đó không có một vật chất hình tướng, cho nên nó lặng lẽ rộng sáng.

Thuở xưa trời đất chưa sinh,

Cha mẹ chưa có thật mình chân không.

Như vậy cái vô nhất vật này đã có khi chưa có trời đất, đã có khi cha mẹ chưa sanh. Lúc đó gọi nó là gì? Là chân không. Tại sao? Vì nó không hình tướng, cho nên nói là không, nhưng nó là một cái lặng lẽ sáng suốt, cho nên là hiện tiền chân thật, vì vậy mà gọi là chân không.

Chẳng có tướng mạo hình dung,

Tịch quang phổ chiếu viên đồng thái hư.

Thể chân thật hay tự tánh của mình không có hình dung tướng mạo, nên nó sáng khắp mọi nơi, tròn đồng như hư không. Phàm cái gì có tướng thì có giới hạn, dù to như quả núi cũng có giới hạn của quả núi. Cái không tướng mạo lấy gì làm giới hạn? Không giới hạn thì trùm khắp. Như vậy tâm chân thật hay tự tánh của mình sáng

suốt không hình tướng, trùm khắp không có gì ngăn che, nên nói tròn đồng như hư không.

Thánh phàm vô khiếm vô dư,

Bất sinh bất diệt như như Di-đà.

Thể tánh trong sáng không hình tướng đó, nơi phàm không thiếu nơi thánh không thừa, vì ai cũng sẵn có.

Thể tánh ấy không sanh không diệt, nên gọi là *như như Di-đà*. Vì sau nhà Trần, nhà Hồ, thì nhà Minh qua cai trị, cho nên đến đời Hậu Lê, Thiền đã suy yếu, người dân hướng về Tịnh độ. Ở đây tuy nói về Thiền, nhưng ngài Chân Nguyên cũng xoay qua từ ngữ của Tịnh độ là Phật A-di-đà. Song không nói Phật A-di-đà ở Tây phương mà nói Phật A-di-đà của tự tánh. Chữ A-di-đà là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là Vô lượng thọ Vô lượng quang, nghĩa là sống lâu vô lượng và sáng suốt vô lượng. Sống lâu vô lượng là bất sanh bất diệt, sáng suốt vô lượng là luôn luôn thường giác. Như vậy tự tánh Di-đà là tánh giác bất sanh bất diệt của mình chứ không gì khác.

Liễu tri vạn pháp không hoa,

Văn tự ngôn ngữ ấy là vọng duyên.

Nếu chúng ta thấu suốt rằng muôn pháp ở giữa thế gian này như hoa đốm trong hư không, không có gì là thật thì ngôn ngữ văn tự cũng là vọng duyên không thật.

Chân như tính vốn thiên nhiên,

Vô tạo vô tác căn nguyên của nhà.

Tánh chân như vốn là sẵn vậy, không phải cái gì làm ra, không do cái gì tạo tác, cho nên nó là cội nguồn của chính mình. Tánh sáng suốt ấy mỗi người ai cũng sẵn có.

Trái lại tất cả vọng tưởng, tất cả hành động vì do duyên khởi, vì do duyên sanh nên đều là sanh diệt không thật. Thấy rõ các pháp không thật, chúng ta không còn bị mê lầm bị mù tối và sẽ sống trở lại cái sẵn có thanh tịnh sáng suốt của chính mình.

Tôi thí dụ như mắt chúng ta hiện giờ nhìn hoa hồng, có người nào thấy nó màu trắng hay màu xanh không? Ai cũng thấy nó là hoa hồng màu vàng. Như vậy cái thấy hoa màu vàng giống nhau, nhưng qua sự phân biệt đẹp xấu thì có khác. Người đánh giá nó đẹp, người đánh giá nó xấu. Tại sao có sự khác biệt? Đó là do chúng ta đem ký ức ra để so sánh. Nếu hôm trước mình thấy hoa hồng nở to, hoa hôm nay nhỏ hơn, thì nói hoa to đẹp, hoa nhỏ hôm nay là xấu. Còn nếu thấy hoa hôm nay đẹp là vì từ trước đến giờ mình chỉ thấy hoa hồng nhỏ xiu ròi rạc, nên cho hoa hồng sum suê hôm nay là đẹp. Như vậy nói xấu nói đẹp là không còn cái thấy chân thật lúc ban đầu, mà qua chạng thứ hai đem ký ức ra để so sánh đối chiếu. Đó là những cái sanh diệt hư dối do bóng dáng của sáu trần còn tích lũy, mình đem ra so sánh, nên không thật. Còn nếu chỉ nhìn hiện tượng đó thì ai cũng như ai, một trăm người nhìn hoa hồng cũng thấy như nhau. Ở chạng đầu, tánh đó đồng nhau. Như thế chúng ta có một tánh hằng hữu giống nhau, song vừa khởi so sánh liền thành sai biệt! Vì vậy so sánh là nghiệp, là thói quen đối đãi cho nên có khác, còn thực thể không khác.

Hiểu như vậy chúng ta mới thấy nơi mình có sẵn tự tánh thiên nhiên không phải làm ra, còn cái phân biệt đối đãi là cái làm ra, là đem cái này so sánh cái kia. Thế mà chúng ta chỉ nhớ cái so sánh đối đãi cho đó là mình, lại quên đi cái thật sẵn có. Vậy chúng ta tu là dẹp cái so sánh để cái chân thật hiện bày, chứ không phải tìm Phật ở đâu xa. Thế nên nói Phật tánh là tánh giác sẵn có của mình.

Xem kinh Bụt thốt còn xa,

Nghiệm cơ tổ bảo sát-na biết rồi.

Bản này là *Bụt thốt*, bản năm 1932 là *Bụt thuyết*. Xem kinh Phật nói phải suy gẫm xa xôi, còn nghiệm lại cơ tổ dạy chỉ trong sát-na liền biết.

Ngộ tính không tịch thì thôi,

Chẳng lạ chi lời vấn đáp tiêu hao.

Ngộ được tự tính là đủ, không còn tìm kiếm gì nữa. Đối với những lời hỏi qua thưa lại nghe lạ lùng kỳ đặc nhưng ngộ rồi thì thấy rất dễ.

Cơ quan thuận nghịch thấp cao,

Những sự huyền trí chiêm bao đặt làm.

Cơ quan là chỗ thấy nghe hiểu biết của mỗi người, chỗ ấy thuận nghịch cao thấp khác nhau. Song những sự hiểu biết đó đều là trí huyền giả dối như giấc chiêm bao, thấy đó rồi mất đó không có thật.

Đại vi thuyết pháp chỉ nam,

Cho ta ngộ đạo kéo dài kinh lâu. Ở đây là đại vi, chỗ khác là đại vi.

Thuyết pháp chỉ nam là phải nhắm thẳng chỗ thuyết pháp chỉ cho mình thấy cái chân thật. Chư tổ thuyết pháp chỉ rõ cội gốc để chúng ta ngộ đạo, khỏi phải bàn luận kinh cho xa xôi, mất thì giờ.

Cho hay Phật pháp lẽ mâu,

Bất quan văn tự bất cầu đa ngôn.

Chỗ mâu nhiệm của Phật pháp không có dính dáng với văn tự, cũng không phải nói nhiều. Chỗ đó một tiếng hét hay một cái đánh cũng có thể ngộ được, không bắt buộc phải nói nhiều.

Khuyên người học đạo trí khôn,

Giác tri tự tính chớ còn tìm đâu.

Ngài Chân Nguyên khuyên chúng ta, những người học đạo phải có trí khôn ngoan, phải ngộ được tánh giác của mình, chớ đừng tìm kiếm ở đâu xa. Tánh giác là Phật ở ngay nơi mình, đừng tìm trên non trên núi, đừng tìm chỗ này chỗ kia, phải ngay nơi tâm mình dứt hết loạn tưởng thì tánh giác hiện bày.

Phật tổ phó chúc bấy lâu,

Pháp ấn như thị lâu lâu chân không.

Đó là chỗ Phật tổ dẫn dò lâu nay. Pháp ấn là như thế, thể chân không sáng tỏ lâu lâu, không cần tìm kiếm ở đâu khác.

Cùng truyền Bát-nhã tâm tông,

“Ngộ vô sở đắc” thật dòng chân tăng.

Bát-nhã tâm tông là chỗ chân không, chân không là do *bản lai vô nhất vật*. Đã là *vô nhất vật* thì còn gì có sở đắc! Cho nên *ngộ vô sở đắc thật dòng chân tăng*. Vì vậy người tu chân chánh là phải ngộ chỗ vô sở đắc.

Thiệu Phật kế tổ liên đăng,

Tương truyền y bát thừa thừa thiệu long.

Bản này là *liên đăng*, bản kia là *truyền đăng*. Tức là nối dòng Phật tổ trao truyền ngọn đèn sáng cho đời sau.

Bản này là *tương truyền y bát thừa thừa thiệu long*. Bản kia là *tương truyền y bát Huệ Năng vô cùng*, câu này bị lỗi rất lớn. Tại sao? Vì khi Ngũ Tổ trao y bát cho Lục Tổ có dặn: “Y bát đến đời người không được truyền nữa.” Như vậy đến Lục tổ Huệ Năng là không còn truyền y bát, mà chỉ truyền tâm ấn thôi. Cho nên khi Lục Tổ sai ngài Hành Tư đi giáo hóa có nói: “Y bát để lại nơi đây, người sang nơi khác để hoằng hóa.” Vì thế y bát ngang đây không còn truyền nữa.

Thế nên bản kia nói: *Tương truyền y bát Huệ Năng vô cùng*, về ý thì không sai nhưng về hình thức thì sai. Còn bản này nói: *Tương truyền y bát thừa thừa thiệu long*, có nghĩa là mình phải kế thừa Phật tổ để truyền ngọn đèn trí tuệ và y bát làm cho hưng thịnh mãi ở đời, chứ không phải truyền y bát của Lục tổ Huệ Năng mãi về sau.

3. CHUYỆN TRẦN THÁI TÔNG

3.1 VỐN MUỐN TU THIÊN

Ấy sự chư tổ truyền Lòng,

Này đoạn lại nói Nam cung những là.

Chư tổ truyền đèn nước ta,
Thiên tông ý chỉ chép ra lời này:
Trước kẻ Trần triều cho hay,
Đế vương học đạo là Trần Thái Tông.
Trị vì thiên hạ tây đông,
Vạn dân phú quý no lòng âu ca.
Thái Tông trị vì quốc gia,
Lòng muốn tu đạo để hòa độ thân.
Bề trên báo được tứ ân,
Bề dưới chữa khỏi trăm luân tam đồ.
Thân tuy còn ở thành đô,
Lòng đã tưởng chùa non vắng am mây.
Lòng vua những lo đêm ngày,
Hai mươi sáu tuổi hầu hay chúc nào.
Sinh lão bệnh tử thương sao,
Tuổi già rập rập nan đào tử sinh.
Ngày tháng bằng chớp lãng minh,
Thân người ảo hóa nhiều hành khá thương.
Thế tình tham những giàu sang,
Đam say nào cốt tuổi vàng Phong độ.
Tam hoàng ngũ đế đời xưa,
Lửa lần thay đổi biết qua mấy đời.
Cùng nhờ uy phúc ƠN trời,
Thịnh suy dĩ thái vãng lai Ta-bà.
Chí thân mạc đại chi gia,
Tình thâm phụ mẫu cùng là đệ huynh,

*Phu thê nghĩa cả chí tình,
Đến khi số hết một mình Diêm-la.
Chẳng ai thay được đâu là,
Ruộng nương lại để người ta ăn rồi.
Cũng như bọt nổi dòng xuôi,
Đèn soi mặt nước ai ai cũng vầy.
Thân người ảo hóa bao chầy,
Như bằng ngủ mắt nằm ngày chiêm bao.
Tử sinh chẳng biết khi nào,
Phất phơ đèn gió người nào biết hay.
Ai khôn cốt tính chớ chầy,
Lo liệu thân này độ lấy thân sau.
Chớ còn bịn rịn hòa lâu,
Quyết học đạo mâu phát túc siêu phương.
Đây nhắc lại sự đi tu của vua Trần Thái Tông.
Ây sự chư tổ truyền Lòng,
Này đoạn lại nói Nam cung những là.
Chư tổ truyền đèn nước ta,
Thiên tông ý chỉ chép ra lời này:*

Chư tổ truyền lòng là nhắc lại việc chư tổ truyền tâm. Nam cung là chỉ cho Nam triều tức là vua nước Việt Nam. Chư tổ truyền bá Thiên tông liên tục đến nước Việt Nam chúng ta. Ý chỉ trong Thiên tông chép ra như thế này:

*Trước kể Trần triều cho hay,
Đế vương học đạo là Trần Thái Tông.
Trị vì thiên hạ tây đông,
Vạn dân phú quý no lòng âu ca.*

Đời Trần, vua đầu tiên là Trần Thái Tông đi học đạo Thiên. Thời vua Trần Thái Tông trị vì, thiên hạ ở phương tây phương đông là chỉ dân chúng trong nước, đều được giàu sang no ấm, vui vẻ âu ca.

Thái Tông trị vì quốc gia,

Lòng muốn tu đạo để hòa độ thân.

Bề trên báo được tử ân,

Bề dưới chữa khỏi trăm luân tam đồ.

Thái Tông trị vì đất nước, nhưng lòng ngài lại muốn đi tu. Tu để làm gì?

Trước là để độ thân mình, kế đến là trên đền đáp tứ ân, dưới cứu vớt tam đồ khổ.

Tứ ân là bốn trọng ân: 1- Ân cha mẹ, 2- Ân thầy tổ, 3- Ân quốc gia thủy thổ, 4- Ân đàn-na thí chủ. Tam đồ khổ là ba cõi khổ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Như vậy trọng trách người tu không có đơn giản. Mới nhìn thấy như tu là tiêu cực, thật ra đi tu trước là độ cho mình được giác ngộ sáng suốt, sau là trên đền đáp bốn ơn, dưới cứu giúp ba cõi khổ.

Thân tuy còn ở thành đô,

Lòng đã tưởng chùa non vắng am mây.

Lòng vua những lo đêm ngày,

Hai mươi sáu tuổi hầu hay chước nào.

Đây kể lại tâm tư của nhà vua. Tuy thân ở tại triều đình nhưng tâm ngài luôn luôn nhớ tưởng núi non chùa vắng. Như thế là thân đang sống trong cảnh giàu sang quyền thế, là bậc chí tôn của thiên hạ, mà lòng ngài lại muốn làm thầy tu ở nơi rừng núi.

Lòng vua những lo đêm ngày, bản này là *lo*, bản in năm 1932 là *lự*. Lo và *lự* cũng cùng một nghĩa. Năm đó ngài được hai mươi sáu tuổi.

Sinh lão bệnh tử thương sao,

Tuổi già rập rập nan đào tử sinh.

Ngày tháng bằng chớp lãng minh,

Thân người ảo hóa nhiều hành khá thương.

Trong lòng ngài luôn luôn nhớ nghĩ về thân phận con người, ai có sinh đều phải già, rồi bệnh và chết, ai cũng đi đến chỗ cuối cùng đó, thật là đáng thương. Thế mà chúng ta ngày nay không tự thương mình, cứ nghĩ đến chuyện hơn thua được mất ở thế gian..., lại quên đi tuổi già đang đuổi gấp không thể nào trốn được chuyện chết sống này. Cho nên nói:

Tuổi già rập rập nan đào tử sinh. Bản này là *rập rập* tức là tuổi già đuổi dồn gấp. Bản in năm 1932 là *lập cập* tức là tuổi già đi đứng không vững... Nói tuổi già đuổi gấp thì có ý nghĩa hơn.

Ngày tháng bằng chớp lãng minh, tháng ngày qua nhanh như ánh chớp, chớp sáng rồi mất. Bản này là chữ *lãng*, bản kia là *loáng* nghĩa là ngày tháng rất nhanh như cái chớp sáng, không có lâu dài.

Thân người ảo hóa nhiều hành khá thương. Thân người chỉ là một kiếp sống tạm bợ như huyễn như hóa, không có gì lâu bền. Chữ *ảo* có chỗ đọc là *huyễn*, hành tức là nghiệp. Nhưng trong kiếp sống ảo hóa đó lại mang nhiều nghiệp đáng thương, để rồi phải chịu khổ trong những kiếp kế tiếp. Đời này tạo nghiệp, đời sau thọ khổ, cứ liên miên như vậy, đó là một điều rất đáng thương.

Thế tình tham những giàu sang,

Đam say nào cốt suối vàng Phong độ.

Thế tình là tình đời, nói chung là tất cả con người, ai cũng tham muốn được giàu sang, mà đâu biết cảnh khổ dưới địa ngục! Chữ *cốt* là biết, *suối vàng Phong độ* là cảnh khổ dưới Diêm vương tức là cảnh địa ngục. Như vậy trên thế gian, con người đắm mê giàu sang danh lợi mà không biết mai kia chết đi sẽ vào địa ngục chịu khổ. Đó là cái si mê mù tối đáng thương mà cũng đáng trách.

Tam hoàng ngũ đế đời xưa,

Lũn lần thay đổi biết qua mấy đời.

Cùng nhờ uy phúc ơn trời,

Thịnh suy bĩ thái vãng lai Ta-bà.

Ngày xưa ở Trung Hoa, tam hoàng ngũ đế lần lượt thay đổi đời này qua đời kia, tiếp nối mãi cho đến ngày nay. Tam hoàng là ba vị vua thời tối cổ: 1- Thiên hoàng, 2- Địa hoàng, 3- Nhân hoàng. Ngũ đế là năm đời vua, có hai thuyết. Một thuyết là: 1- Thái Hiệu, 2- Thần Nông, 3- Hoàng Đế, 4- Thiệu Hiệu, 5- Chuyên Húc. Thuyết khác là: 1- Phục Hy, 2- Thần Nông, 3- Hoàng Đế, 4- Đường Nghiêu, 5- Ngu Thuấn. Những vị vua thời xưa ở Trung Quốc cũng thứ lớp người này mất nhường cho người kia kế vị, cứ như vậy mà tiếp nối không cùng.

Nhờ công ơn trời đất mà con người có khi thịnh khi suy, có khi bĩ khi thái. Bĩ thái là gì? Người đời có câu: *Có khi bĩ cực có hồi thái lai*. Bĩ là khó khăn khổ nhọc, thái là thanh thoi nhàn hạ. Trong cuộc sống chúng ta có lúc thịnh lúc suy, có khi khó khăn khổ cực có khi thanh thoi nhẹ nhàng, cứ như thế mà qua lại trong cõi Ta-bà.

Chí thân mạc đại chi gia,

Tình thâm phụ mẫu cùng là đệ huynh,

Phu thê nghĩa cả chí tình,

Đến khi số hết một mình Diêm-la.

Chẳng ai thay được đâu là,

Ruộng nương lại để người ta ăn rồi.

Đây giải thích tình cảnh của cuộc sống.

Chí thân mạc đại chi gia. Chí thân là rất thân thiết, mạc là đâu, đại là lớn, chi gia là gia đình. Nghĩa là người rất thân thiết của mình đâu gì hơn là gia đình, vì ở thế gian tình gia đình là trên hết, gia đình là cội nguồn thân thiết. *Tình thâm phụ mẫu cùng là đệ huynh*. Tình thâm gia đình là cha mẹ anh em. Kế đến là *phu thê nghĩa cả chí tình*. Như vậy cha mẹ, anh em, vợ chồng là tình lớn của gia đình.

Trong gia đình chí thân đó, người lớn có trách nhiệm lo lắng bảo bọc cho người nhỏ, như cha mẹ lo cho con cái rồi đến cháu chắt... lo mãi không có ngày nghỉ ngơi! Nhưng *đến khi số hết một mình Diêm-la*, đến khi tắt thở chỉ có một mình đi xuống Diêm đài, không có ai theo cả. Vì thế tôi thường nói tình đời bạc bẽo.

Nói tình đời bạc bẽo không phải là người này phụ rẫy người kia, mà cha con hay mẹ con trong gia đình lại rất là bạc bẽo. Khi người cha hay người mẹ mất, ông thầy coi ngày nói chết nhằm ngày trùng thì phải ếm để người chết không về dẫn người khác đi theo. Vì thế khi sống thì cha mẹ anh em thân thiết biết bao, đến khi mất nghe nói nhằm ngày trùng, người thân chẳng những không thương lại còn ếm không cho trở về nữa, như thế tình nghĩa ở chỗ nào? Có phải thật là bạc bẽo không?

Bây giờ chúng ta thay đổi quan niệm, cha mẹ hay anh em mất mà gặp ngày trùng thì mình mừng vỗ tay cười, cả nhà phải chết theo thì gia đình được sum họp, thật là vui. Tại sao lại ếm không cho trở về? Có phải là quá ích kỷ, quá xấu xa không? Nếu mình vỗ tay cười thì các ông thầy coi ngày chắc hết làm ăn được.

Do vì thế gian mê muội nên bị đánh lừa, nghe nói chết trùng rồi đâm ra sợ khiến cho tình nghĩa không còn, và khiến cho mình xử sự việc đời một cách vô ý thức. Tại sao mượn thầy ếm không cho về, lại rước vong về thờ? Thế nên nói thế gian mê muội thật là đáng thương! Chỉ vì sợ chết nên không còn tình nghĩa, không có một nhận định chín chắn, chẳng đáng thương sao? Như vậy cha mẹ hay anh em mất mà đi coi ngày là chuyện nên làm hay không? Giả sử mình không sợ chết theo, cũng không sợ nghèo, thì khi cha mẹ mất mình cứ lo chôn cất chu đáo cho tròn bổn phận làm con, biết thương quý cha mẹ là được rồi. Nếu còn lựa chọn ngày giờ cho mình làm ăn phát đạt, cho mình được sống dai, còn cha mẹ đi đâu mặc kệ thì vô tình vô nghĩa quá. Đó là tập tục không hay, chúng ta phải nhận định cho chín chắn để sửa lại, đừng làm những chuyện vô tình vô nghĩa không tốt. Như hiện giờ lúc sống khi đi đến chỗ hiểm nguy thì anh em rủ nhau đi

hai ba người cho có bạn, có tai nạn gì thì có nhau. Tại sao khi cha mẹ xuống Diêm chúa có một mình bị hành hung khổ sở lại bỏ mặc không đi theo, nghiệm lại cuộc đời thật là vô nghĩa!

Chẳng ai thay được đâu là. Khi chết, người ra đi chỉ có một mình, như cha mẹ mất con cái cũng không thay thế được. Khi sống mình chỉ lo cho người chung quanh, không nghĩ tới đạo đức tu hành, đến chừng ra đi không ai ngó ngang tới, muốn về thăm lại bị ngăn ếm!

Ruộng nương lại để người ta ăn rồi. Tạo ra ruộng vườn để lại thế gian, ai hưởng cũng không biết. Khi tạo tài sản, mình làm những điều sai quấy tội lỗi thì phải lãnh lấy nghiệp quả. Đến khi ra đi lại không hưởng được cái gì!

Cũng như bọt nổi dòng xuôi,

Đèn soi mặt nước ai ai cũng vậy.

Đây là cuộc đời qua cái nhìn của vua Trần Thái Tông, cũng là cái nhìn của người viết bài này là thiền sư Chân Nguyên. Cuộc đời con người giống như hòn bọt nổi trôi theo dòng nước, nó có bền chắc không? Như ngọn đèn rơi xuống nước, chúng ta nhìn thấy có bóng đèn dưới nước, nó có thật không? Đời người ai cũng vậy, giống như bọt nổi như bóng đèn hay bóng trăng đáy nước, đâu có gì lâu bền!

Thân người ảo hóa bao chầy,

Như bằng ngủ mắt nằm ngày chiêm bao.

Bản này là *ngủ mất*, bản năm 1932 là *chớp mắt*. Chớp mắt nghe hay hơn, nhưng ngủ mất lại hợp lý hơn.

Thân người là ảo hóa, không có gì bền chắc lâu dài, như người nằm nhắm mắt ngủ ngày rồi chiêm bao. Đây là hình ảnh người nằm ngủ trưa mà chiêm bao. Nếu nói ngủ đêm chiêm bao thì kéo dài độ nửa tiếng đồng hồ, còn ngủ trưa chiêm bao thì chừng năm phút ba phút thôi. Nói chớp mắt chiêm bao thì quá nhanh không hợp lý. Dùng hình ảnh chớp mắt hay điện xẹt là để chỉ cái gì rất nhanh, nói

chiêm bao huyễn hóa là trong mộng hóa ra người ra vật, kéo dài mười phút chứ không phải nhanh như chớp mắt.

Tử sinh chẳng biết khi nào,

Phát phơ đèn gió người nào biết hay.

Đây diễn tả tâm tư của vua Trần Thái Tông khi ngài chuẩn bị trốn đi tu. Ngài suy nghĩ về cuộc đời với nhiều hình ảnh, như bọt nổi dòng xuôi, như đèn soi mặt nước, như thân người ảo hóa, như ngủ mất nằm ngày chiêm bao, như đèn treo trước gió v.v... mỗi câu ngài dùng một hình ảnh để diễn tả cuộc đời tạm bợ, và sử dụng câu văn có hệ thống trước sau.

Việc sống chết của chúng ta khác nào như ngọn đèn treo trước gió. Đây là chỉ ngọn đèn dầu treo trước gió được dùng khi xưa, cơn gió thổi mạnh đèn tắt phụt, chứ không phải bóng đèn điện hiện giờ treo ngoài trời mưa gió cũng không tắt.

Ai khôn cốt tính chớ chầy,

Lo liệu thân này độ lấy thân sau.

Chớ còn bịn rịn hòa lâu,

Quyết học đạo mầu phát túc siêu phương.

Ai khôn cốt tính chớ chầy. Bản này là cốt *tinh*, cốt là biết, bản kia là *ngộ tính*, chữ ngộ nghe mạnh quá. Người nào khôn ngoan sáng suốt thì phải lo tính, đừng để chậm trễ muộn màng. *Lo liệu thân này độ lấy thân sau.* Phải làm sao ngay thân này chúng ta tu hành cho có công đức để độ thân sau không bị trầm luân khổ sở, không bị rơi trong ba đường ác. Đó là người khôn người sáng, biết tính toán lo liệu.

Chớ còn bịn rịn hòa lâu. Nếu còn ôm ấp bịn rịn thương xót, mà chậm trễ thì không nên. *Quyết học đạo mầu phát túc siêu phương.* Quyết học đạo mầu là quyết chí học Phật, tức là học đạo giải thoát. Phát túc siêu phương là cất bước vượt ra chốn thường của mình, tiến vào đạo giải thoát.

Đây là tâm tư của vua Trần Thái Tông, ngài suy gẫm về cuộc đời, về thân phận con người, thấy rõ nó huyền hóa tạm bợ, không có lâu dài bền chắc. Từ trước đến nay muôn việc đổi thay, dù là vua chúa rồi cũng phải chết, người này tiếp nối người kia, không ai sống mãi trên đời. Cho đến những người trong gia đình là chỗ tình nghĩa rất chí thiết, thế mà khi hết duyên ra đi, không ai thay thế cho ai!

Cuộc đời đã tạm bợ giả dối, không lâu bền, tại sao chúng ta lại chần chờ không chịu khôn ngoan toan tính? Sao không lợi dụng ngay thân này làm phương tiện tu hành để tạo phước duyên cho đời sau được tốt lành, cao siêu đức hạnh, có phải là quý báu hơn không? Nghĩ như vậy, ngài quyết chí lánh mình lên núi Yên Tử tìm thầy học đạo...

3.2 LÁNH LÊN YÊN TỬ

*Thuở ấy Thiên Ứng đại tường,
Chính Bình ngũ tải thụy quang đượm nhuần.
Tử nguyệt vừa năm Bính Thân,
Mồng một tháng bốn mạt xuân sang hè.
Hội mạt hầu ban Tý thì,
Vua phán tả hữu một khi lời này:
“Lòng Trẫm thương thiên hạ thay,
Phú quý bần bạc chẳng hay đường nào.
Thị từng bay đi cùng tao,
Thăm xem dân thế đường nào cho hay.
Thiên hạ đói rách thương thay,
Thấy no phú quý Trẫm nay mừng lòng.”
Bảy người tả hữu đi cùng,
Qua đò đông khứ tất mong tìm ngàn.
Ngày sau đến đò Bàn Than,
Lệ người hay mặt nhà quan thuở này,*

Tay áo che mặt bằng nay,
Sang dò cho khỏi, vắng rày lại đi.
Non cao rừng quạnh sơn khô,
Đường đi hiểm trở nhiều bề thiết thay.
“Lòng thật Trầm bảo chúng bay,
Trầm đi tu đạo chúng bay trở về.”
Bấy người lăn khóc ngã kê,
“Vua để thiên hạ sâu bi đoạn trường.”
Ngày ấy phải tối giữa đường,
Vào nằm tảng Giác chùa làng một đêm.
Hỏi thăm đường lên Hoa Yên,
Dốc lòng tìm Bụt chẳng phiên đường xa.
Non cao rừng quạnh đã hoa,
Sơn trùng vạn điệp Quốc gia đồ ngòi.
Ngựa nhọc đi chẳng đến nơi,
Lòng lo bát ngát, hầu ngòi lại đi.
Vào đến Long Động một khi,
Coi thấy khí tượng lòng thì đã vui.
Tuyền khô, suối mát tắm ngòi,
Hiệu là Cốc Đồ nước sôi dùng dùng.
Trông thấy Cửa Ngăn lạ xong,
Đôi núi giao lại ngăn lòng thế gian.
Đồ như thạch bích tam quan,
Dù ai đến đấy Giải Oan mới vào.
Trong cửa Thạch Tượng lạ bao!
Có voi la đá uy hào cực thiêng;

Chống ngự ngoại đạo tai ương,
Hộ người có đức đòi phương được lành.
Lại đi một dặm ngàn xanh,
Đến Tiết Dương suối, nước thanh lâu lâu.
Trăm đường phiên nã chẳng âu,
Tám qua nước ấy đã hầu khinh thân.
Trèo lên Đổ kiệu hầu gần,
Mùi hương phức phức phàm trần đã không
Rườm rà hàng trúc hàng thông,
Thế gian đến đấy thì lòng đã thanh.
Suối đàn tiếng nhạc đoành đoành,
Chim kêu vượn hót đã khuynh lòng thiên.
Thuở ấy Thiên Ứng đại tường,
Chính Bình ngũ tải thụ quang đượm nhuận.
Tử nguyệt vừa năm Bính Thân,
Mồng một tháng bốn mạt xuân sang hè.
Hội mạt hầu ban Tý thì,
Vua phán tả hữu một khi lời này:

Đoạn này diễn tả lúc vua Trần Thái Tông chuẩn bị trốn đi tu. Ngài ra đi nhằm niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình thứ năm, ngày mồng một tháng tư năm Bính Thân (1236), cuối mùa xuân đầu mùa hè. Năm ấy ngài được hai mươi sáu tuổi. Khi suy gẫm kỹ về cuộc đời, ngài quyết định trốn đi tu. Thế nên đêm đến hết giờ Hội sắp qua giờ Tý, khoảng mười một mười hai giờ khuya, ngài gọi kẻ tả hữu lại phán rằng:

“Lòng Trẫm thương thiên hạ thay,
Phú quý bần bạc chẳng hay đường nào.

*Thị từng bay đi cùng tao,
Thăm xem dân thế đường nào cho hay.
Thiên hạ đói rách thương thay,
Thấy no phú quý Trẫm nay mừng lòng.”
Bảy người tả hữu đi cùng,
Qua đò đông khứ tất mong tìm ngàn.*

Ngài bảo những người hầu cận: Lòng ta rất thương thiên hạ, không biết dân chúng được giàu sang hay là nghèo nàn. Các người hãy đi theo cùng ta để thăm xem dân chúng sống như thế nào. Nếu thấy họ nghèo đói thì thật đáng thương. Nếu thấy thiên hạ giàu có no ấm thì ta rất vui mừng.

Có bảy người tả hữu cùng đi với nhà vua. *Qua đò đông khứ tất mong tìm ngàn.* Qua đò phía đông, đi tất lên để tìm bờ. Đò đông khứ là đò phía đông, tìm ngàn là tìm bờ. Bản này là *qua đò*, bản năm 1932 là *sang đò*, nghĩa không có khác bao nhiêu.

*Ngày sau đến đò Bàn Than,
Lệ người hay mặt nhà quan thuở này,
Tay áo che mặt bằng nay,
Sang đò cho khỏi, vắng rày lại đi.
Non cao rừng quạnh sơn khô,
Đường đi hiểm trở nhiều bề thiết thay.*

Sáng hôm sau ngài đến bến đò Bàn Than, *lệ người hay mặt nhà quan thuở này*. Lệ là e sợ, ngại ngùng, hay mặt là biết mặt, nhà quan là người ở trong triều. Nghĩa là ngài sợ e người ta biết mặt mình là người ở trong triều, cho nên ngài lấy tay áo che mặt cho những người trong chuyến đò không biết ngài là vua, e người báo lại triều đình, ngài bị mời trở về. Khi qua khỏi đò, vắng khách rồi ngài buông tay áo xuống và tiếp tục đi.

Non cao rừng quạnh sơn khô. Núi cao rừng vắng, các dòng suối quanh co bọc theo sườn núi. Đường đi hiểm trở nhiều bề thiết thay. Đường đi rất là nguy hiểm khó khăn.

*“Lòng thật Trầm bảo chúng bay,
Trầm đi tu đạo chúng bay trở về.”
Bảy người lăn khóc ngã kê,
“Vua để thiên hạ sầu bi đoạn trường.”*

Trên đường đi về núi, ngài bảo những kẻ tả hữu: Lòng thật ta nói với các người, ta đi tu, các người hãy trở về. Ngài nói dứt khoát như vậy. Khi còn ở triều, ngài nói là đi ra ngoài thành để dò dẫm tình hình xem dân chúng sinh sống ra sao. Bây giờ đến đây ngài nói thẳng: Nay ta đi tu, các người hãy trở về. Nghe nói như vậy các người hầu cận hoảng sợ ngã lăn than khóc: Nếu nhà vua đi tu thì thiên hạ lo buồn khổ sở. Đoạn trường là đứt ruột, tức là buồn rầu đau khổ. Từ đây ngài dứt khoát đi một mình, không cho ai theo hầu hạ nữa.

*Ngày ấy phải tối giữa đường,
Vào nằm tăng Giác chùa làng một đêm.
Hỏi thăm đường lên Hoa Yên,
Dốc lòng tìm Bụt chẳng phiên đường xa.
Non cao rừng quạnh đã hoa,
Sơn trùng vạn điệp Quốc gia đỗ ngôi.*

Ngài đi suốt ngày, đến giữa đường thì trời tối, phải nghỉ nhờ qua đêm tại chùa tăng Giác Hạnh, đây là ngôi chùa làng của chư tăng, có một vị tăng tên Giác Hạnh. Ngài hỏi thăm đường lên núi Hoa Yên, quyết tâm tìm Phật, không ngại đường núi xa xôi.

Đây tả cảnh đường lên núi: *Non cao rừng quạnh đã hoa*. Núi cao rừng vắng, hoa dại mọc đầy đường. *Dã hoa* là hoa dại. *Sơn trùng vạn điệp Quốc gia đỗ ngôi*. Sơn trùng là núi chồng chập lên nhau, vạn điệp là muôn lớp. Quốc gia đỗ ngôi là ngài dừng lại ngôi nghỉ. Núi

non trùng điệp chồng chất lên nhau muôn lớp. Một mình một ngựa, ngài leo núi hết ngọn này qua ngọn khác, nhọc nhằn mỗi một nên dừng lại ngồi nghỉ.

*Ngựa nhọc đi chẳng đến nơi,
Lòng lo bát ngát, hầu ngồi lại đi.
Vào đến Long Động một khi,
Coi thấy khí tượng lòng thì đã vui.*

Ngựa nhọc quá không đưa ngài đến trên núi được.

Lòng lo bát ngát hầu ngồi lại đi. Bản này là *lòng lo bát ngát*, bản năm 1932 là *lòng lo bắt lại*, vì ngài sợ triều đình cho người lên bắt ngài trở về. *Lòng lo bát ngát* là lòng lo thênh thang nhiều việc, không phải chỉ lo bị bắt lại mà thôi. *Hầu ngồi lại đi* nghĩa là khi mệt ngài ngồi xuống nghỉ, một lúc lại đi, chứ không dám ngồi lâu.

*Vào đến Long Động một khi,
Coi thấy khí tượng lòng thì đã vui.*

Đến chùa Long Động nhìn thấy khí tượng chung quanh, lòng ngài đã vui rồi. Vì các vua ngày xưa đều học kỹ về văn chương chữ nghĩa và học cả địa lý để xây cất đền đài cho đúng theo địa lý, nên khi đến chùa Long Động nhìn thấy khí tượng chung quanh ngài rất vui thích.

*Tuyên khô, suối mát tắm ngơi,
Hiệu là Cóc Đổ nước sôi dùng dùng.
Trông thấy Cửa Ngăn lạ xong,
Đôi núi giao lại ngăn lòng thế gian.
Đồ như thạch bích tam quan,
Dù ai đến đấy Giải Oan mới vào.*

Từ chùa Long Động lên đến núi Hoa Yên phải qua chín dòng suối.

Tuyên khe suối mát tắm ngời, đi một đôi gặp dòng suối mát, ngài dừng lại tắm và nghỉ ngời, xong lại đi. Hiệu là Cóc Đổ nước sôi đừng đừng. Đi đến cái thác nhỏ tên là Cóc Đổ, thác này giống như miệng con cóc đang phun nước tuôn xuống thùng thùng, nên gọi là hang Cóc Đổ.

*Trông thấy Cửa Ngăn lạ xong. Cửa Ngăn là tên chứ không phải cửa ngăn theo nghĩa thường. Cóc Đổ và Cửa Ngăn chỉ hai địa danh. Vì sao gọi là Cửa Ngăn? Vì *Đôi núi giao lại ngăn lòng thế gian*. Nơi đó có hai ngọn núi giao sát lại như ngăn chặn hai bên, bên này là cảnh thế gian trần tục, bên kia là cảnh xuất thế siêu thoát, nên gọi chỗ đó là Cửa Ngăn.*

Đồ như thạch bích tam quan. Đồ tức là bản vẽ, thạch bích là vách đá, tam quan là ba cổng. Dù ai đến đấy Giải Oan mới vào. Người nào muốn lên chỗ thạch bích và tam quan thì phải xuống suối Giải Oan tắm sạch rồi hãy lên.

Trong cửa Thạch Tượng lạ bao!

Có voi la đá uy hào cực thiêng;

Chống ngự ngoại đạo tai ương,

Hộ người có đức đời phương được lành.

Trong cửa Thạch Tượng lạ bao! Qua khỏi suối Giải Oan nhìn lên cửa Thạch Tượng thấy những tượng bằng đá rất lạ. Có voi la đá uy hào cực thiêng, trên vách đá có hình dáng voi đá rất linh thiêng. Chống ngự ngoại đạo tai ương, voi thiêng ở đó để chống ngừa chúng ngoại đạo đến phá phách gieo rắc tai ương. Hộ người có đức đời phương được lành. Bản này là đời phương, bản in năm 1932 là đối phương. Nghĩa là ủng hộ người có đức được luôn lành mạnh vui tươi.

Lại đi một dặm ngàn xanh,

Đến Tiết Dương suối, nước thanh lâu lâu.

Trăm đường phiên nào chẳng âu,

Tắm qua nước ấy đã hầu khinh thân.

Trèo lên Đổ kiệu hầu gần,

Mùi hương phức phức phàm trần đã không.

Đây diễn tả tiếp con đường lên núi.

Lại đi một dặm ngàn xanh. Ngàn xanh là rừng xanh, đi thêm một dặm rừng xanh. *Đến Tiết Dương suối, nước thanh lâu lâu,* đến suối Tiết Dương, nước xanh trong vắt. *Trăm đường phiền não chẳng âu,* người nào dù có phiền não nhiều đến đâu cũng không còn lo âu nữa. *Tắm qua nước ấy đã hầu khinh thân,* vì tắm qua nước suối thì bao nhiêu phiền não cũng đều dứt sạch.

Trèo lên Đổ kiệu hầu gần. Đổ kiệu là hạ kiệu, tức là chỗ nhà vua xuống kiệu. Sau này khi vua Trần Nhân Tông lên tu trên núi, lâu lâu vua Anh Tông lên thăm, đi đến đây vua phải xuống kiệu đi bộ, nên đặt tên chỗ này là Đổ kiệu. Gần đến Đổ kiệu thì *mùi hương phức phức phàm trần đã không,* tức là ngửi mùi hương thơm ngào ngạt thì lòng trần tục đã sạch. Nghe diễn tả cảnh này, không cần tu mà phiền não cũng sạch, lòng phàm cũng dứt!

Rừng rà hàng trúc hàng thông,

Thế gian đến đây thì lòng đã thanh.

Suối đàn tiếng nhạc đoành đoành,

Chim kêu vượn hót đã khuynh lòng thiên.

Nơi đây nào trúc nào thông đây đây hai bên đường. Người thế gian đến đây thì lòng trần đã trong sạch không còn ngầu đục nữa.

Suối đàn tiếng nhạc đoành đoành. Chỉ nghe tiếng suối đổ ầm ầm dường như tiếng đàn tiếng nhạc. Bản này là *tiếng nhạc đoành đoành*, bản in năm 1932 là *tiếng nhạc inh inh*. Tiếng nhạc đoành đoành nghe hơi quá đáng giống như tiếng súng.

Chim kêu vượn hót đã khuynh lòng thiên. Tiếng chim kêu vượn hót làm cho lòng mình nghiêng về thiên.

Tóm lại bài này diễn tả cảnh nhà vua sau khi trốn triều đình, lên núi Yên Tử để tu. Đang là vua mà ngài từ bỏ tất cả, vượt hoàng

cung trốn đi giữa ban đêm. Đi một đoạn đường ngài bảo những kẻ tả hữu hãy trở về. Còn lại một mình một ngựa, ngài tiếp tục đi. Đến khi ngựa mỏi mệt không đi được nữa, ngài bỏ ngựa lại, một mình lần theo vách đá leo lên núi, không ngại khó khăn, không nề nguy hiểm... Như vậy mới thấy lòng chí thành thiết tha mộ đạo của ngài!

3.3 GẶP THẤY VIÊN CHỨNG

*Bước lên đến chùa Hoa Yên,
Bốn bề cảnh giới động tiên khác thường.
Trăm hoa đua nở mùi hương,
Lòng vua đến đây một đường vui thay.
Trúc Lâm Viên Chứng là thầy,
Ra mừng hoàng đế nói bày thiên gia:
“Thiên tăng khổ hạnh ở già,
Cơm ăn dưa muối đâu là đói no.
Mình gây cật vận áo vo,
Lòng bằng mây nước chẳng lo điều gì.
Vua làm thánh đế trị vì,
Đền rồng gác phượng của thì nhiều thay.
Cung phi mỹ nữ châu bày,
Trà thang ngọc thực đêm ngày xướng ca.
Ngai vàng ngôi ngự trung hoa,
Man, Di, Lào, Lẽ gần xa phục này.
Sơn lâm đường hiểm dường này,
Vua tìm vào đến, chẳng hay sự gì?
Đây Vua giận ai mà đi?
Ắt là có sự vậy thì chẳng không.”
Vua thấy Thầy thốt tịn lòng,*

Hai hàng nước mắt dòng dòng nhỏ sa.
“Trẫm làm hoàng đế quốc gia,
Kim ngân châu báu đề đa thiếu gì.
Lòng Trẫm thấy của màng chi,
Thân người ảo hóa được thì bao lâu.
Lại lo phụ mẫu trước sau,
Ân thâm đức hậu lấy gì báo ơn.
Nay Trẫm tìm vào lâm sơn,
Tu cầu làm Bụt chẳng toan sự nào.”
Thầy thấy vua thốt, cảm sao,
Thiên tông trở bảo thấp cao sự lòng:
“Sơn vốn vô Phật làm xong,
Bụt ở trong lòng, Phật tại hồ tâm.
Hiện ra nhãn, nhĩ, thanh âm,
Dương mi, thuấn mục, chẳng tâm thì gì?
Tâm nguyên không tịch vô vi,
Ngộ được tức thì quả chứng Như Lai.
Tính ta há phải cầu ai,
Gia trung Phật báu muôn đời sáng soi.”
Bước lên đến chùa Hoa Yên,
Bốn bề cảnh giới động tiên khác thường.
Trăm hoa đua nở mùi hương,
Lòng vua đến đây một đường vui thay.
Trúc Lâm Viên Chứng là thầy,
Ra mừng hoàng đế nói bày thiên gia:

Nhà vua đến chùa Hoa Yên, nhìn cảnh quanh chùa chẳng khác nào động tiên. Nghe diễn tả ai cũng muốn đến đây viếng cảnh.

Trăm hoa đua nở mùi hương. Đồi Trần, chùa tên là Vân Yên, nhưng đến đồi Lê, khi vua Lê Thánh Tông lên viếng chùa đúng mùa hoa nở nên đổi tên chùa là Hoa Yên. Trăm hoa đua nở là diễn tả đúng ý nghĩa Hoa Yên.

Lòng vua đến đây một dường vui thay. Khi đến chùa lòng vua vui mừng khắp khởi.

Trúc Lâm Viên Chứng là thầy. Lúc bấy giờ thiền sư Viên Chứng đang trụ trì tại Hoa Yên, vùng đó gọi là Trúc Lâm. Thiền sư nhận biết ngài là vua, cho nên: *Ra mừng hoàng đế nói bày thiền gia.* Thiền sư ra mừng nhà vua và nói ý nghĩa trong nhà thiền. Sau đây là lời ngài Viên Chứng:

*“Thiên tăng khổ hạnh ở già,
Cơm ăn dưa muối dầu là đói no.
Mình gây cật vận áo vo,
Lòng bằng mây nước chẳng lo điều gì.
Vua làm thánh để trị vì,
Đền rồng gác phượng của thì nhiều thay.
Cung phi mỹ nữ châu bày,
Trà thang ngọc thực đêm ngày xướng ca.
Ngai vàng ngời ngự trung hoa,
Man, Di, Lào, Lẽ gần xa phục này.
Sơn lâm đường hiểm đường này,
Vua tìm vào đến chẳng hay sự gì?
Này Vua giận ai mà đi?
Ắt là có sự vậy thì chẳng không.”*

Trước khi hỏi lý do tại sao nhà vua đến đây, Thiên sư diễn tả cảnh tăng tu ở núi, lời lẽ rất hay.

Thiên tăng khổ hạnh ở già, chữ già là già-lam tức là chùa chiền, nghĩa là tôi là một thiên tăng tu khổ hạnh ở chùa. *Cơm ăn dưa muối dẫu là đói* no, ăn cơm với dưa muối không ngại gì đói no, mặc tình có nhiều thì no có ít thì đói cũng đều chấp nhận. Hiện giờ chúng ta cũng đang ở núi, mà đói no có mặc tình hay không? Nếu no thì được, còn đói thì chắc xách dù xuống núi chứ không bằng lòng. Đó là vì thiếu tư cách của một thiên tăng khi xưa.

Mình gầy cật vận áo vo. Thân gầy ốm vì ăn bữa đói bữa no, quần xắn lên áo vo lại vì phải cuốc đất trồng khoai. Đây đúng là hình dáng của một thiên tăng tu ở núi. Nhìn lại chúng ta hiện nay từ sáu mươi ký trở lên, quần dài dưới mắt cá, áo cũng dài nên không giống người tu khi xưa.

Lòng bằng mây nước chẳng lo điều gì. Lòng như mây trôi nước chảy không bị dính kẹt một điều gì. Đoạn này diễn tả thật khéo một thiên tăng thuở xưa tu ở núi, thân gầy, quần vận áo vo, đời sống rất lam lũ, nhưng tâm hồn không dính kẹt điều gì. Còn chúng ta ngày nay sống thanh thoi mà buồn người này phiền người kia, dính mắc đủ điều!

Sau đây là diễn tả ông vua ở triều đình:

Vua làm thánh đế trị vì. Ngài là một ông vua thánh trị vì muôn dân. *Đền rồng gác phượng của thì nhiều thay*. Bản này là *đền rồng*, bản in năm 1932 là *điện rồng*. Vua ở đền chạm hình rồng, gác vẽ hình chim phượng, tiền của thì rất nhiều.

Cung phi mỹ nữ châu bày. Trong cung vua, cung phi mỹ nữ hầu hạ châu chực một bên.

Trà thang ngọc thực đêm ngày xướng ca, vua uống trà thơm, dùng thức ăn ngon quý, lại còn ca xướng suốt ngày đêm. Đâu có thiếu thú gì!

Ngai vàng ngòi ngự trung hoa. Bản này là *trung hoa*, bản in năm 1932 là *trên hoa*. Vua ngòi ngự trên ngai vàng trên thảm hoa. *Man, Di, Lào, Lễ, gần xa phục rày.* Ở miền Bắc có nhiều giống dân như dân Man là người Mán, Di là người Mọi, Lào là người Lào, Lễ là người Thái, những giống dân này gần xa đều quy phục nhà vua. Ngài ở địa vị một ông vua cai trị đất nước, từ nơi ở, đến người hầu hạ, nước uống thức ăn không thiếu thứ chi và được mọi người đều quý kính phục tùng.

Sơn lâm đường hiểm dường này,

Vua tìm vào đến, chẳng hay sự gì?

Này Vua giận ai mà đi?

Ắt là có sự vậy thì chẳng không.

Sư hỏi: Trên đường núi rừng nguy hiểm thế này, không biết vua có việc gì quan trọng mà tìm đến đây? Hay là vua giận ai mà bỏ triều đình ra đi như vậy? Hẳn là có việc gì chứ chẳng phải không. Sư đặt câu hỏi để vua trả lời:

Vua thấy Thầy thốt tin lòng,

Hai hàng nước mắt dòng dòng nhỏ sa.

“Trẫm làm hoàng đế quốc gia,

Kim ngân châu báu đề đa thiếu gì.

Lòng Trẫm thấy của màng chi,

Thân người ảo hóa được thì bao lâu.

Lại lo phụ mẫu trước sau,

Ân thâm đức hậu lấy gì báo ơn.

Nay Trẫm tìm vào lâm sơn,

Tu cầu làm Bụt chẳng toan sự nào.”

Nhà vua trả lời rất tha thiết tại sao ngài đến đây.

“Vua thấy Thầy thốt tịn lòng,

Hai hàng nước mắt dòng dòng nhỏ sa”.

Tịn lòng nghĩa là động lòng. Nghe Sư hỏi, vua động lòng rơi nước mắt thưa:

Trẫm làm hoàng đế quốc gia,

Kim ngân châu báu đề đa thiếu gì.

Tôi là vua cả nước, vàng bạc châu báu rất nhiều, đâu có thiếu thứ gì. Đề đa là rất nhiều.

Lòng Trẫm thấy của màng chi,

Thân người ảo hóa được thì bao lâu.

Trong tâm tư, tôi thấy của cải sự nghiệp rất nhiều nhưng không màng, vì biết rõ thân người ảo hóa tạm bợ. Thấy thân là thật thì mới quý của để hưởng, nếu thấy thân không thật, còn quý của cải làm gì?

Lại lo phụ mẫu trước sau,

Ân thâm đức hậu lấy gì báo ơn

Lại nghĩ đến công ơn cha mẹ rất sâu dày, biết lấy gì đền đáp?

Nay Trẫm tìm vào lâm sơn,

Tu cầu làm Phật chẳng toan sự nào.

Nay tôi vào trong núi sâu này, chỉ mong tu làm Phật chứ không tính chuyện gì khác. Thế là nhà vua đã trả lời dứt khoát câu hỏi của Sư rồi. Sư hỏi: Vua là người ở tại ngai vàng đầy đủ các điều sung sướng, tại sao vào núi non này để làm gì? Ất có việc chi đây? Vua mới trả lời: Theo cái nhìn của tôi, thân này là ảo hóa. Dù cho của cải sự nghiệp nhiều bao nhiêu, giàu sang sung sướng đến đâu, cũng không nghĩa lý gì! Hơn nữa nhớ lại công ơn cha mẹ sanh thành dưỡng dục rất sâu dày mà chưa có cơ hội báo đáp, nên hôm nay tôi tìm lên núi này, muốn tu cầu thành Phật để đền công ơn cha mẹ.

Những lời vua thốt ra nói lên tấm lòng hăm mộ cầu đạo của ngài.

Thầy thấy vua thốt, cảm sao,

Thiên tông trở bảo thấp cao sự lòng:

“Sơn vốn vô Phật làm xong,

Bụt ở trong lòng, Phật tại hồ tâm.

Hiện ra nhãn, nhĩ, thanh âm,

Dương mi, thuấn mục, chẳng tâm thì gì?

Tâm nguyên không tịch vô vị,

Ngộ được tức thì quả chứng Như Lai.

Tính ta há phải cầu ai,

Gia trung Phật báu muôn đời sáng soi.”

Nghe nhà vua nói tâm trạng đi tu của mình, Sư rất là thương xót. Một người thức tỉnh cuộc đời là ảo hóa tạm bợ, và nhớ lại ơn sanh thành dưỡng dục chưa đền đáp, nên quyết tâm đi tu thành Phật để đền đáp công ơn cha mẹ, vậy đây là con người hiếu thảo đáng thương. Thế nên Sư mới nói thẳng đạo lý thiên cho nhà vua nghe:

Sơn vốn vô Phật làm xong,

Bụt ở trong lòng, Phật tại hồ tâm.

Trong núi vốn không có Phật, Phật ở ngay lòng mình, ở tại tâm mình chứ không phải ở đâu xa. Bản này là *hồ tâm* nghĩa là nơi tâm, bản in năm 1932 là *mổ tâm*, chữ mổ là ta, là mình. Như vậy là xác nhận Phật ở tại tâm mình. Thế nhưng làm sao biết có Phật?

Hiện ra nhãn nhĩ thanh âm,

Dương mi thuấn mục, chẳng tâm thì gì?

Phật tự tâm phát hiện ra nơi mắt, nơi tai, nơi tiếng nói... Dương mi thuấn mục là nhắm mày chớp mắt (bản in năm 1932 là tứ mục tương cố), đó chẳng phải là tâm sao? Thế thì mắt thấy, tai nghe, miệng nói, nhắm mày chớp mắt đó là hiện tượng của tâm, tức là của Phật, đừng có tìm kiếm ở đâu nữa. Như vậy là ngài Viên Chứng đã chỉ một cách cụ thể không có nghi ngờ.

Tóm lại, khi nhà vua xác định ngài lên núi tu để cầu làm Phật thì Thiên sư nói trên núi không có Phật. Vậy Phật ở đâu? Phật ở trong lòng, Phật ở tại tâm. Làm sao biết Phật ở tại tâm mình? Vì nếu không có Phật ở tâm thì làm sao mắt thấy, tai nghe, miệng nói, nếu không có Phật ở tâm thì làm sao có những hiện tượng như sương mù, chớp mắt? Tất cả hiện tượng đều từ tâm, từ tâm tức là từ Phật. Từ những hiện tượng đó quay nhìn lại thì thấy Phật rõ ràng. Khi nhận được Phật đầy đủ nơi sáu căn, chúng ta sẽ biết ông Phật đó như thế nào.

Tâm nguyên không tịch vô vi,

Ngộ được tức thì quả chứng Như Lai.

Nguồn tâm mình là không tịch vô vi, tức rỗng lặng không có hành động không có chuyển biến. Nguồn tâm là tri giác, không có hình tướng nên gọi là không tịch, không có tạo tác nên gọi là vô vi. Nếu ai ngộ được tâm này thì chứng quả Như Lai, tức là chứng quả Phật.

Tính ta há phải cầu ai,

Gia trung Phật báu muôn đời sáng soi.

Phật là tâm là tính của mình, không phải cầu kiếm ở người nào khác. Chính trong nhà chúng ta đã sẵn có Phật sáng soi muôn đời, tại sao lại không tìm không nhận? Qua lời này, ngài Viên Chứng đã chỉ Phật tường tận cho vua Trần Thái Tông rồi. Ngài đã nói rõ tinh thần Thiên tông cho vua nghe. Học đoạn này nếu khéo nhận, chúng ta thấy rõ tu cầu Phật là Phật tại tâm, chứ không phải Phật ở đâu xa.

3.4 TRẦN THỦ ĐỘ ÉP VUA TRỞ VỀ CUNG

Thì vừa thiên hạ tìm đòi,

Trần công Thái tổ thương ôi những là.

Lệnh rao khắp hết gần xa,

Tìm đòi dấu ngựa khắp hòa đông tây.

Sang khó già trẻ thuở nay,
Cùng tìm hoàng đế đêm ngày tân toan.
Tìm lên đến Yên Tử sang
Thấy vua tụng kinh, thiên ban lòng sâu.
Lão thần quỳ lạy trước sau:
“Vua đi tu đạo tôi hầu làm sao?”
Triều đình tả hữu cùng vào,
Trần ngôn thống thiết thấp cao mọi lòng:
“Chúng tôi phù rập quốc trung,
Thiên hạ phú quý, tây đông an nhàn.
Bằng nay Vua để nhà quan,
Hòa đi tu đạo, dân gian cực sầu.
Nguyên Vua nạp ngôn tôi tâu,
Xá về trị nước, sau già sẽ hay.
Lòng Vua chẳng toan về rày,
Thiên hạ cùng thác ở đây chẳng về.”
Vua thấy thiên hạ sâu bi,
Lòng lo thảm thiết, một khi trình Thầy:
“Thiên hạ rước Trẫm về rày,
Lòng muốn tu đạo nguyện Thầy dạy sao?”
Dòng dòng nước mắt nhuộm trào,
Một là tiếc đạo, hai là thương dân.
Thuở ấy thiên sư Trúc Lâm,
Thấy vua thốt vậy, bội phần khá thương.
Trí khôn tâu động Thánh hoàng:
“Được lòng thiên hạ mới lường rằng bay.

*Phù vi nhân quân giả,
Dĩ thiên hạ chi tâm vi tâm,
Dĩ thiên hạ chi dục vi dục.
Kim thiên hạ dục nghinh,
Nguyễn Bệ hạ quy chi.
Nhiên nội điển chi cứu,
Vô vong tu Tâm luyện Tính nhĩ.”
Ngày đoạn Thầy phó chúc vua:
“Dù về trị nước để đô kinh thành,
Ngày thì xem việc triều đình,
Đêm thì hằng nhớ tụng kinh tọa thiền.
Phật pháp là đại nhân duyên,
Con cả nối nghiệp thay quyền lại đi.”
Triều đình kính chúc tung hô,
Kiệu dù tàn tán rước vua ngự về.
Thiên hạ mừng thay bốn bề,
Vua lại xem trị, nước thì điện an.
Thì vừa thiên hạ tìm đòi,
Trần công Thái tử thương ôi những là.
Lệnh rao khắp hết gần xa,
Tìm đòi dấu ngựa khắp hòa đông tây.
Sang khó già trẻ thuở nay,
Cùng tìm hoàng đế đêm ngày tận toan.*

Khi hay tin nhà vua đã bỏ cung điện trốn đi, ông Trần Thủ Độ lo lắng thương xót, nên nói: *Trần công Thái tử thương ôi những là*, ông rất là thất vọng.

Lệnh rao khắp hết gần xa, cho nên ra lệnh truyền khắp xa gần. Tìm đòi dấu ngựa khắp hòa đông tây. Tìm đòi dấu ngựa là tìm kiếm theo dấu ngựa. Khắp hòa đông tây là khắp nơi đông tây nam bắc.

Sang khó già trẻ thuở nay. Sang là người giàu, khó là người nghèo. Những người giàu nghèo, già trẻ lúc này. Cùng tìm hoàng đế đêm ngày tân toan. Tân là cay, toan là chua. Tất cả mọi người cùng nhau đi tìm nhà vua suốt đêm ngày, tìm cùng khắp thật là chua cay.

Tìm lên đến Yên Tử sang

Thấy vua tụng kinh, thiên ban lòng sầu.

Lão thần quỳ lạy trước sau:

“Vua đi tu đạo tôi hầu làm sao?”

Tìm lên đến Yên Tử san, thấy vua tụng kinh, thiên ban lòng sầu. Bản này là tụng kinh, bản in năm 1932 là tụng niệm. Thiên ban lòng sầu, nghĩa là cả trăm người đều buồn. Các người tìm đến núi Yên Tử, vào chùa thấy nhà vua đang tụng kinh, tất cả đều buồn.

Lão thần quỳ lạy trước sau: “Vua đi tu đạo tôi hầu làm sao?” Ông Trần Thủ Độ quỳ xuống lạy thưa: Vua đi tu, bây giờ tôi phải làm sao?

Triều đình tả hữu cùng vào,

Trần ngôn thống thiết thấp cao mọi lòng:

“Chúng tôi phù rập quốc trung,

Thiên hạ phú quý, tây đông an nhàn.

Bằng nay Vua để nhà quan,

Hòa đi tu đạo, dân gian cực sầu.

Lúc bấy giờ ông Trần Thủ Độ thống thiết thưa với nhà vua: Chúng tôi phù rập quốc trung. Bản in năm 1932 là phù lập, lập là không đúng, bản này là phù rập, rập là tất cả đều một lòng, phù rập tức là hết lòng phò vua, quốc trung là trong nước. Nghĩa là chúng tôi ở trong nước đều hết lòng phò vua. Thiên hạ phủ quý tây đông an

*nhàn. Mọi người đều được giàu sang phú quý, đông tây đều được
thảnh thơi an nhàn. Bằng nay vua để nhà quan. Ngày nay vua trốn
đi tu, bỏ ngôi báu lại cho các quan. Hòa đi tu đạo dân gian cực sâu.
Nghe vua đi tu, dân gian rất buồn khổ.*

Đoạn này là lời than: Tất cả đều đồng tâm phò vua, dân chúng
trong nước đều được bình an no ấm. Nay vua bỏ ngai vàng đi tu, thì
dân gian rất buồn khổ.

“Nguyên Vua nạp ngôn tôi tâu,

Xá về trị nước, sau già sẽ hay.

Lòng Vua chẳng toan về rày,

Thiên hạ cùng thác ở đây chẳng về.”

Những lời này đặt nhà vua trong thế bất khả kháng. Ông Trần
Thủ Độ thưa: Xin nhà vua nhận lời tôi tâu, bây giờ ngài trở về trị
nước. Xá về là bỏ đi, đừng có đi tu. Sau này khi già lớn tuổi ngài sẽ
đi tu, còn bây giờ đang khỏe, đang làm được việc nước mà ngài đi tu
thì rất uổng không thể được, đến già sẽ hay.

Lòng vua chẳng toan về rày. Nếu vua không ưng trở về thì: *Thiên
hạ cùng thác ở đây chẳng về.* Tất cả quần thần đều chết tại đây,
không về. Ở hoàn cảnh này, vua phải xử trí như thế nào? Vua đi tu
yên thân mình, nhưng thiên hạ đồng đến thưa: Nếu nhà vua không
về, chúng tôi cùng chết tại đây. Vì từ bi, làm sao ngài đành lòng thấy
cảnh như vậy. Thế nên:

Vua thấy thiên hạ sâu bi,

Lòng lo thảm thiết, một khi trình Thầy:

“Thiên hạ rước Trẫm về rày,

Lòng muốn tu đạo nguyện Thầy dạy sao?”

Dòng dòng nước mắt nhuộm trào,

Một là tiếc đạo, hai là thương dân.

Vua ở trong hoàn cảnh rất khó xử:

Vua thấy thiên hạ sâu bi,

Lòng lo thảm thiết, một khi trình Thầy:

Thầy thiên hạ buồn thảm quá, lòng nhà vua cũng lo buồn thảm thiết, nên mới trình lại với thiên sư Viên Chứng:

Thiên hạ rước Trẫm về rày,

Lòng muốn tu đạo nguyện Thầy dạy sao?

Nay thiên hạ lên rước Trẫm về, nhưng Trẫm rất muốn tu, Thầy dạy phải làm sao? Vua tỏ lòng như vậy rồi nước mắt tuôn trào:

Dòng dòng nước mắt nhuộm trào,

Một là tiếc đạo, hai là thương dân.

Tại sao ngài buồn rơi nước mắt? Vì ngài thấy đạo muốn tu, song lòng thương dân không nỡ, nên ngài ở trong thế rất là khó xử.

Đến phân thiên sư Trúc Lâm trả lời:

Thuở ấy thiên sư Trúc Lâm,

Thấy vua thốt vậy, bội phần khá thương.

Trí khôn tiêu động Thánh hoàng:

“Được lòng thiên hạ mới lường rằng bay.”

Bản này là chữ bay, có thể chữ hay là đúng hơn, *Được lòng thiên hạ mới lường rằng hay*. Ngài Viên Chứng nghe vua nói thật là đáng thương, mới thưa rằng (đây là nguyên văn chữ Hán):

Phù vi nhân quân giả,

Dĩ thiên hạ chi tâm vi tâm,

Dĩ thiên hạ chi dục vi dục.

Kim thiên hạ dục nghinh,

Nguyện Bệ hạ quy chi.

Nhiên nội điển chi cứu,

Vô vong tu Tâm luyện Tính nhĩ.

Ý đoạn này nói:

Phù vi nhân quân giả, dĩ thiên hạ chi tâm vi tâm, dĩ thiên hạ chi dục vi dục. Phàm làm đấng nhân quân, phải lấy tâm thiên hạ làm tâm mình, lấy sự mong muốn của thiên hạ làm sự mong muốn của mình.

Kim thiên hạ dục nghinh, nguyện Bệ hạ quy chi. Nay thiên hạ muốn đón ngài về, xin Bệ hạ hãy trở về.

Nhiên nội điển chi cứu, vô vong tu Tâm luyện Tính nhĩ. Nhưng về phần nội điển, tức là kinh điển, ngài phải nghiên cứu, không có quên tu tâm luyện tính vậy.

Đoạn này là trích nguyên văn chữ Hán trong lời tựa bài Thiên Tông Chỉ Nam của ngài Trần Thái Tông. Những lời này nói rất rõ, người sau ai ai cũng quý trọng. Một vị thiên sư khuyên vua: *Phàm làm vua, phải lấy tâm thiên hạ làm tâm mình, lấy chỗ mong muốn của thiên hạ làm chỗ mong muốn của mình.* Tức là mình làm vua là vì đúng theo sự mong muốn của muôn dân, chứ không phải làm theo lòng riêng tư cá nhân của mình. Lời dạy rất là thống thiết. *Bây giờ thần dân muốn rước Bệ hạ về thì Bệ hạ phải về,* không có cách nào khác hơn. Tuy nhiên xin nhắc ngài khi về phải xem kinh điển và khéo tu tâm luyện tính đừng có quên. Đó là lời nhắc của ngài Viên Chứng.

Như vậy chúng ta thấy người xưa không có cái nhìn thiển cận, khi nghe nói vua muốn tu thì khuyên vua trở về lo việc nước, không giữ vua ở lại chùa tu cho mình được nổi danh. Thế nên khi vua xin đi tu, nhưng còn đang lo việc nước, thì phải khuyên vua làm cho tròn bốn phận đối với muôn dân, đừng bỏ ngôi bỏ nước. Còn đi tu là chuyện riêng của mình, khi rảnh thì tu hoặc khi thanh tĩnh yên lặng thì xem lại kinh điển và tu tâm luyện tính.

Sau đây thiên sư Chân Nguyên diễn tả thêm cho rõ ràng:

Này đoạn Thầy phó chúc vua:

“Dù về trị nước đế đô kinh thành,

*Ngày thì xem việc triều đình,
Đêm thì hằng nhớ tụng kinh tọa thiền.
Phật pháp là đại nhân duyên,
Con cả nối nghiệp thay quyền lại đi.”*

Ngài Viên Chứng dặn dò nhà vua: Dù về trị nước ở chốn đế đô kinh thành, nhưng ban ngày thì vua xem việc triều chính, còn ban đêm nhớ tụng kinh tọa thiền.

*Phật pháp là đại nhân duyên,
Con cả nối nghiệp thay quyền lại đi.*

Gặp được Phật pháp là người có nhân duyên lớn, không phải là thường. Vì thế sau này khi Bệ hạ có con lớn rồi, hãy trao ngôi lại cho con để đi tu. Đó là lời dặn theo lối nhìn rộng rãi của ngài Chân Nguyên.

*Triều đình kính chúc tung hô,
Kiệu dù tàn tán rước vua ngự về.
Thiên hạ mừng thay bốn bề,
Vua lại xem trị, nước thì điện an.*

Nghe thiên sư Viên Chứng khuyên vua trở về theo lòng dân, nên mọi người đều hoan nghênh. Lúc đó nào kiệu nào dù, nào tàn nào tán che đầy khắp để đón rước vua trở về triều, ai nấy đều mừng rỡ hân hoan. Khi vua trở về coi việc nước thì nước được bình an thịnh trị.

Qua đoạn này chúng ta thấy điểm đặc biệt của nhà vua cũng như của vị thiên sư. Điểm đặc biệt của vua Trần Thái Tông là trong lòng ngài ôm ấp hai việc: một là mộ đạo tha thiết, hai là thương dân chí tình, mộ đạo thương dân, bên nào cũng nặng. Cho nên trốn được thì trốn đi tu, nhưng nghe dân sẵn sàng đón mình về, liệu chết đón mình về, thì ngài không nỡ bỏ, vì thế mà bị giằng co giữa đạo và đời, không

thể nào dứt khoát được. Hoàn cảnh của ngài đi tu rồi phải trở về là vì lòng dân mong muốn, nên ngài phải trở về.

Còn hiện nay chúng ta đi tu, lâu lâu muốn trở về là tại sao? Thật thà mà nói, nhiều người tu một thời gian, bất thần nhớ cha nhớ mẹ, cha mẹ không gọi về cũng lên xin thầy cho con về thăm. Lòng cha mẹ chưa muốn mà mình muốn. Cha mẹ muốn con tu cho đến ngày đạt đạo nhưng nhớ cha mẹ lại xách gói chạy về! Đó là vì sự quyết tâm của mình chưa tha thiết chưa vững mạnh như người xưa. Một ông vua thương dân thương nước lại còn quý kính đạo đức, như thế không phải là một vị vua hiền hay sao?

Đến điểm đặc biệt của vị thầy, của một thiền sư. Sư hỏi: Nhà vua đi đâu? Thưa: Con lên núi tu để cầu thành Phật. Sư liền chỉ rõ: Phật ở ngay nơi tâm mình, ở ngay lòng mình, chứ không phải Phật ở núi. Muốn thấy Phật ở tâm mình ở lòng mình, làm sao thấy? Qua sáu căn, những cử động của sáu căn, đó là hiện tướng Phật, chỉ đừng có niệm thứ hai. Mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân xúc chạm, ý duyên theo pháp, nhưng đừng có niệm thứ hai. Thấy người là người, thấy cái nhà là cái nhà, thấy cây gậy là cây gậy, là cái thấy của ai? Đó là cái thấy của thiền sư. Vậy là có niệm thứ hai không? Nếu thấy người lại nói đẹp xấu là có niệm thứ hai, thấy cây gậy cũng đẹp xấu, thấy cái nhà cũng đẹp xấu, là có niệm thứ hai. Có niệm thứ hai thì mất Phật rồi, đó là phạm chứ không còn Phật nữa. Nếu thấy nghe ngửi nếm v.v... chỉ một niệm đầu không có niệm thứ hai thì Phật hiện tiền, nếu có niệm thứ hai tức là chúng sanh.

Thử hỏi tất cả chúng ta khi thấy nghe ngửi nếm có đến niệm thứ mấy? Thấy người thì khởi niệm người này đẹp người kia xấu, người đẹp dễ thương người xấu dễ ghét... là đến niệm thứ mấy rồi? Đó là phạm tục, không phải Phật, cũng là tâm nhưng là tâm phạm tục. Nếu chỉ có một niệm đầu không có niệm thứ hai, đó là tâm Phật, rất là rõ ràng, không có giấu giếm, không có che đậy chút nào. Như thế chúng ta nên tìm Phật ở đâu? Ngay nơi mình chứ không ở đâu xa cả. Đó là lời nói chí thiết để chúng ta biết người thấy đạo rồi thì nói điều

gì cũng không ngoài cái thấy của mình. Đứng về mặt chỉ thẳng đây gọi là thiên trực chỉ, trực chỉ nhân tâm là như vậy, Thiên sư đã chỉ thẳng cho nhà vua rồi.

Đây nói đến cách xử sự, nếu là một ông vua thì phải như thế nào? Là vua thì phải lấy tâm của người dân làm tâm của mình, lấy cái mong muốn của người dân làm cái mong muốn của mình. Nếu là thầy tu thì phải như thế nào? Là thầy tu thì phải lấy tâm mong muốn của Phật tử làm tâm của mình. Phật tử cúng dường cho tăng ni có cơm ăn áo mặc là muốn tăng ni tu, thì mình phải ráng tu. Nếu không muốn thì Phật tử đâu có cúng dường. Thế nên khi Phật tử ủng hộ thì chúng ta phải ráng tu. Cho nên có thể nói: “Phàm tăng ni giả, dĩ Phật tử chi tâm vi tâm, dĩ Phật tử chi dục vi dục.” Như vậy mới đúng ý muốn của Phật tử lo cho tăng ni có cơm ăn áo mặc để tu. Nếu tăng ni không lo tu hành, lại làm những chuyện vô ích không đâu là trái với sở nguyện của Phật tử, trái với sở nguyện của chúng sanh. Vì vậy người tu là phải làm theo sở nguyện của Phật tử, tức là họ muốn mình tu thì mình phải tu. Khi nào không ai ngó ngang tới, không ai ủng hộ người tu nữa, thì trở về còn khả dĩ. Còn bây giờ Phật tử ủng hộ đầy đủ cơm no áo ấm mà chúng ta nghĩ đến việc lui bước là trái với sở nguyện của Phật tử, tức là trái với tâm ý của chúng sanh, thật là không tốt. Đây là lời chúng tôi nhắc nhở quý vị trên đường tu phải thấy cho thật kỹ bốn phận của mình.

3.5 VUA TU THIÊN TẠI GIA

Trị vì được mười ba xuân,

Chốc mòng đạo Bụt, lại toan sự lòng.

Nhớ lời Thầy dạy chẳng vong,

Mời chư thiên đức lão tăng vào châu.

Thăm hỏi kinh giáo trước sau,

Kim Cương thường tụng lẽ mâu tinh thông.

Liễu đạt tám chữ làm xong,

“Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm.”

Vua ngồi tức lự trăm ngâm,

Hoát nhiên đại ngộ mới thâm vào lòng.

Ngỏ được Bát-nhã tâm tông,

Vạn pháp diệu dùng, tự tính hiển dương.

Bản lai diện mục chân thường,

Viên dung pháp giới đường đường tịch quang.

Khi thì ngồi ngự ngai vàng,

Khi thì tọa định thiên sàng bóng cây.

Lòng thiên nghiêm cần ai hay,

Quả Bồ-đề chín, đến ngày thu công.

Thiên hạ nam bắc tây đông,

Thấy vua đắc đạo cong lòng vui thay!

Sang khó già trẻ thuở nay,

Cùng đi học đạo số rầy đề đa.

Đắc đạo bằng cát sông Hà,

Nhờ ơn hoàng đế quốc gia phát lòng.

Dù ai tỉnh đã bạo hung,

Lại hồi chánh thiện, ra lòng đi tu.

Vạn dân Kịch nhượng Khang cù,

Nhà nhà thờ Bụt nam-mô Di-đà.

Này đoạn Lão tăng thầy già,

Ở Yên Tử già, tìm xuống thành đô.

Vua mừng tặng phong Quốc sư,

Trọng tăng kính Phật phụng thờ nghiêm trang.

Phán ở Thắng Đức điện đường,

Sửa kinh soạn lục để truyền hậu lai.
Thiên Phong là thầy nước người,
Trí tuệ cao tài, kinh lịch chư bang.
Tiếng đồn Việt quốc đế vương,
Có vua tu đạo, người thường xảy qua.
Xưng rằng: “Lâm Tế tông xưa,
Pháp phái diễn thừa, vân thủy A Nam.
Hội thiện tri thức lại tham,
Ích mình tôn chỉ càng thêm lòng thiện.
Sư trưởng là đại nhân duyên,
Thiện hữu trợ giáo hộ quyền nam-mô.”
Thái Tông mở Phật trường đồ,
Quỳnh Lâm, Tư Phúc cùng chùa Hoa Yên.
Trai tăng ngũ bách dư viên,
Thế phát thụ giáo thiên thiên văn vãn.
Thành thị cho đến lâm san,
Tùy căn tu chứng, thanh nhàn yên cư.
Đoạn này rất quan trọng.
Trị vì được mười ba xuân,
Chốc mòng đạo Bụt, lại toan sự lòng.
Nhớ lời Thầy dạy chẳng vong,
Mời chư thiên đức lão tăng vào châu.

Trị vì được mười ba xuân. Ngài trở về làm vua được mười ba xuân tức là mười ba năm. Chốc mòng đạo Bụt lại toan sự lòng. Chốc mòng là nhớ đến, chốc mòng đạo Bụt là nhớ đến đạo Phật. Lại toan sự lòng là khi về làm vua, vì có giặc giã bận rộn nên ngài quên. Nay nhớ đến đạo Phật, trong lòng ngài lại lo lắng.

Nhớ lời Thầy dạy chẳng uong. Nhớ lời thầy Viên Chứng dạy, ngài chẳng dám quên. Mời chư thiên đức lão tăng vào châu. Khi ấy ngài mời các vị thiên đức, các bậc lão tăng đến để thừa hỏi đạo lý.

Thăm hỏi kinh giáo trước sau,

Kim Cương thường tụng lẽ mầu tinh thông.

Liễu đạt tám chữ làm xong,

“Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm.”

Khi thừa hỏi đạo lý rồi, ngài chuyên trì tụng kinh Kim Cương. Một hôm cầm quyển kinh Kim Cương, đọc đến câu *ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm*, ngài để kinh xuống trầm ngâm giây lâu, cho nên nói:

Vua ngồi tức lự trầm ngâm,

Hoát nhiên đại ngộ mới thâm vào lòng.

Ngỏ được Bát-nhã tâm tông,

Vạn pháp diệu dùng, tự tính hiển dương.

Bản lai diện mục chân thường,

Viên dung pháp giới đường đường tịch quang.

Vua ngồi tức lự trầm ngâm. Vua ngồi trầm ngâm, đọc đi đọc lại câu “Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm”. *Hoát nhiên đại ngộ mới thâm vào lòng.* Khi ấy bỗng nhiên đại ngộ được ý nghĩa câu kinh “Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm”, nên trong lòng được thấu suốt. *Ngỏ được Bát-nhã tâm tông.* Chữ ngỏ là hiểu. Hiểu được tâm tông Bát-nhã. *Vạn pháp diệu dùng, tự tính hiển dương.* Muôn pháp đều là diệu dụng, tánh mình hiển bày ra không còn giấu giếm nữa.

Như vậy là vua Trần Thái Tông đang ở ngôi trị vì, chỉ trì kinh Kim Cương, đến khi nghiền ngẫm câu *ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm*, ngài hoát nhiên đại ngộ. Sau khi ngộ ngài có viết quyển Thiên Tông Chỉ Nam. Khi thiên sư Viên Chứng đến thăm, vua trình quyển sách, thiên sư xem qua liền nói: “Đây là thấu suốt được Tâm tông.” Thế nên điểm đặc biệt của tinh thần Thiên tông đời Trần là đang làm

vua mà tu vẫn ngộ đạo, chứ không phải là người bần hàn hay người ở trong non trong núi tu mới ngộ đạo. Còn chúng ta hiện nay là tăng ni ở trong thiền viện yên tĩnh mà không ngộ đạo, nghĩ có buồn không? Làm vua tu ngộ đạo là một khách lệ cho tất cả người cư sĩ thời nay. Các cư sĩ khi đến chùa cứ than: Chúng con bận quá không có thì giờ tu. Bận việc gì? Sáng lo đi làm, hoặc đi chợ nấu ăn, rồi tiếp khách, đến chiều làm vài việc lặt vặt, rồi tối đi ngủ. Chỉ có bao nhiêu việc đó mà tu không được, thật là quá dở. Nếu vì bận, tu không được thì vua Trần Thái Tông bận bao nhiêu việc nước ắt không ngộ đạo. Nhưng vua tu ngộ đạo thì chúng ta không còn lý do gì đổ lỗi bận quá tu không được. Chỉ vì chúng ta tu còn dở, còn yếu, chưa có thiết tha, chứ không phải vì bận rộn! Thật vậy nếu thiết tha tu thì dù ở nhà hay ở chợ tu cũng ngộ đạo. Ở đây chúng ta thấy điểm kỳ đặc của người xưa, khi quyết tâm tu thì ngộ đạo. Ngộ được tâm tông rồi mới thấy cái diệu dụng của muôn pháp, mới hiển bày được tự tánh của mình.

Bản lai diện mục chân thường. Bản lai diện mục của mình là cái chân thật thường còn, không phải chúng ta chỉ có tướng của thân sanh diệt vô thường, của tâm lăng xăng dao động. Thân sanh diệt tâm dao động không phải là cái thật của mình, mà cái thật của mình là bản lai diện mục chưa từng sanh chưa từng diệt, chân thật thường còn. Cái đó ở đâu?

Viên dung pháp giới đường đường tịch quang. Viên dung pháp giới, tức là trùm khắp pháp giới, đường đường tịch quang là rõ ràng trong sáng lặng lẽ. Thế thì ngay nơi chúng ta sẵn có bản lai diện mục thường còn không giới hạn, bao dung cả pháp giới và luôn luôn thường giác.

Khi thì ngôi ngự ngai vàng,

Khi thì tọa định thiên sàng bóng cây.

Lòng thiền nghiêm cẩn ai hay,

Quả Bồ-đề chín, đến ngày thu công.

Thiên hạ nam bắc tây đông,

Thấy vua đắc đạo cong lòng vui thay!

Là một ông vua có khi ngồi trên ngai vàng để lo việc nước, có khi rảnh rỗi ra vườn ngự uyển ngồi thiền dưới cội cây. Như thế thì ở trên ngai vàng hay ở ngoài vườn ngự uyển, tùy duyên mà ứng dụng.

Lòng thiền nghiêm cẩn ai hay,

Quả Bồ-đề chín, đến ngày thu công.

Ở trong mọi hoàn cảnh mà tâm thiền của ngài rất là cẩn mật, không ai hay biết. Đến khi quả Bồ-đề chín, ngài thu nhật được công phu kết quả của mình.

Thiên hạ nam bắc tây đông,

Thấy vua đắc đạo cong lòng vui thay!

Cong lòng là trong lòng, vì ngày xưa đọc như vậy. Tất cả thiên hạ đông tây nam bắc nghe nhà vua ngộ đạo, trong lòng ai cũng vui mừng sung sướng.

Sang khó già trẻ thuở nay,

Cùng đi học đạo số rầy đề đa.

Đắc đạo bằng cát sông Hà,

Nhờ ơn hoàng đế quốc gia phát lòng.

Khi ấy những người già trẻ nghèo giàu, nghe vua tu hành đắc đạo, ai nấy đều rủ nhau đi tu rất nhiều.

Đắc đạo bằng cát sông Hà,

Nhờ ơn hoàng đế quốc gia phát lòng.

Số người sau này ngộ đạo nhiều như cát sông Hồng hà. Tại sao được ngộ đạo? Nhờ ơn nhà vua đi tu cho nên mọi người phát tâm cùng đi tu. Vua đi tu đắc đạo thì tất cả người cư sĩ giàu nghèo gì cũng có thể tu được. Thế nên ngày nay chúng tôi chủ trương khôi phục

Thiên tông đời Trần. Biết đâu mai kia chúng ta sẽ: *Cùng đi học đạo số này đề đa*, số người cư sĩ sẽ rủ nhau đi tu đạo rất là nhiều.

Dù ai tính đã bạo hung,

Lại hồi chánh thiện, ra lòng đi tu.

Vạn dân Kịch nhượng Khang cù,

Nhà nhà thờ Bụt nam-mô Di-đà.

Nghe nhà vua đi tu, tất cả người dân trong nước dù là những kẻ tánh tình hung bạo cũng cải thiện, cũng lần hồi tu tập.

Vạn dân Kịch nhượng Khang cù. Kịch nhượng là tên một bài ca đời vua Nghiêu, Khang cù là tên một bài ca dao đời vua Thuấn, ý nói muôn dân đều được hát ca vui vẻ trong cảnh thái bình.

Nhà nhà thờ Bụt nam-mô Di-đà. Nhà nhà đều thờ Phật, và niệm nam-mô Di-đà. Đây là cách nhìn của ngài Chân Nguyên vì tác phẩm này là của ngài. Ngài thuật lại đời tu của các vua thiên sư đời Trần. Các vua Trần tu Thiên ngô đạo, ngài Chân Nguyên cũng tu Thiên ngô đạo, nhưng ngài ở vào thế kỷ XVII cách đời Trần đến bốn thế kỷ, nên vì hoàn cảnh ngài hướng nhiều về Tịnh độ. Ngài có viết những quyển như Yếu Nghĩa Tịnh Độ, Đường Lối Tu Tịnh Độ và lập đài Cửu phẩm liên hoa. Tại sao? Vì có hai lý do:

Lý do thứ nhất: Thời nhà Trần là thời chuyên tu Thiên, lấy sự tu Thiên làm gốc. Các thiên sư nhà Trần lại là những vị lãnh đạo đất nước, cho nên dân chúng đua nhau tu Thiên, nếu có niệm Phật cũng niệm theo lối Tự tánh Di-đà duy tâm Tịnh độ. Sau đời Trần đến đời Hồ, rồi nhà Minh qua cai trị. Sau đó là đời Hậu Lê, các vua chúa thời đó trọng Nho khinh Phật cho nên Phật giáo không được giới trí thức ngưỡng mộ nữa, trái lại Phật giáo đi thẳng vào quần chúng bình dân ở miền quê. Tuy các thiên sư vẫn ngô đạo từ Thiên, những người lãnh đạo Phật giáo là thiên sư, nhưng đa số quần chúng theo đạo Phật không hiểu được lý Thiên, cho nên các ngài mới dạy Tịnh độ. Vì thế vào thời cuối Lê, Tịnh độ bắt đầu phát đạt.

Lý do thứ hai: Cuối đời Lê là thời kỳ Nam Bắc phân tranh, đất nước Việt Nam bị chia đôi, lấy sông Gianh làm ranh giới, Đàng Ngoài từ sông Gianh trở ra, Đàng Trong từ sông Gianh trở vào. Đất nước bị chia đôi, lại thêm giặc giã liên miên cho nên lòng người thời đó yếu đi, không còn đức tự tin vững mạnh. Vì thế quý ngài thấy dạy niệm Phật dễ hơn, có một nguồn an ủi trông cậy từ bên ngoài thì thích hợp hơn. Do đó thời này bắt đầu hướng người Phật tử vào phương pháp tu Tịnh độ. Cho nên vào thế kỷ XVII, ngài Chân Nguyên là một thiền sư mà nói câu *Nhà nhà thờ Bụt, nam-mô Di-đà*, là tu niệm Phật Di-đà, tức là tu Tịnh độ. Vì thế chúng ta phải thấy rõ ý nghĩa của đoạn này.

Này đoạn Lão tăng thầy già,

Ở Yên Tử già, tìm xuống thành đô.

Vua mừng tặng phong Quốc sư,

Trọng tăng kính Phật phụng thờ nghiêm trang.

Phán ở Thắng Đức điện đường,

Sửa kinh soạn lục để truyền hậu lai.

Ở Yên Tử già là ở chùa trên núi Yên Tử, già là già-lam, là chùa. Đây nói đến đoạn vị thầy lớn tuổi ở chùa núi Yên Tử tìm xuống thành đô, tức là chỉ thiền sư Viên Chứng. Lúc trước nhà vua có lên núi Yên Tử xin tu, nên khi gặp lại Thiền sư, vua rất mừng, phong tặng ngài hiệu Quốc sư, nên lúc bấy giờ gọi ngài là Quốc sư Viên Chứng. Với lòng trọng tăng kính Phật, vua thờ phụng ngài rất là trang nghiêm. Ở điện Thắng Đức, vua yêu cầu Quốc sư *sửa kinh soạn lục để truyền hậu lai* tức là sửa những bản dịch kinh, soạn lại những bài lục để truyền bá sau này.

Thiên Phong là thầy nước người,

Trí tuệ cao tài, kinh lịch chư bang.

Tiếng đồn Việt quốc đế vương,

Có vua tu Đạo, người thường xảy qua.

Đây nói đến thiền sư Thiên Phong ở Trung Hoa, nước người là chỉ nước Trung Hoa. Ngài là một thiền sư trí tuệ tài cao, đi các nơi để truyền bá Thiên tông. Nghe đồn ở Việt Nam có ông vua tu ngộ đạo nên ngài tìm đến để hiểu biết và hướng dẫn thêm.

Có vua tu Đạo, người thường xảy qua. Bản này là *người thường xảy qua*, chữ xảy qua nghĩa là chợt đến. Bản in năm 1932 là *người thường tinh thông* là chỉ cho nhà vua tinh thông. Chữ xảy qua thích hợp hơn. Ý câu này nói thiền sư Thiên Phong nghe đồn vua nhà Trần hiểu đạo cho nên ngài mới qua đến Việt Nam.

Xưng rằng: “Lâm Tế tông xưa,

Pháp phái diễn thừa, vân thủy A Nam.

Hội thiện tri thức lại tham,

Ích minh tôn chỉ càng thêm lòng thiền.

Sư trưởng là đại nhân duyên,

Thiện hữu trợ giáo hộ quyền nam mô”.

Ngài Thiên Phong tự xưng là ngài kế thừa tông Lâm Tế và theo pháp phái của tông Lâm Tế. Ngài vân du sang Việt Nam, họp những bậc thiện tri thức lại để cùng tham thiền. Tham thiền là tham vấn thưa hỏi về thiền.

Ích minh tôn chỉ càng thêm lòng thiền, ích là càng, minh là sáng, tức là làm sáng thêm tông chỉ và làm sâu thêm lòng tu thiền và hiểu thiền.

Sư trưởng là đại nhân duyên. Người tu thiền cũng như tất cả người tu Phật, gặp được bậc thiện tri thức, bậc Sư trưởng xứng đáng hàng thầy để hướng dẫn là một nhân duyên lớn. *Thiện hữu trợ giáo hộ quyền nam-mô.* Còn bạn bè huynh đệ là người giúp đỡ cho mình tu hành, cho nên nói là hộ quyền nam-mô.

Thái Tông mở Phật trường đồ,

Quỳnh Lâm, Tư Phúc cùng chùa Hoa Yên.

*Trai tăng ngũ bách dư viên,
Thế phát thụ giáo thiên thiên vãn vãn.
Thành thị cho đến lâm san,
Tùy căn tu chứng, thanh nhàn yên cư.*

Ngài Trần Thái Tông *mở Phật trường đồ* tức là mở trường dạy Phật pháp cho đồ chúng. Trường đó mở tại chùa Quỳnh Lâm, chùa Tư Phúc và chùa Hoa Yên. Ba chùa này là nơi để chư tăng đến tu học.

Ngài cúng dường *trai tăng ngũ bách dư viên* là cúng dường hơn năm trăm vị tăng chúng. *Thế phát thụ giáo thiên thiên vãn vãn*. Những người xuất gia tu thiền thiên thiên vãn vãn là nhiều đến ngàn muôn người. *Thành thị cho đến lâm san*. Từ thành thị cho đến nơi rừng núi. *Tùy căn tu chứng, thanh nhàn yên cư*. Tùy theo căn cơ mà có sự tu chứng được yên ổn tu hành. Đoạn này kể lại thời ngài Trần Thái Tông mở mang Phật pháp.

3.6 SỰ TỔNG ĐỨC THÀNH TỎI THAM THIÊN

*Thuở ấy ngoại quốc tông sư,
Lại nghe Nam Việt có vua tu hành.
Tên người là Tống Đức Thành,
Trèo non lặn suối một mình tìm sang.
Vào châu báỉ tạ thiên nhan,
Thiên gia làm lễ, dám tham lời rằng:
Đức Thành vấn viết:
“Tích Thích-ca Thế Tôn
Vị ly Đâu-suất,
Dĩ giáng vương cung,
Vị xuất mẫu thai,
Độ nhân dĩ tất. Thì như hà?”*

Thái Tông hoàng đế đáp vãn:

*“Thiên giang hữu thủy thiên giang nguyệt,
Vạn lý vô vân vạn lý thiên.”*

Đức Thành hựu vấn:

*“Vị ly vị xuất môn khai thị,
Dĩ ly dĩ xuất sự nhược hà?”*

Thái Tông đáp vãn:

*“Vân sinh nhạc đỉnh đô lô bạch,
Thủy đảo Tiêu Tương nhất dạng thanh.”*

Phân Giảng Giải

*“Mây lên núi bạc bằng lau,
Nước xuống nguồn Tào vặc vặc lặng thanh.*

*Pháp thân trạm tịch viên minh,
Tự tại tung hoành phổ mãn thái hư.*

*Tùy hình ứng vật tự như,
Hóa thiên bách ức độ chư mọi loài.*

*Ứng hiện dưới đất trên trời,
Khắp hòa thế giới mọi nơi trong ngoài.*

*Đã đặt hiệu là Như Lai,
Sao còn hỏi xuất mẫu thai làm gì?*

*Nguyệt luân biến chiếu quang huy,
Thiên giang hữu thủy cũng thì bóng in.”*

Đức Thành lại hỏi căn nguyên:

“Đế vương ngộ đạo nhân duyên như hà?”

Này lời Thái Tông thưa ra:

“Lưỡng mộc đồng hỏa, đôi ta khác gì.

Đương cơ đối đáp thị thù,
Thật tính thi dụng cùng thì nhất ban.
Phóng ra bọc hết càn khôn,
Thu lại hoàn nhất mao đoan những là.
Ma-ha Bát-nhã ba-la,
Tam thế chư Phật chứng đà nên công.
Thiên giang vạn thủy triều đông,
Ngộ đảo giả lý thật cùng tà nhau.
Phật tiên, Phật hậu trước sau,
Bát-nhã huyền chỉ đạo mâu truyền cho.
Ai ai đạt giả đồng đồ,
Mỗi người mỗi có minh châu trong nhà.
Mùa xuân vạn thụ khai hoa,
Cành cao cành thấp vậy hòa chứng nên.
Vi nhất đại sự nhân duyên.
Xuất hiện vu thế tam thiên Ta-bà.
Ngai rồng trút để bước ra,
Thế phát ở già, niệm Bụt tụng kinh.
Khác nào được xuất kim bình,
Há đi tu hành, cứu được vạn dân.
Bản lai thanh tịnh pháp thân,
Viên dung pháp giới, đâu gần đâu xa.
Có chữ Đầu Phật Xuất Gia,
Vì vậy Trẫm phải bước chân ra ngoài.”
Đức Thành tôn phục mọi lời,
Thật quyền Hoàng Giác ra đời độ nhân!

*Đức Thành bái tạ Thánh quân,
Thượng hoàng Phật đạo, hạ cần Vương gia.
Đức Thành lễ bái trở ra,
Tống quốc khiêm nhượng nước ta thánh hiền.*

Sư Tống Đức Thành tức là nhà sư hiệu Đức Thành, người nước Tống ở Trung Hoa.

*Thuở ấy ngoại quốc tông sư,
Lại nghe Nam Việt có vua tu hành.
Tên người là Tống Đức Thành,
Trèo non lặn suối một mình tìm sang.
Vào châu bái tạ thiên nhan,
Thiên gia làm lễ, dám tham lời rằng:*

Lúc ấy có một vị tông sư là một vị sư tu Thiên, nghe ở Việt Nam có ông vua tu hành, cho nên từ xa trèo non lặn suối tìm đến Việt Nam. Sư vào châu đánh lễ nhà vua rồi tham hỏi. Đây dẫn nguyên văn câu chữ Hán:

*Đức Thành vấn viết:
“Tích Thích-ca Thế Tôn
Vị ly Đâu-suất,
Dĩ giáng vương cung,
Vị xuất mẫu thai,
Độ nhân dĩ tất. Thì như hà?”*

Ngài Đức Thành hỏi:

Xưa đức Thích-ca Thế Tôn, chưa rời cung trời Đâu-suất, đã giáng sanh ở cung vua Tịnh Phạn, chưa ra thai mẹ, độ người đã xong. Đó là thế nào?

Đây là một câu hỏi có tính cách thiên.

Thái Tông hoàng đế đáp vân:

*“Thiên giang hữu thủy thiên giang nguyệt,
Vạn lý vô vân vạn lý thiên.”*

Nhà vua đáp:

Ngàn sông có nước thì ngàn sông có mặt trăng,
Muôn dặm không mây thì có muôn dặm trời.

Như vậy câu hỏi trước và câu đáp này có dính dáng gì không? Câu hỏi là muốn hỏi cái gì? Câu đáp là đáp cái gì?

Câu hỏi là: *Phật* chưa rời cung trời *Đâu-suất*, theo sử nói ngài là một vị Bồ-tát ở cung trời *Đâu-suất* giáng sanh xuống thế gian, nhưng lúc chưa rời cung trời *Đâu-suất*, *đã đến vương cung* là đã đến chỗ thọ sanh. *Chưa ra khỏi thai mẹ* là chưa có sanh ra, mà lúc đó *độ người đã xong*. Câu này là dẫn trong kinh Hoa Nghiêm. Ý nghĩa thế nào? *Độ người* bằng cách nào?

Ngài Thái Tông đáp bằng hai câu thơ:

Ngàn sông có nước thì có ngàn bóng mặt trăng. Mặt trăng ở trên hư không là một, nhưng ở dưới thế gian có ngàn con sông nước trong thì người ta nhìn sẽ thấy có một ngàn bóng mặt trăng. *Muôn dặm không mây thì có muôn dặm trời.* Trời cao thênh thang, nếu có mây che thì thấy không rộng, khi mây tan mới thấy trời mênh mông thênh thang. Như vậy khi mây tan thì thấy trời rộng, cũng như chỉ một vầng trăng nhưng tùy theo sông có nhiều hay ít liền thấy bóng trăng có nhiều hay ít.

Đó là để nói pháp thân Phật không có hai, không có đến không có đi, nhưng tùy duyên thế gian thấy như ngài có đến, có giáo hóa chúng sanh, thật ra trên mặt pháp thân thì dụng không rời thể. Cũng như mặt trăng có đến với hồ với sông hay không? Nhưng có hồ có sông nước trong thì thấy mặt trăng.

Tóm lại ý nghĩa câu đáp là: Phật chưa rời cung trời *Đâu-suất* đã đến vương cung, chưa ra khỏi thai mẹ mà *độ người đã xong*, đó là nói

thể pháp thân sẵn có trùm khắp, tùy duyên giáo hóa, chứ không phải nói thân ngài hiện ra ở Ấn Độ, thân đó gọi là hóa thân hay báo thân chứ không phải pháp thân.

Nghe câu đáp, ngài Đức Thành hiểu nên mới hỏi thêm câu thứ hai:

Đức Thành hựu vấn:

“Vị ly vị xuất môn khai thị,

Dĩ ly dĩ xuất sự nhược hà?”

Nghĩa là chưa có rồi, chưa có ra đời, đã nhờ ngài chỉ dạy rồi. Bây giờ đã rời Đâu-suất, đã xuống vương cung và đã ra khỏi thai mẹ, việc đó thế nào?

Thái Tông đáp vân:

“Vân sinh nhạc đỉnh đô lô bạch,

Thủy đảo Tiêu Tương nhất dạng thanh.”

Vân sinh nhạc đỉnh đô lô bạch, mây sinh trên đỉnh núi, với đám lau cùng một màu trắng. Hoa lau với mây trắng trên đỉnh núi hòa nhau cùng một màu. *Thủy đảo Tiêu Tương nhất dạng thanh* là nước đến sông Tiêu sông Tương chỉ có một màu trong.

Như vậy Sư hỏi: Sau khi đã rời khỏi thai mẹ ra đời thì thế nào? Vua đáp: Như mây tựa trên đỉnh núi với đâu có ngoài pháp thân, vì vậy mà hai bên không khác. Cho nên nói “dĩ ly” hay “vị ly” đều cùng một ý nghĩa chỉ cho pháp thân. Pháp thân tùy duyên ứng hiện hóa thân, đó gọi là dĩ ly, pháp thân nguyên vẹn gọi là vị ly. Vì thế nói đã ra là chỉ pháp thân ứng hiện, còn nói chưa ra là pháp thân nguyên thể, đâu có hai đâu có khác.

Đã đặt hiệu là Như Lai,

Sao còn hỏi xuất mẫu thai làm gì?

Nguyệt luân biến chiếu quang huy,

Thiên giang hữu thủy cũng thì bóng in.

Ngài Chân Nguyên nói lại cho thật rõ ý nghĩa hai câu đáp của vua Trần Thái Tông.

Đã đặt hiệu là Như Lai, đã nói hiệu Phật là Như Lai. Như là sao? Lai là sao? Như là thể, Lai là dụng. Như là chỉ cho pháp thân, Lai là chỉ cho hóa thân. Hóa thân hay pháp thân không có hai, cho nên gọi là Như Lai. Vì thế mới hỏi: *Sao còn hỏi xuất mẫu thai làm gì?* Trong kinh Kim Cang có giải thích Như Lai là: “Vô sở tùng lai, diệt vô sở khứ, cố danh Như Lai” tức là *không từ đâu đến cũng không đi đâu, gọi đó là Như Lai*. Đã gọi là Như Lai, sao còn nói ra khỏi thai mẹ làm gì?

Nguyệt luân biến chiếu quang huy, nguyệt luân là vầng mặt trăng, biến chiếu quang huy là soi sáng cùng khắp. *Thiên giang hữu thủy cũng thì bóng in*, cùng một mặt trăng mà hiện bóng trong cả ngàn sông. Đó là nói ý nghĩa pháp thân tùy duyên mà có hóa thân, hóa thân không rời pháp thân.

Đức Thành lại hỏi căn nguyên:

“Đế vương ngộ đạo nhân duyên như hà?”

Này lời Thái Tông thưa ra:

“Lưỡng mộc đồng hỏa, đôi ta khác gì?”

Đương cơ đối đáp thị thù,

Thật tính thi dụng cùng thì nhất ban.”

Sư Đức Thành mới hỏi căn nguyên nhà vua ngộ đạo, hỏi rằng: *Đế vương ngộ đạo nhân duyên như hà?* Tức là nhân duyên nhà vua ngộ đạo như thế nào?

Ngài Thái Tông đáp: *Lưỡng mộc đồng hỏa đôi ta khác gì*. Lưỡng mộc đồng hỏa là hai cái cây cùng có lửa, thì ông và tôi có khác gì đâu? Ai cũng có cái thể đó, nhân duyên tôi ngộ đạo là ngộ cái đó. Như hai cây ở trong đều có lửa, ông có tánh Phật tôi cũng có tánh Phật, đó là chỗ tôi ngộ.

Đương cơ đối đáp thị thù, nghĩa là ngay khi ông hỏi tôi tôi đáp ông, đó là cái gì? Thật tính thi dụng cùng thì nhất ban. Bản này là *thi dụng*, bản năm 1932 là *ứng dụng*. Thi dụng tức là thi thố để ứng dụng. Cùng thì nhất ban, nó đều cùng một loại. Như vậy cái tính thật tùy duyên ứng dụng, vốn là một thể chứ không có hai không có khác. Tôi không khác ông, ông cũng không khác tôi.

Phóng ra bọc hết càn khôn,

Thu lại hoàn nhất mao đoan những là.

Ma-ha Bát-nhã ba-la,

Tam thế chư Phật chứng đà nên công.

Ngài Thái Tông giải thích thêm: Cái thể đó phóng ra thì bao bọc hết cả càn khôn, nếu thu lại thì trên đầu sợi lông cũng đủ. *Ma-ha Bát-nhã ba-la*, tức là trí tuệ cứu cánh chân thật. *Tam thế chư Phật chứng đà nên công*, ba đời chư Phật đều chứng được trí tuệ cứu cánh đó. Như thế thì tôi có trí tuệ đó, ông cũng có trí tuệ đó.

Thiên giang vạn thủy triều đông,

Ngộ đảo giá lý thật cùng tày nhau.

Phật tiền, Phật hậu trước sau,

Bát-nhã huyền chỉ đạo mầu truyền cho.

Ai ai đạt giả đồng đồ,

Mỗi người mỗi có minh châu trong nhà.

Thiên giang vạn thủy triều đông, ngàn sông muôn dòng đều chảy về đông, tức là chảy về biển. *Ngộ đảo giá lý thật cùng tày nhau*. Bản này là *tày nhau*, bản kia là *tề nhau*. *Ngộ đảo giá lý* là ngộ đến chỗ đó, thật cùng tày nhau là thật cùng bằng nhau, ngang nhau. Ngài thí dụ: Ngàn dòng sông hay muôn dòng nước đều chảy dồn về biển. Biển là dụ cho pháp thân, còn tất cả dòng sông dòng nước là dụ cho hóa thân hay báo thân. Người nào ngộ đến chỗ thật đó thì đều đồng nhau, không ai khác. Cho nên: *Phật tiền, Phật hậu trước sau* là Phật trước Phật sau, trước sau gì đến chỗ *Bát-nhã huyền chỉ đạo mầu*

truyền cho tức là đến chỗ yếu chỉ mâu nhiệm của Bát-nhã thì đạo mâu đều truyền giống nhau.

Ai ai đạt giả đồng đồ, mỗi người mỗi người khi đạt đạo rồi thì đồng một lối đi. Đồng đồ là đồng một con đường, đồng một lối đi. Ai ai đạt đến chỗ đó rồi thì đều đồng nhau. *Mỗi người mỗi có minh châu trong nhà*. Mỗi người ai cũng có hạt minh châu trong nhà. Như vậy tất cả chúng ta tăng ni và Phật tử, mỗi người đều có hạt minh châu trong nhà. Nhưng hạt minh châu đó sáng không? Ai cũng có hạt minh châu, song rất tiếc là hạt châu đó để cho ngàn lớp muôn lớp bụi phủ che, tuy có minh châu mà vẫn tối. Lý đáng có minh châu trong nhà thì sáng, nhưng vẫn tối là lỗi tại ai? Lỗi tại hạt minh châu thiếu ánh sáng, hay lỗi tại “trần lao quan tỏa”, bụi trần bủa khắp phủ che?

Những bụi trần phủ hạt minh châu là gì? Chúng tôi cho thí dụ để thấy rất dễ. Như hai huynh đệ xuống nhà bếp, người này thoi người kia một cái, thì bụi hiện ra liền. Hoặc giả hai người ngồi nói chuyện một lúc, rồi bắt bẻ nhau nói nặng vài câu thì bụi hiện ra ngay. Vì thế bụi phủ cả ngày, không có khi nào trống hở. Chừng nào đem lửa thử vàng mà vàng vẫn sáng rực, đó mới là thứ thiệt. Còn nếu gặp duyên trái nghịch liền phản ứng thì biết còn đang bị trần lao che phủ, nên hạt minh châu chưa sáng. Ai sạch hết bụi rồi thì hạt minh châu chiếu sáng!

Như chúng ta hiện giờ có ai dám tự xưng là tôi sạch bụi rồi, hạt minh châu tôi sáng không? Tin rằng chúng ta có hạt minh châu sáng, nhưng không dám nói. Thật ra người tu Phật rất là quý, biết đem những chất bụi bặm nhơ bẩn loại bỏ ra, vì chúng là thứ vô dụng không dùng được. Còn hạt minh châu chắc ai cũng muốn nhận giữ. Tuy biết mình có hạt minh châu, song chúng ta cứ dùng mãi những bụi nhơ không có gan dạ loại bỏ nó ra, khiến cho hạt minh châu bị bụi trần che phủ. Có ai làm điều gì trái ý thì nổi sân ngay, nếu có người khuyên can thì bảo vệ cái sân của mình cho là đúng là phải. Cứ như thế mà bảo vệ cái sai lầm trọn đời trọn kiếp thì biết đến bao giờ mới thấy ánh sáng của hạt minh châu? Nghĩ thật kỹ xem chúng

ta có khôn ngoan không? Chỉ cần phải bỏ hết những thứ nhơ nhớp thì hòn ngọc quý hiện ra, chứ không có chờ đợi cái gì khác. Thế mà chúng ta không chịu phải cái nhơ, nên cái sáng bị khuất lấp đi, rồi than thở sao thế gian nhiều đau khổ quá! Nếu được làm Phật, nhìn thấy chúng sanh đau khổ, chắc chúng ta cũng rất buồn, không biết làm sao cứu! Ngồi gẫm lại thấy sao chúng ta khờ dại quá, hòn ngọc quý đã được chỉ, rồi lâu lâu nó lóe sáng một chút, thế mà cứ để bụi đất phủ hoài không lau chùi cho sạch, chẳng khờ dại là gì?

Thế nên người tu là làm một việc rất quý, tức là bỏ cái nhơ để giữ của báu, đó là chuyện quá tốt, là điều hết sức cao cả; loại cái nhơ để cái quý bày hiện là chuyện làm quá cao thượng. Giả sử bây giờ có ai đem đồ nhơ phủ lên ngọc quý của mình, thì chúng ta phải làm sao? Chắc là phải từ chối! Thế nhưng ít ai chịu từ chối. Thí dụ như mình đang mặc áo trắng sạch, có người cầm nắm bụi nhỏ ném vào mình, chúng ta không lo phủi áo cho sạch, lại kiếm nắm bụi khác ném vào người. Người ta lại tìm hai ba nắm bụi ném trả lại. Rốt cuộc rồi người và mình đều nhơ cả. Phải chỉ khi bị ném bụi vào áo trắng đẹp, chúng ta lo phủi áo cho sạch, thì họ đâu có ném nữa, phải hay hơn không, mình sạch mà người cũng sạch, thì tốt biết bao nhiêu.

Như vậy tu là một việc làm rất thực tế. Tu làm sao cho đời mình càng ngày càng trong sáng càng vui tươi, chứ không phải tu càng ngày càng u tối càng buồn thảm. Nếu tu lâu lâu mà thấy mặt mày buồn bã không vui, hoặc có những trận sân si mắt nhìn tóe lửa thì không hợp lý chút nào. Chúng ta học đạo phải nhớ điều này đừng có quên. Chúng ta phải luôn luôn nhớ câu: *Mỗi người mỗi có mình châu trong nhà*. Nhớ đến hạt minh châu thì cũng nhớ không để cho bụi trần che phủ.

Mùa xuân vạn thụ khai hoa,

Cành cao cành thấp vậy hòa chúng nên.

Vì nhất đại sự nhân duyên,

Xuất hiện vu thế tam thiên Ta-bà.

Khi mùa xuân đến muôn cây cỏ đều nở hoa, dù cây cao cây thấp cũng đều trở hoa cả. Cũng như thế, chư Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trên thế gian khắp cõi tam thiên. Dù tất cả chúng sanh có trình độ sai biệt, cao thấp khác nhau, nhưng khi đức Phật ra đời thì mọi người đều được lợi ích, đều biết chỗ tu hành, giống như khi xuân về cây cao cây thấp đều trở hoa.

Ngai rồng trút để bước ra,

Thế phát ở già, niệm Bụt tụng kinh.

Khác nào được xuất kim bình,

Há đi tu hành, cứu được vạn dân.

Bản lai thanh tịnh pháp thân,

Viên dung pháp giới, đâu gần đâu xa.

Ở đây nói sau này nhà vua đi tu. Nhưng trong sử không có ghi ngài Trần Thái Tông đi tu, tuy cũng có chỗ nói ngài về cố đô Hoa Lư lập am Thái Vi ở đó tu hành, không biết là xuất gia hay tại gia. Còn ở đây nói là ngài xuất gia.

Ngai rồng trút để bước ra, nhà vua nhường ngôi lại cho con để ra khỏi ngai rồng. *Thế phát ở già, niệm Bụt tụng kinh*, ở già tức là ở chùa, già còn gọi là chiền-già hay tăng-già-lam. Niệm Bụt tụng kinh là niệm Phật tụng kinh, vì thời này ngài Chân Nguyên hay nói nhiều về Tịnh độ.

Khác nào được xuất kim bình, giống như là thuốc quý ra khỏi bình vàng. Thường thường thuốc quý để trong bình vàng. Thuốc dùng để cứu lành bệnh chúng sanh, nếu còn để trong bình vàng thì chưa cứu được ai. Cho nên nói thuốc quý ra khỏi bình vàng là để chỉ ngài ngộ đạo rồi đi tu để giáo hóa chúng sanh, giống như thuốc quý ra khỏi bình vàng vậy. *Há đi tu hành, cứu được vạn dân*, bản này là *hả đi tu hành*, bản năm 1932 là *vua đi tu hành*, chữ vua thì hợp hơn. Nhà vua đi tu cứu được muôn dân.

Bản lai thanh tịnh pháp thân, tức là pháp thân thanh tịnh xưa nay. Viên dung pháp giới, đâu gần đâu xa, pháp thân viên dung khắp cả pháp giới, không nói là gần không nói là xa, đâu đâu cũng trùm khắp.

*“Có chữ Đầu Phật Xuất Gia,
Vì vậy Trẫm phải bước chân ra ngoài.”*

Đức Thành tôn phục mọi lời.

Thật quyền Hoàng Giác ra đời độ nhân!

Có chữ Đầu Phật Xuất Gia tức là ngài theo Phật xuất gia. Vì vậy Trẫm phải bước chân ra ngoài, vì vậy mà ngài phải bỏ ngài vàng đi tu.

Đức Thành tôn phục mọi lời, nghe lời nhà vua nói, ngài Đức Thành rất là kính phục, mới khen rằng: Thật quyền Hoàng Giác ra đời độ nhân, ông vua giác tức là ông vua Phật ra đời để độ chúng sanh.

*Đức Thành bái tạ Thánh quân,
Thượng hoàng Phật đạo, hạ cần Vương gia.*

*Đức Thành lễ bái trở ra,
Tống quốc khiêm nhượng nước ta thánh hiền.*

Thiên sư Đức Thành từ tạ nhà vua để ra đi làm Phật sự, giúp cho Vương gia, tức là Thượng hoàng Phật đạo, hạ cần Vương gia. Khi ngài trở về thì người nước Tống đều kính nước Việt Nam có bậc vua thánh hiền.

4. CHUYỆN TRẦN THÁNH TÔNG

*Tuổi vua sáu mươi dư niên,
Nhường vị cho con là Trần Thánh Tông.
Mậu Ngọ cải hiệu Thiệu Long,
Trị vì thiên hạ tây đông an nhàn.*

*Trần triều dòng đức vua quan,
Những Tiên cùng Bụt thế gian khôn bì.
Cửu trùng cùng thủ thùy y,
Hưng sùng đạo Bụt sớm khuya ân cần.
Trị vì nhị thập nhị xuân,
Lại toan học đạo tu thân phát lòng.
Cho con là Trần Nhân Tông,
Thay quyền kế trị nối dòng đế vương.
Sửa sang quốc chính kỷ cương,
Cho cha du thủy du sơn tu hành.
Ở chùa Tư Phúc An Sinh,
Trì trai thế phát tụng kinh đêm ngày.
Đại Đăng quốc sư là thầy,
Thánh Tông đắc đạo, mừng thay thoát ràng:
“Tiền đăng lại điểm hậu đăng,
Mộng Bồ-đề nở nhưng lòng ông cha.”
Về vua Trần Thánh Tông thì đây kể rất ít.
Tuổi vua sáu mươi dư niên,
Nhường vị cho con là Trần Thánh Tông.*

Câu này có điểm sai. Tuổi vua là tuổi vua Trần Thái Tông. Theo câu trên đến hơn sáu mươi tuổi ngài mới nhường ngôi cho con là Trần Thánh Tông. Nhưng đúng ra lúc nhường ngôi cho con ngài được bốn mươi một tuổi. Vì năm ngài sanh là 1218 và năm ngài nhường ngôi cho Trần Thánh Tông là 1258, tức có bốn mươi năm, tuổi Việt là bốn mươi một tuổi. Hơn sáu mươi tuổi là năm ngài tịch.

*Mậu Ngọ cải hiệu Thiệu Long,
Trị vì thiên hạ tây đông an nhàn.*

*Trần triều dòng đức vua quan,
Những Tiên cùng Bụt thế gian khôn bì.*

Vua Trần Thánh Tông lên ngôi năm Mậu Ngọ (1258), cải niên hiệu là Thiệu Long, khắp cả nước đều được bình yên, người người được an nhàn.

Trong dòng họ triều nhà Trần, kể cả vua và quan đều là những bậc Tiên Phật, thế gian ít có ai bì được. Đây là lời tán thán của ngài Chân Nguyên.

*Cửu trùng cung thủ thủy y,
Hưng sùng đạo Bụt sớm khuya ân cần.*

Câu *Cửu trùng cung thủ thủy y* toàn là chữ Hán, chữ cung có chỗ đọc là cung. Cửu trùng là chín tầng, chín lớp, từ hàng cửu phẩm đến nhất phẩm, là chỉ nhà vua. Cung thủ là ngôi khoan tay, thủy y là rủ áo, nghĩa là thời vua Trần Thánh Tông là thời bình yên dân chúng được an nhàn yên ổn. *Hưng sùng đạo Bụt sớm khuya ân cần* là hưng thịnh và kính thờ đạo Phật, ai nấy đều chuyên cần.

*Trị vì nhị thập nhị xuân,
Lại toan học đạo tu thân phát lòng. Cho con là Trần Nhân Tông,
Thay quyền kế trị nối dòng đế vương.*

Vua Thánh Tông trị nước được hai mươi hai năm. Ngài lên ngôi năm 1258, đến năm 1278, tính ra như hai mươi năm, rồi ngài nhường ngôi lại cho con là Trần Nhân Tông.

*Sửa sang quốc chính kỷ cương,
Cho cha du thủy du sơn tu hành.
Ở chùa Tư Phúc An Sinh,*

Trì trai thế phát tụng kinh đêm ngày.

Sau khi nhường ngôi, ngài du sơn du thủy, dạo nơi này nơi kia, lo tu hành. Ngài tu ở chùa nào? Chùa Tư Phúc là chùa ở trên núi

Côn Sơn, thuộc làng An Sinh, huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương ngày nay.

Trì trai thế phát tụng kinh đêm ngày là trì trai,

cạo tóc, ở đây đêm ngày tụng kinh.

Đại Đăng quốc sư là thầy,

Thánh Tông đắc đạo, mừng thay thốt rằng:

“Tiền đăng lại điểm hậu đăng,

Mộng Bồ-đề nở nhưng lòng ông cha.”

Khi vua Trần Thánh Tông đắc đạo, ngài mừng, thốt lên rằng: *Tiền đăng lại điểm hậu đăng*, nghĩa là ngọn đèn trước lại mời cho ngọn đèn sau.

Mộng Bồ-đề nở nhưng lòng ông cha. Chữ *mộng*, bản năm 1932 để là *một*, nhưng theo ý nghĩa ở đây nói *một Bồ-đề nở* nghe không ổn. *Mộng Bồ-đề nở* là người tu mơ ước được giác ngộ, nay được giác ngộ thì điều mơ ước được thành, gọi là *mộng Bồ-đề nở*. *Nhưng lòng ông cha*, nhưng là theo, nghĩa là theo đúng như lòng ông cha. Ông cha trước đi con đường đó, đạt được việc đó, nay mình cũng được giống như thế, đúng như đường lối ông cha đã làm.

5.1 CHUYỆN TRẦN NHÂN TÔNG

Này đoạn Nhân Tông kể ra:

Thánh mẫu là mẹ lòng hòa có nhân.

Giác hòe thoát nháp đêm xuân,

Chiêm bao xảy thấy thần nhân một người.

Cao cả tượng sứ nhà Trời,

Trao cho lưỡng kiếm, có lời bảo vay.

Hoàng hậu sức thức đêm chầy,

Thấy điềm sự lạ tau bày Thánh Tông.

Lòng vua thấy vậy cực mừng,

Bàn mộng thốt rằng: “Ấy Trời tộ ta.”
Từ ngày chiêm bao đã qua,
Hoàng hậu thụ thai càng hòa tốt tươi.
Mãn nguyệt no tháng thoát thai,
Mình vàng kim sắc tướng người lạ thay.
Vua cha thốt bảo rằng bay:
“Hai ta có đức, sinh nay Bụt vàng.”
Hữu kiên nốt ruồi bên nường,
Thuật sĩ xem tướng đoán lường rằng bay:
“Thái tử trí cả bằng nay,
Gánh việc đại khí làm thầy mười phương.”
Cha mẹ dưỡng dụ yêu đương,
Đặt hiệu cho chàng là Điều Ngự Vương.
Này đoạn Nhân Tông kể ra:
Thánh mẫu là mẹ lòng hòa có nhân.
Giấc hòe thoát nhấp đêm xuân,
Chiêm bao xảy thấy thần nhân một người.
Cao cả tượng sứ nhà Trời,
Trao cho lưỡng kiếm, có lời bảo vay.

Đoạn này kể về vua Trần Nhân Tông. Thánh mẫu, mẹ ngài là người nhân hậu. Chữ giấc hòe là giấc ngủ, thoát nhấp: chữ nhấp có bản để là nhập, nhưng chữ nhấp ở đây đúng hơn, nhấp là mới, thoát nhấp là vừa mới. Đêm xuân khi nằm ngủ, vừa mới nhắm mắt thì *chiêm bao xảy thấy thần nhân một người*, bà thấy một vị thần nhân *cao cả tượng sứ nhà Trời*, to lớn như thiên sứ *trao cho lưỡng kiếm có lời bảo vay*, trao cho hai thanh kiếm và có lời dặn dò.

Hoàng hậu sực thức đêm chầy,

Thấy điềm sự lạ tâu bày Thánh Tông.

Lòng vua thấy vậy cực mừng,

Bàn mộng thốt rằng: “Ấy Trời tộ ta.”

Từ ngày chiêm bao đã qua,

Hoàng hậu thụ thai càng hòa tốt tươi.

Hoàng hậu chợt thức giấc, đem điềm lạ kể lại cho Thánh Tông nghe. Vua nghe qua rất đổi vui mừng, đoán biết là điềm mộng tốt nên thốt lên rằng: “Ấy Trời tộ ta”.

Từ ngày chiêm bao đã qua,

Hoàng hậu thụ thai càng hòa tốt tươi.

Sau ngày chiêm bao, hoàng hậu thụ thai, từ đó càng ngày bà càng tươi vui hơn.

Đây là kể lại điềm mộng của hoàng hậu, do mộng thấy thần nhân cho hai lưỡi kiếm rồi bà có thai, nên từ đó về sau bà rất vui vẻ.

Mãn nguyệt no tháng thoát thai,

Mình vàng kim sắc tướng người lạ thay.

Vua cha thốt bảo rằng bay:

“Hai ta có đức, sinh nay Bụt vàng.”

Mãn nguyệt no tháng thoát thai. Chữ no nghĩa là đủ, cho nên hiện nay chúng ta thường dùng hai chữ no đủ, còn thuở xưa chỉ nói là no thôi. Vì vậy no tháng là đủ tháng. Khi đủ tháng bà sinh ra ngài Trần Nhân Tông.

Mình vàng kim sắc tướng người lạ thay. Ngài có tướng lạ là thân sắc vàng.

Vua cha thốt bảo rằng bay:

“Hai ta có đức, sinh nay Bụt vàng.”

Vua cha rất đổi vui mừng bảo với hoàng hậu là nhà ta có đức mới sinh được Phật vàng.

*Hữu kiên nốt ruồi bên nương,
Thuật sĩ xem tướng đoán lường rằng bay:
“Thái tử trí cả bằng nay,
Gánh việc đại khi làm thầy mười phương.”
Cha mẹ dưỡng dụ yêu đương,
Đặt hiệu cho chàng là Điều Ngự Vương.*

Hữu kiên là vai bên phải, bên nương là một bên. Trên vai phải ngài có nốt ruồi nằm một bên. Ai có nốt ruồi bên tay phải thì tốt lắm.

*Thuật sĩ xem tướng đoán lường rằng bay:
“Thái tử trí cả bằng nay,
Gánh việc đại khi làm thầy mười phương.”*

Thuật sĩ xem tướng đoán ngài về sau có trí tuệ hơn người, sẽ gánh vác việc lớn và làm thầy mười phương.

*Cha mẹ dưỡng dụ yêu đương.
Đặt hiệu cho chàng là Điều Ngự Vương.*

Đây là Điều Ngự Vương chứ không phải Điều. Cha mẹ rất mực yêu thương nuôi nấng và đặt hiệu cho ngài là Điều Ngự Vương tức là vua Phật. Như vậy chữ Điều Ngự Vương không phải do sau này ngài được người tôn xưng, mà chính vua Thánh Tông đặt cho ngài.

5.2 THÁI TỬ TRỐN LÊN YÊN TỬ

*Tuổi mới mười sáu niên phương,
Vua cha định liệu cho thăng trị vì.
Điều Ngự hai phen râu quỳ,
Khiến nhường cho em trị vì thay anh.
Thái tử lòng muốn tu hành,
Nhìn xem phú quý tâm tình dưng dưng.
Tuy ở điện bệ Đông Cung,*

Lòng hăng chờ nhớ tông phong nhà thiền.
Đêm khuya bóng nguyệt cài hiên,
Chiêm bao xảy thấy hoa sen mọc bầy.
Có người chỉ bảo rằng bay.
“Gẫm thấy phen này Thái tử có duyên.
Ấy là Phật báu hoa sen.”
Thái tử từ ấy những nguyên ăn chay.
Mặt mũi mình vóc đã gầy,
Vua cha xem thấy, ngày này hỏi con.
Thái tử quỳ lạy tàu van,
Thánh Tông nước mắt hòa chan dòng dòng.
“Ai hâu nối nghiệp tổ tông?
Tuổi cha già cả cong lòng khá thương.”
Thái tử nước mắt đượm nường,
Phụ tử tình thâm, cảm thương thay là!
Học Đạo báo ơn mẹ cha,
Đêm ấy Thái tử thoát ra du thành.
Tìm lên Yên Tử một mình,
Đến Đông Cứu sơn, thiên minh rạng ngày.
Giả tướng lệ người thế hay,
Vào nằm trong tháp một giây đồ dưng.
Tăng tự thấy tướng lạ lòng,
Làm bữa cơm thết cúng dàng cho ăn.
Hoàng hậu liền tâu minh quân,
Rao bảo thiên hạ quân thần đông tây.
Tìm đòi Thái tử chỗ chầy,

Bắt em thay trị liên tay tức thì.

Tuổi mới mười sáu niên phương,

Vua cha định liệu cho thăng trị vì.

Điều Ngự hai phen râu quỳ,

Khiến nhường cho em trị vì thay anh.

Năm ngài mười sáu tuổi, nhà vua định cho làm Đông Cung Thái Tử để kế vị sau này, nhưng hai phen ngài đều thưa với vua cha xin nhường cho em thay ngài trị vì.

Thái tử lòng muốn tu hành,

Nhìn xem phú quý tâm tình dưng dưng.

Tuy ở điện bệ Đông Cung,

Lòng hằng nhớ tông phong nhà thiên.

Đêm khuya bóng nguyệt cài hiên,

Chiêm bao xảy thấy hoa sen mọc bày.

Đoạn này nói về nỗi lòng của ngài.

Thái tử lòng muốn tu hành. Trong khi đang làm thái tử, ngài đã muốn đi tu. *Nhìn xem phú quý tâm tình dưng dưng.* Dưng dưng tức là dửng dưng. Nghĩa là thấy giàu sang phú quý ngài dửng dưng không bận lòng. Như vậy so với ngài, chúng ta cách ngài bao xa? Hiện nay người tu phần lớn là do gặp cảnh không vừa ý hoặc vì lý do nào đó rồi bất mãn đi tu, còn ngài làm Thái tử mà xem sự giàu sang phú quý dửng dưng trong lòng, không chút bận bịu. Đó là để biểu hiện cho chúng ta thấy nơi ngài đã có sẵn cái gì từ thuở nào rồi. Cho nên:

Tuy ở điện bệ Đông Cung,

Lòng hằng nhớ tông phong nhà thiên.

Tuy ở hàng Đông Cung Thái Tử mà ngài luôn luôn nhớ đến tông phong nhà thiền. Chữ chổ là vẫn, ngày xưa nói là chổ, ngày nay đọc là vẫn, có nghĩa là luôn luôn.

Đêm khuya bóng nguyệt cài hiên,

Chiêm bao thấy thấy hoa sen mọc bày.

Ở bản năm 1932 đề là *kê hiện*, nhưng chữ *cài hiện* nghe hay hơn. Đêm khuya bóng trăng rơi vào hiên, ngài nằm ngủ chiêm bao thấy có đóa sen mọc.

Có người chỉ bảo rằng bay:

“Gẫm thấy phen này Thái tử có duyên.

Ấy là Phật báu hoa sen.”

Thái tử từ ấy những nguyên ăn chay.

Nghĩa là khi ngài mộng thấy hoa sen từ rốn mọc lên, trên hoa sen lại có đức Phật hiện ra, cho nên nói đó là điềm Phật báu và từ đó ngài phát nguyện ăn chay.

Mặt mũi mình vóc đã gầy,

Vua cha xem thấy, ngày này hỏi con.

Thái tử quỳ lạy tâu van,

Thánh Tông nước mắt hòa chan dòng dòng.

“Ai hầu nối nghiệp tổ tông?”

Tuổi cha già cả cong lòng khá thương.”

Vì ăn chay nên mặt mũi, vóc dáng ngài gầy ốm. Vua cha thấy thế mới hỏi lý do vì sao gầy ốm. Thái tử quỳ lạy, tâu bày mọi việc vì ngài ham tu, ăn chay cho nên gầy ốm. Chữ dòng dòng là ròng ròng. Vua cha nghe xong thì khóc, hai hàng nước mắt chảy ròng ròng và bảo:

Ai hầu nối nghiệp tổ tông?

Tuổi cha già cả cong lòng khá thương.

Nghĩa là ta sanh ra con, mong con nối nghiệp tổ tiên, nay cha đã già, con lại gây ốmers thế này thì lấy ai nối nghiệp. Chữ công nghĩa là trong.

*Thái tử nước mắt đượm nường,
Phụ tử tình thâm, cảm thương thay là!
Học Đạo báo ơn mẹ cha,
Đêm ấy Thái tử thoát ra du thành.*

Thái tử thấy cha khóc cũng rướm nước mắt khóc theo, vì là tình thâm của người con đối với cha. Nhưng ngài nghĩ học đạo là báo ơn cha mẹ, nên đêm ấy ngài mới trốn ra khỏi thành để đi tu. Như vậy, chúng ta thấy người tu chân chính không phải là người quên ơn cha mẹ, mà chính vì nghĩ rằng muốn đền ơn cha mẹ, chỉ có tu hành đạt đạo mới đủ báo đáp thâm ân. Thế nên ngài quyết trốn đi tu.

*Tìm lên Yên Tử một mình,
Đến Đông Cữu sơn, thiên minh rạng ngày,
Giả tướng lệ người thế hay,
Vào nằm trong tháp một giây đỗ dưng.
Tặng tự thấy tướng lạ lùng,
Làm bữa cơm thết cúng dàng cho ăn.*

Chữ đến Đông Cữu sơn ở bản năm 1932 ghi là đến non Đông Cữu, tôi thấy câu sau hay hơn. *Thiên minh rạng ngày*, chữ rạng ở bản khác là *sáng*. Vì vậy câu này cần sửa lại cho thích hợp hơn là *đến non Đông Cữu, thiên minh rạng ngày*. Thiên minh là sáng mai. Đêm đó ngài vượt thành đi một mình, tìm lên trên núi Yên Tử. Khi đến núi Đông Cữu, trời đã rạng sáng.

Giả tướng lệ người thế hay. Giả tướng là giả ra người thường dân, lệ là sợ, vì sợ người đời hay biết nên ngài giả dạng thường dân. *Vào nằm trong tháp một giây đỗ dưng*. Chữ đỗ là dừng lại, tức là vào trong tháp ở chùa Đông Cữu nằm nghỉ một mình trong giây lát.

Tặng tự thấy tướng lạ lòng,

Làm bữa cơm thết cúng dâng cho ăn.

Thầy trụ trì ở chùa thấy tướng lạ của ngài nên làm bữa cơm để cúng dường.

Hoàng hậu liền tâu minh quân,

Rao bảo thiên hạ quân thần đông tây.

Tìm đòi Thái tử chỗ chầy,

Bắt em thay trị liền tay tức thì.

Khi hoàng hậu hay tin con trốn đi tu, liền tâu với vua rao khắp thiên hạ, phải tìm cho ra Thái tử rồi tạm thời bắt người em thế làm Thái Tử.

5.3 TRỞ VỀ LÀM VUA VỪA TU ĐẠO

Thuở ấy Thái tử lại về,

Vua cha nhượng vì cho trị vạn dân.

Nhị nguyệt vừa năm Mậu Dần,

Cải hiệu Thiệu Bảo, Nhân Tông trị vì.

Niệm Bụt Di-đà chẳng khuy,

Ngày thì xem trị, đêm thì tụng kinh.

Hương hoa đèn nến một mình,

Chiêu tập thiên khách vào thành mà tham.

Tuệ Trung Thượng Sĩ chỉ nam,

Nhân Tông tác lễ mới tham đạo thầy.

Tuệ Trung trở bảo liền tay:

“Tức Tâm Thị Phật xưa nay Bụt truyền.

Tâm kinh uốn thấy căn nguyên,

Tâm là Nhất Tự Pháp Môn Thượng Thừa.

Tâm bao bọc hết thái hư,

Tâm năng ứng dụng tùy cơ trong ngoài.

Tâm hiện con mắt lỗ tai,

Hay ăn hay nói mọi tài khôn ngoan.

Tâm năng biến hóa chư ban,

Vạn pháp cụ túc, lại hoàn như như.”

Nhân Tông hoàng đế Diệu Ngừ,

Nghe Tuệ Trung thoát, ngộ đà viên thông.

Thuở ấy Thái tử lại về,

Vua cha nhượng vì cho trị vạn dân.

Nhị nguyệt vừa năm Mậu Dần,

Cải hiệu Thiệu Bảo, Nhân Tông trị vì.

Niệm Bụt Di-đà chẳng khuy,

Ngày thì xem trị, đêm thì tụng kinh.

Đoạn này nói khi tìm được ngài đem về cung, ngài vẫn giữ ngôi Thái Tử, lúc đó vua cha mới nhường ngôi cho ngài. Nhị nguyệt là tháng hai. Tháng hai năm Mậu Dần tức là năm 1278, vua truyền ngôi lại cho Thái tử, đổi niên hiệu Thiệu Bảo, ngài lấy hiệu là Trần Nhân Tông. Trong khi làm vua, ngài vẫn không quên lăng việc tu hành. Tuy tu thiền nhưng ở đây nói ngài niệm Bụt Di-đà, vì nói vậy cho dân quê dễ hiểu. Chẳng khuy tức là không thiếu. *Ngày thì xem trị, đêm thì tụng kinh.* Ngày thì lo trị dân trị nước, đêm thì tụng kinh tọa thiền.

Hương hoa đèn nến một mình,

Chiêu tập thiền khách vào thành mà tham.

Tuệ Trung Thượng Sĩ chỉ nam,

Nhân Tông tác lễ mới tham đạo thầy.

Đoạn này nói lẫn lộn, không rõ ràng. Nghĩa là nói ngài niệm Phật Di-đà, nhưng ở đây lại nói:

Hương hoa đèn nến một mình,

Chiêu tập thiên khách vào thành mà tham.

Tức là mời các thiên khách vào trong thành để tham vấn.

Tuệ Trung Thượng Sĩ chỉ nam,

Nhân Tông tác lễ mới tham đạo thầy.

Ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ là người chỉ hướng cho và Nhân Tông làm lễ tôn Tuệ Trung làm thầy.

Tuệ Trung trở bảo liên tay:

“Tức Tâm Thị Phật xưa nay Bụt truyền.

Tâm kinh vốn thấy căn nguyên,

Tâm là Nhất Tự Pháp Môn Thượng Thừa.

Tâm bao bọc hết thái hư,

Tâm năng ứng dụng tùy cơ trong ngoài.

Tâm hiện con mắt lỗ tai,

Hay ăn hay nói mọi tài khôn ngoan.

Tâm năng biến hóa chư ban,

Vạn pháp cụ túc, lại hoàn như như.”

Nhân Tông hoàng đế Diệu Ngừ,

Nghe Tuệ Trung thốt, ngộ đà viên thông.

Ở đây là đoạn ngài Chân Nguyên thêm. Ngài nói ngài Trần Nhân Tông được Tuệ Trung Thượng Sĩ dạy và tham vấn với Tuệ Trung, tôn Tuệ Trung là bậc thầy. Tuệ Trung chỉ dạy tức tâm là Phật, xưa nay Phật truyền như thế.

Tâm kinh vốn thấy căn nguyên,

Tâm là Nhất Tự Pháp Môn Thượng Thừa.

Nhất tự tức là một chữ, pháp môn một chữ, đó là chữ tâm, là pháp môn thượng thừa.

Tâm bao bọc hết thái hư. Tâm trùm hết cả thái hư.

Tâm năng ứng dụng tùy cơ trong ngoài. Nhờ có tâm nên mới tùy cơ ứng dụng.

Tâm hiện con mắt lỗ tai,

Hay ăn hay nói mọi tài khôn ngoan.

Như vậy ở mắt thấy, ở tai nghe, ở miệng biết ăn biết nói... đều có tâm, nghĩa là tâm hiện tất cả chỗ.

Tâm năng biến hóa chư ban. Tức là tâm hay biến hóa đủ mọi thứ. *Vạn pháp cụ túc lại hoàn như như.* Muôn pháp đầy đủ thì trở về chỗ như như.

Trong đây ngài Chân Nguyên nói Thượng Sĩ dạy như vậy là theo tinh thần thiền, nhưng ở trong kia có khác một chút.

Nhân Tông hoàng đế Diệu Ngự. Chữ Diệu Ngự tức là Điều Ngự. *Nghe Tuệ Trung thoát, ngộ đà viên thông.* Nhân Tông nghe Tuệ Trung dạy như vậy thì ngài ngộ được và thấu suốt tròn đầy.

5.4 NHƯỜNG NGÔI LÊN Ở CHÙA VÂN YÊN

Thuở ấy con là Anh Tông,

Nhường cho tức vị Hưng Long hiệu này.

Kỷ Hợi Nhân Tông ra ngoài,

Quyết lên Yên Tử tu chùa Hoa Yên.

Quần thần nghĩa sĩ dưới trên,

Đưa vua tu Đạo thoát duyên phàm trần.

Đến chùa Long Động mới phân,

Tất trừ phiền não ái ân, phát nguyện.

Nhân Tông khẩn khẩn lòng tin,

Thành tâm trai giới bước lên chiến già.

Cung tần thể nữ trở ra,

*Người về phôi thất, kể ra kinh kỳ.
Mặc ai ra chợ về quê,
Canh nông buôn bán làm chi mặc lòng.
Thế gian vạn sự của chung,
Sinh không, tử lại hoàn không những là.
Rày Trăm đầu Phật xuất gia,
Trăm đường rũ hết lòng hòa tiếc chi.
Chị hầu, bà mụ, cung phi,
Mộ đạo chẳng về cảm đức ở đây.
Lòng vua thấy vậy thương thay,
Phán rằng cho ở một nơi lâm tuyền.
Cho nên tích để lưu truyền:
Làng Nàng, làng Mụ, phúc duyên đã đầy.
Thuở ấy con là Anh Tông,
Nhường cho tức vị Hưng Long hiệu này.
Kỷ Hợi Nhân Tông ra ngoài,
Quyết lên Yên Tử tu chùa Hoa Yên.*

Vua Trần Nhân Tông nhường ngôi cho con là Anh Tông. Anh Tông lên ngôi đổi niên hiệu là Hưng Long nhằm năm 1293. Tuy nhường ngôi cho con, song ngài vẫn còn ở lại triều đình làm Thái thượng hoàng sáu năm, mãi đến năm Kỷ Hợi 1299, ngài mới thật sự ra khỏi triều chính, lên núi Yên Tử chùa Hoa Yên để tu.

*Quần thần nghĩa sĩ dưới trên,
Đưa vua tu Đạo thoát duyên phàm trần.
Đến chùa Long Động mới phân,
Tất trừ phiền não ái ân, phát nguyên.*

Khi ngài quyết tâm đi tu thì quần thân, tướng sĩ đều theo đưa ngài lên núi. Đến chùa Long Động ngài dứt bỏ những phiền não, ái ân để phát nguyện tu hành.

*Nhân Tông khẩn khẩn lòng tin,
Thành tâm trai giới bước lên chiến già.
Cung tần thể nữ trở ra,
Người về phối thất, kẻ ra kinh kỳ.
Mặc ai ra chợ về quê,
Canh nông buôn bán làm chi mặc lòng.
Thế gian vạn sự của chung,
Sinh không, tử lại hoàn không những là.
Rày Trẫm đâu Phật xuất gia,
Trăm đường rũ hết lòng hòa tiếc chi.
Chị hầu, bà mụ, cung phi,
Mộ đạo chẳng về cảm đức ở đây.
Lòng vua thấy vậy thương thay,
Phán rằng cho ở một nơi lâm tuyền.
Cho nên tích để lưu truyền:
Làng Nàng, làng Mụ, phúc duyên đã chầy.*

Khi vua phát nguyện tu là ngài đã dứt khoát tất cả để vào chùa, giữ gìn trai giới thanh tịnh. Lúc ấy cung tần thể nữ phải trở về, không được theo ngài nữa. *Người về phối thất kẻ ra kinh kỳ.* Phối thất là lập gia đình. Người nào muốn lập gia đình thì về lập gia đình. Ai không muốn thì trở lại cung triều tức về kinh kỳ tùy thích.

Mặc ai ra chợ về quê. Mặc tình ai muốn ra chợ, về quê tùy ý. *Canh nông buôn bán làm chi mặc lòng.* Hoặc làm ruộng, buôn bán hay muốn làm gì cũng được.

Thế gian vạn sự của chung. Thế gian muôn việc là của chung, không có gì riêng cho ai cả. *Sinh không, tử lại hoàn không những là.* Sinh là không, tử lại cũng là không, thế thôi chứ đâu có gì khác. Vì khi sinh ra ta chỉ hai bàn tay trắng. Khi nhắm mắt cũng là hai tay trắng có gì theo mình được đâu mà cố giữ. Thế nên ngài nói tất cả tùy ý ai muốn đi đâu thì đi, không có gì phải giữ lại.

Rày Trăm đầu Phật xuất gia,

Trăm đường rũ hết lòng hòa tiếc chi.

Nay Trăm là vua đi tu, trăm đường bỏ sạch không còn luyến tiếc thứ chi.

Chị hầu, bà mụ, cung phi,

Mộ đạo chẳng về cảm đức ở đây.

Ngài đuổi những người hầu, bà mụ, cung phi đi về, nhưng họ không chịu, muốn ở lại tu.

Lòng vua thấy vậy thương thay,

Phán rằng cho ở một nơi lâm tuyền.

Vì vậy nhà vua động lòng thương nên truyền cho cắt dãy nhà trong vùng gần núi gần rừng để các bà ở tu.

Cho nên tích để lưu truyền:

Làng Nàng, làng Mụ, phúc duyên đã chầy.

Hiện nay vẫn còn tên làng Nàng, làng Mụ là những xóm làng ngày xưa của các bà cung phi, bà mụ, chị hầu ở tu. Làng Nàng có chỗ gọi là làng Nường.

Như vậy chúng ta thấy ngài có thái độ rất dứt khoát. Khi còn ở thế gian làm vua, có đủ trăm thứ; khi đã tu thì buông bỏ tất cả không giữ gì lại riêng cho mình. Tùy ý ai muốn tu thì tu, ai muốn về nhà lập nghiệp thì về hoặc ai muốn trở lại kinh kỳ cũng được.

5.5 THÀNH ĐẠO VUA ĐI HÀNH HÓA

Vua ngự Yên Tử bằng nay,

Tụng kinh thiên định đêm ngày cần tu.
Thiên hạ phủ huyện lộ châu,
Hưng sùng đạo Bụt thành đô trong ngoài.
Thiên hạ học đạo mọi nơi,
Kiến Phật trai tăng nối đời Thiên tông.
Thì vừa Giáp Thìn niên trung,
Đầu-đà hành hóa tham lòng thế gian.
Du phương sơn thủy mọi ngàn,
Người tôn kẻ báng thế gian sự thường.
Dân phàm chẳng biết Đế vương,
Thế đâu học đạo chẳng phương thân mình.
Dù ai dễ dối kiêu hành,
Chúng được pháp nhãn tâm tình vui thay.
Giảng pháp nam bắc đông tây,
Anh Tông có biểu thỉnh nay vào thành.
No mặt bách quan triều đình,
Cùng thụ giáo pháp tu hành làm nơi.
Tại gia tiệm giới tiệm trai,
Tác phúc niệm Phật thương loài chúng sinh.
Khoan nhân miễn tuất dân tình,
Phúc truyền con cháu hiển vinh muôn đời.
Ngày rằm mồng một chả nguôi,
Tiến dâng lục cúng Bụt trời chứng minh.
Tây phương cũng được thượng trình,
Di-đà tiếp dẫn hóa sinh Liên đài.
Hoặc người giải thoát trần ai,

*Chẳng tham phú quý, tiền tài lợi danh.
Xuất gia đâu Phật tu hành,
Quả chứng công thành cứu được tổ tiên.
Vua ngự Yên Tử bằng nay,
Tụng kinh thiên định đêm ngày cần tu.
Thiên hạ phủ huyện lộ châu,
Hưng sùng đạo Bụt thành đô trong ngoài.*

Từ khi nhà vua lên tu ở núi Yên Tử, ngày đêm ngài chỉ chuyên cần tụng kinh, tọa thiền. Nghe vua đi tu nên thiên hạ trong phủ, huyện, lộ, châu, ai ai cũng kính thờ đạo Phật, kể cả trong ngoài thành đô cũng vậy.

*Thiên hạ học đạo mọi nơi,
Kiến Phật trai tăng nối đời Thiên tông.
Thì vừa Giáp Thìn niên trung,
Đầu-đà hành hóa tham lòng thế gian.
Du phương sơn thủy mọi ngàn,
Người tôn kẻ báng thế gian sự thường.*

Ngài lên núi vào năm 1299 đến nay là năm Giáp Thìn 1304, trong khoảng năm, sáu năm này, ngài không đi đâu chỉ ở chùa trên núi tu.

*Thiên hạ học đạo mọi nơi,
Kiến Phật trai tăng nối đời Thiên tông.*

Khắp nơi mọi người đều học đạo, dựng lập điện Phật, cúng dường chúng tăng để nối dòng Thiên tông.

*Thì vừa Giáp Thìn niên trung,
Đầu-đà hành hóa tham lòng thế gian.*

Đến giữa năm Giáp Thìn, ngài tu hạnh đầu-đà đi giáo hóa nơi này nơi kia để truyền bá và độ hiểu lòng người ở thế gian.

Du phương sơn thủy mọi ngàn. Du phương tức là dạo khắp mọi nơi nào sông hồ, nào rừng núi, nào các bến bờ. *Người tôn kẻ báng thế gian sự thường.* Khi đến nơi này, lúc dạo nơi kia, có người hiểu biết quý kính, tôn trọng một ông vua dám bỏ ngai vàng đi tu. Người không biết lại phỉ báng xem thường như kẻ ăn mày. Như vậy tuy ngài là vua đi tu mà vẫn có người tôn kính, có kẻ phỉ báng, đó là chuyện thường ở thế gian.

Dân phàm chẳng biết Đế vương,

Thế đâu học đạo chẳng phương thân mình.

Dù ai dễ dối kiêu hành,

Chúng được pháp nhân tâm tình vui thay.

Khi ngài đi tu, dân chúng không biết ngài là vua, nên thấy một ông thầy tu cạo tóc học đạo không thương

Khi nghe tin ngài đi giáo hóa nơi này nơi kia, vua Anh Tông mới làm biểu thỉnh ngài về để giáo hóa trong thành. Khi ngài trở về thành, *no mặt bách quan triều đình.* Chũ no mặt bách quan là đủ mặt bá quan trong triều. *Cùng thụ giáo pháp tu hành làm nơi.* Tức là ai nấy cũng đều quy y, thọ giáo, tu hành.

Tại gia tiệm giới tiệm trai. Những người thọ giáo, tức nào là trai giới, tu theo tiệm tiến, nào là tam quy, ngũ giới v.v... *Tác phúc niệm Phật thương loài chúng sinh.* Ngài dạy phải làm phước, phải niệm Phật, phải thương các loài chúng sinh.

Khoan nhân mãn tuất dân tình,

Phúc truyền con cháu hiển vinh muôn đời.

Ngài rằm mong một chả nguội,

Tiến dâng lục cúng, Bụt trời chứng minh.

Lời dạy này chắc là của ngài Chân Nguyên. Ngài nói:

Khoan nhân mẫn tuất dân tình. Khoan là mở rộng lòng, nhân là thương yêu mọi người, mở rộng lòng thương yêu mọi người; chữ mẫn là thương xót, chữ tuất là giúp đỡ, mở rộng lòng thương, giúp đỡ mọi người. Như vậy ngài dạy phải tu bằng cách mở rộng lòng mình, thương yêu mọi người để giúp đỡ họ, đó gọi là tu. Được như vậy: *Phúc truyền con cháu hiển vinh muôn đời.* Phúc truyền cho con cháu được giàu sang muôn đời.

Ngài rằm mồng một chử nguôi. Tức là những ngày đó phải luôn luôn nhớ không thể quên. *Tiến dâng lục cúng, Bụt trời chứng minh.* Phải dâng lục cúng để cúng trời, cúng Phật. Lục cúng là cúng những gì? Thường thường làm lễ lục cúng, là dâng hương, đăng, hoa, quả, trà, phạn gọi là lục cúng.

Tây phương cũng được thượng trình,

Di-đà tiếp dẫn hóa sinh Liên đài.

Hoặc người giải thoát trần ai,

Chẳng tham phú quý, tiền tài lợi danh.

Xuất gia đầu Phật tu hành,

Quả chứng công thành cứu được tổ tiên.

Đây là tư cách của ngài Chân Nguyên, chứ không phải của Sơ tổ Trúc Lâm. Ngài Chân Nguyên nói rằng nếu người biết dâng lục cúng thì sau này:

Tây phương cũng được thượng trình,

Di-đà tiếp dẫn hóa sinh Liên đài.

Nghĩa là được về Tây phương, được Phật Di-đà tiếp dẫn lên đài sen.

Hoặc người giải thoát trần ai,

Chẳng tham phú quý tiền tài lợi danh.

Người nào tu giải thoát trần ai thì không còn tham giàu sang phú quý, cả tiền tài, lợi danh... đều không tham hết.

Xuất gia đầu Phật tu hành,

Quả chứng công thành cứu được tổ tiên.

Nếu người tu chứng được quả thì sau này độ được tổ tiên mình. Như vậy phần căn bản của ngài Điều Ngự đi giáo hóa đã được tóm tắt lại ở phần trên.

5.6 VUA GIẢNG THIỀN TẠI CHÙA SÙNG NGHIÊM

Lại thốt sự Tổ nhân duyên,

Đầu-đà vãng giáo kinh quyền bốn phương.

Thì vừa khai tuyên Phật trường,

Linh Sơn cảnh giới thiên đường mọi nơi.

Đến chùa Sùng Nghiêm đỗ ngôi,

Mở hội thuyết pháp có lời cho tham.

Vậy có kệ rằng:

“Thân như hô hấp tỷ trung khí,

Thế tự phong hành lĩnh ngoại vân.

Đỗ quyền đề đoạn nguyệt như trú,

Bất thị tâm thường không quá xuân.”

“Ai ai đã để cửa nhà,

Tìm đi học đạo xuất gia tu hành!

Chớ còn tham lợi tham danh,

Chấp cảnh chấp giới tranh hành làm chi.

Vô thường sinh tử bất kỳ,

Đạo đức chẳng có ở thì sao an?”

Đạo trường thỉnh vấn hỏi han,

Điều Ngự giảng hết thiên quan mọi lòng.

Thị tăng lại hỏi cánh chung,

Điều Ngự phó chúc tâm tông cho rày:

Vậy có kệ rằng:

Thân như hô hấp tỷ trung khí,

Thế tự phong hành lĩnh ngoại vân.

Đỗ quyền đề đoạn nguyệt như trú,

Bất thị tâm thường không quá xuân.

Khi đến chùa Sùng Nghiêm, lên tòa ngời, trước tiên ngài nói bài kệ bốn câu như trên. Ở đây ngài Chân Nguyên đã đọc quyển nào mà thấy đủ bốn câu, còn ở trong các quyển khác chỉ có hai câu sau thôi. Vì vậy trong Thiên Sư Việt Nam tôi cũng thấy được hai câu. Bây giờ có đủ bốn câu, tôi tạm dịch lại, vì bản dịch cũ tôi không nhớ kỹ nên bản dịch này có thể sai đi chút ít vắn.

Thân như hơi thở ra vào mũi,

Đời tự mây trôi đỉnh núi xa.

Chim quyền kêu rả trắng như sáng,

Đâu phải tâm thường xuân luống qua.

Bài kệ này chúng ta thấy rất lý thú. Đầu tiên, ngài nói: *Thân như hô hấp tỷ trung khí*, nghĩa là thân này sống rất tạm bợ giống như hơi thở hít vô thở ra. Bởi vì hít vô thở ra mà không hít **lại** thì chết. Cho nên nói mạng sống trong hơi thở. Câu này mới nhịp nhàng với câu đầu trong bài kệ ngài tự đề ở chùa làng Cổ Châu. Ngài nói rằng: *Thế số nhất tức mặc* là số đời một hơi thở hay mạng người trong hơi thở. Như vậy câu này chứng minh rằng ngài luôn luôn thấy mạng sống này rất tạm bợ chỉ trong hơi thở ra vào. Đó là cái thấy đúng lẽ thật, đúng đạo lý. Ở đây, ngài nói *Thân như hô hấp tỷ trung khí*, bên kia ngài nói *Thế số nhất tức mặc*, hai câu này ý nghĩa mới hợp nhau. Còn trong Tam Tổ Thực Lục câu đầu của bài kệ là *Thế số nhất sách mặc*, chữ sách mặc làm cho câu này không có ý nghĩa. Vì vậy, chúng ta thấy được chỗ này mới hợp với chỗ kia.

Thế tự phong hành lĩnh ngoại vân, nghĩa là cuộc đời tự như mây bay trên đỉnh núi, vừa thấy tụ họp chốc lát lại tan đi, nào có gì bền lâu. Như vậy hai câu trên đây nói lên ý nghĩa vô thường của cuộc đời, vô thường của cá nhân, của bản thân.

Đỗ quyên đề đoạn nguyệt như trứ,

Bất thị tâm thường không quá xuân.

Con chim đỗ quyên kêu ra rả suốt đêm mà mặt trăng vẫn sáng như ban ngày. Tiếng chim đỗ quyên kêu, nghe chua xót buồn thảm, nó kêu đến mỗi miệng thôi. Đó là chỉ cái động luôn luôn là sanh diệt. Nhưng bên cái sanh diệt đó có mặt trăng sáng như ban ngày, nó có động không? Nó không động, nên không sanh diệt. Ánh sáng mặt trăng như ban ngày đó không phải là việc tâm thường, chớ để qua đi một đời. *Không quá xuân*, chữ xuân đây là ngày xuân, cũng là tuổi xuân, là thời son trẻ của mình. Như vậy thân này tạm bợ, mạng sống chỉ trong hơi thở. Cuộc đời này cũng như những áng mây treo đầu núi, thấy tụ rồi tan không có gì bền vững lâu dài. Tuy trong cái động luôn luôn nó biến diệt, nhưng vẫn có vầng trăng sáng không sanh không diệt, cái đó không phải tâm thường mà nỗ bỏ quên đi một đời rất là đáng tiếc.

Ai ai đã để cửa nhà,

Tìm đi học đạo xuất gia tu hành.

Chớ còn tham lợi tham danh,

Chấp cảnh chấp giới tranh hành làm chi.

Vô thường sinh tử bất kỳ,

Đạo đức chẳng có ở thì sao an

Đây là lời ngài Chân Nguyên nói bổ túc thêm.

Ai ai đã để cửa nhà,

Tìm đi học đạo xuất gia tu hành.

Tức là khuyên mọi người chớ nên bận bịu việc gia cảnh, nên tìm học đạo tu hành.

Chớ còn tham lợi tham danh.

Chấp cảnh chấp giới tranh hành làm chi.

Ngài khuyên không nên tham danh tham lợi. Chữ giới này không phải là giới đức; giới là ranh giới, cảnh chỉ đất đai ruộng vườn. Nghĩa là chấp ranh giới đất đai, ruộng vườn của mình không cho ai xâm lăng hay lấn hiếp. Tranh hành làm chi tức là tranh giành làm gì. Nếu mình không còn tham lợi tham danh thì đâu có chấp cảnh chấp ranh giới để tranh giành với nhau.

Vô thường sinh tử bất kỳ. Việc vô thường chết sống không thể hên được. *Đạo đức chẳng có ở thì sao an.* Người không đạo đức làm sao cuộc sống được bình yên.

Đạo trường thỉnh vấn hỏi han,

Điều Ngự giảng hết thiên quan mọi lòng.

Thị tăng lại hỏi cánh chung,

Điều Ngự phó chúc tâm tông cho này.

Đạo trường thỉnh vấn hỏi han. Vì vậy ngài khuyên nên đến các đạo trường, tức là trường tu Phật để thừa thỉnh học hỏi. *Điều Ngự giảng hết thiên quan mọi lòng.* Ngài Điều Ngự giảng hết những chỗ quan trọng trong nhà thiền cho mọi người cùng nghe cùng hiểu.

Thị tăng lại hỏi cánh chung,

Điều Ngự phó chúc tâm tông cho này.

Có một vị tăng hỏi chỗ cứu cánh, cánh chung tức là chỗ tốt cùng hay chỗ cứu cánh. Ngài Điều Ngự mới phó chúc tâm tông cho. Đây là phó chúc:

Bát Tự Đà Khai bằng nay,

Tử Mục Tương Cổ lộ bày viên dung.

Ấy là mật ấn tâm tông,

Tổ đã truyền lòng, chớ có hồ nghi.

Bát thức không tịch vô vi,

Chuyển thành tử trí gọi thì đã khai.

Tam thế chư Phật Như Lai,

Tứ Mục Tương Cố muôn đời chứng Chân.”

Từ ấy đắc Đạo rân rân,

Ai ai lĩnh chỉ tu thân độ người.

Đây là lời chỉ tâm tông của ngài Điều Ngự, ngài chỉ bằng cách nào?

Ngài nói: *Bát tự đả khai bằng nay*, tức là chữ bát mở bày rồi. *Tứ mục tương cố lộ bày viên dung*, nghĩa là bốn mắt nhìn nhau đã hiển bày, đã viên dung tức đã tròn sáng.

Ấy là một ấn tâm tông, đó là chỗ thâm trao tâm tông cho. *Tổ đã truyền lòng chớ có hồ nghi*. Tổ đã truyền lòng chớ có nghi ngờ gì nữa.

Chữ *bát tự đả khai*, tùy mỗi nơi giải thích có khác. Nhưng theo trong nhà thiền thường nói *chữ bát mở rồi sao không nắm mũi*. Ý đây để nói lẽ thật hiển bày sao mình không nhận lấy. *Tứ mục tương cố* tức là bốn mắt nhìn nhau. Bốn mắt nhìn nhau là hình ảnh của hai trường hợp. Trường hợp của tổ Ca-diếp với đức Phật và trường hợp của ngài Chân Nguyên với thiền sư Minh Lương. Khi đức Phật ở trong hội Linh Sơn đưa cành hoa sen lên nhìn khắp hội chúng, mọi người đều ngơ ngác. Mắt Phật nhìn đến tổ Ca-diếp, tổ Ca-diếp nhìn thẳng Phật và mỉm cười, đó là tứ mục tương cố. Phật liền truyền tâm ấn cho ngài. Sau này ngài Chân Nguyên cũng vậy, khi gặp thiền sư Minh Lương chỉ nhìn nhau là ngộ được yếu chỉ thiền. Do đó tứ mục tương cố ở đây rất quan trọng, chỉ đôi mắt thầy và đôi mắt trò cùng nhìn nhau là ngộ, tức là đã chứng được lẽ chân rồi, cho nên ở dưới nói:

Bát thức không tịch vô vi,

Chuyển thành tử trí gọi thì đã khai.

Theo chỗ giải của ngài Chân Nguyên thì ngài nói trong bát thức được rỗng lặng vô vi thì lúc đó nó chuyển thành tứ trí gọi là đả khai, tức bát tự đả khai. Như vậy từ bát thức chuyển thành tứ trí. Bát thức gồm năm thức trước là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức cộng thêm ba thức sau là a-lại-da thức, mạt-na thức và ý thức thành ra tám thức. Tám thức này khi được không tịch, được vô vi thì nó chuyển thành tứ trí. Thức a-lại-da chuyển thành Đại viên cảnh trí, thức mạt-na chuyển thành Bình đẳng tánh trí, thức ý chuyển thành Diệu quan sát trí, còn năm thức trước chuyển thành Thành sở tác trí. Như vậy do bát thức được không tịch, được vô vi thì ngay nơi đó nó chuyển thành tứ trí, gọi là bát tự đả khai. Thế nên, bát thức nếu mê là chưa khai; khi được tỉnh, được yên lặng, nó chuyển thành tứ trí, là đả khai. Chỗ này cũng giống như ý nói trong nhà thiền, là chân mây mình hình chữ bát, lỗ mũi nằm cạnh bên, mà lỗ mũi chỉ cho cái chân thật. Nghĩa là bên cạnh chân mây có cái chân thật, nếu từ đây nhận ra lỗ mũi đó là bát tự đả khai, tức là nhận ra cái chân thật. Ở đây ngài nói chuyển tám thức thành tứ trí gọi đó là đả khai. Như vậy, chỗ đó là:

Tam thế chư Phật Như Lai,

Tử mục tương cố muôn đời chứng Chân.

Chỗ ba đời chư Phật Như Lai, bốn mắt nhìn nhau muôn đời đã chứng được lẽ thật.

Từ ấy đắc đạo rân rân. Chữ *rân rân* này, ở bản năm 1932 để là *lần lần*, nhưng *lần lần* lại không có nghĩa. *Rân rân* ở đây có nghĩa là rần rộ. Bởi vì tất cả người nghe được, thấy được và ngộ đạo rất đông đảo, nên nói rần rần rộ rộ chứ không phải thường, còn nếu nói lần lần là chậm chậm từ từ, như vậy thành hai ý khác nhau. *Ai ai lĩnh chỉ tu thân độ người*, nghĩa là ai cũng lãnh được, hiểu được yếu chỉ để lo tu thân, lo độ người.

5.7 VỀ KINH LÀM CHẠY CHO CHỊ

Bảo Sát gián Tổ mọi lời:

“Tôn đức niên lão mưa dầm đường xa.”

Nhân Tông mỉm cười thốt ra:

“Tứ đại thủy hỏa dầu là no tan.

Giá cá bản lai bất can,

Có đâu sinh diệt hòa toan nhọc mình.

Lòng tạo quảng độ chúng sinh,

Đầu-đà khổ hạnh giáo thanh truyền đời.

Xuân thu vắng giáo mọi nơi,

Hạ đông yển tọa lại ngời non xanh.”

Thập nguyệt ngũ nhật bình minh,

Thiên Thụy công chúa cong mình phải đau.

Gia đồng Triệu Bản lên tàu,

Đến Tử Tiêu am khấu đầu lạy vua:

“Công chúa bệnh đốc chẳng qua.”

Nhân Tông thấy thốt nói ra lời này:

“Nhân duyên thời tiết vậy vay,

Có sinh có tử xưa nay hằng lẽ.”

Nhân Tông chống gậy ra đi,

Hành giả hộ trì một người chân tay.

Ba ngày đến kinh đô này,

Lập đàn phó chúc một ngày tải quy.

Bảo Sát gián Tổ mọi lời:

“Tôn đức niên lão mưa dầm đường xa.

Nhân Tông mỉm cười thốt ra:

“Tứ đại thủy hỏa dầu là no tan.”

Câu *Tứ đại thủy hỏa dầu là nó tan*, trong bản in năm 1932 để là *Tứ đại thủy hỏa dầu là nó tan* có nghĩa hơn. Đây tôi giải thích đoạn này: Khi ngài Điều Ngự đã lớn tuổi mà ngài lại thích đi nơi này nơi kia để giáo hóa. Cho nên: *Bảo Sát gián Tổ mọi lời*. Người đệ tử là Bảo Sát mới khuyên can Tổ. Chữ gián là khuyên can.

Tôn đức niên lão mưa dầm đường xa. Thầy là bậc tôn đức, tuổi đã già chớ có đi đường xa xôi.

Nhân Tông mỉm cười thốt ra. Nhân Tông liền mỉm cười và nói, thốt ra tức là nói. *Tứ đại thủy hỏa dầu là nó tan*. Nghĩa là thân này do đất nước gió lửa hợp lại thành, có hợp ắt có ngày phải tan rã. Vì vậy mặc tình nó hợp, mặc tình nó tan có gì đâu quan trọng, mà điều quan trọng ở đây là:

Giá cá bản lai bất can,

Có đâu sinh diệt hòa toan nhọc mình.

Lòng tạo quảng độ chúng sinh,

Đầu-đà khổ hạnh giáo thanh truyền đời.

Xuân thu vãng giáo mọi nơi,

Hạ đông yển tọa lại ngời non xanh.

Lời của ngài Nhân Tông nói tiếp, ngài bảo rằng:

Giá cá bản lai bất can. Giá cá là cái ấy, bản lai là xưa nay, bất can là không dính dáng, không can thiệp. Nghĩa là tuy thân tứ đại có tan rã, có hao mòn, nhưng cái ấy tức là cái thể chân thật của mình, cái đó xưa nay nó không bị can thiệp, hay không bị dính dáng gì hết. Nó không bị vô thường làm hư hoại, không bị tứ đại tan rã làm cho mất đi. Cái đó không bị tất cả luật vô thường chi phối, không vì chuyện hợp tan của tứ đại làm cho nó phải bị khó khăn. Vì vậy ngài nói *Có đâu sinh diệt hòa toan nhọc mình*. Nó là cái bất sinh bất diệt thì trong cái sinh diệt này, đâu nhọc gì đối với cái đó, nên ngài mới nói:

Lòng tạo quảng độ chúng sinh,

Đầu-đà khổ hạnh giáo thanh truyền đời.

Chữ tao đúng ra bây giờ gọi là ta, chứ nói tao thì nghe hơi xưa. Nghĩa là lòng ta muốn độ rộng hết tất cả chúng sanh, nên dùng hạnh đầu-đà. Hạnh đầu-đà tức là khổ hạnh. Thanh là lời nói, dùng lời giáo hóa truyền dạy cho người đời. Như vậy đối với ngài tuy tuổi lớn, tuy có nhọc nhằn mà ngài biết trong cái thân tứ đại nhọc nhằn vẫn có cái chưa từng sanh chưa từng diệt, thì có liên hệ gì mà phải lo phải nhọc. Bởi vì lòng ngài lúc nào cũng muốn độ hết chúng sanh, cho nên tu hạnh đầu-đà và đi giảng dạy cho mọi người hiểu đạo, đó là bản nguyện lợi tha của ngài.

Xuân thu vãng giáo mọi nơi. Mùa xuân mùa thu ngài đi nơi này nơi kia để giáo hóa. Chữ vãng là lai vãng là đi tới đi lui. *Hạ đông yển tọa lại ngôi non xanh.* Mùa hạ và mùa đông thì ở yên một chỗ. Chữ yển là yên, yển tọa là ngôi yên một chỗ ở trên núi xanh. Như vậy ở đây chúng ta thấy đúng là khí hậu miền Bắc nhất là khí hậu ở Yên Tử, mùa hạ và mùa đông. Mùa hạ thì an cư kiết hạ, mùa đông thì trời rét, hai mùa này ngài ở tại núi để tu hành. Mùa xuân ấm áp và mùa thu mát mẻ thì ngài đi giáo hóa nơi này nơi kia. Như vậy lời khuyên của Bảo Sát là ngài đã lớn tuổi không nên đi nơi này nơi kia xa xôi. Khi nghe khuyên như vậy, ngài mỉm cười và đáp rằng, thân tứ đại này mặc tình nó còn hay mất, không quan trọng, bởi vì còn có “cái ấy” không bị vô thường dính dáng đến nó. Vì vậy ngài không phải bận tâm, không phải lo lắng. Bởi tâm thương người, muốn độ hết chúng sanh nên ngài phải tu hạnh đầu-đà, phải đi giáo hóa cho mọi người. Thế nên trong một năm, hai mùa xuân và thu ngài đi giáo hóa, chỉ có mùa đông mùa hạ thì ở trên núi tu hành.

Thập nguyệt ngũ nhật bình minh,

Thiên Thụy công chúa cong mình phải đau.

Gia đồng Triệu Bản lên tâu,

Đến Tử Tiêu am khấu đầu lạy vua:

“Công chúa bệnh đốc chẳng qua.

Nhân Tông thấy thốt nói ra lời này:

*“Nhân duyên thời tiết vậy vậy,
Có sinh có tử xưa nay hằng lẽ.”*

*Nhân Tông chống gậy ra đi,
Hành giả hộ trì một người chân tay.
Ba ngày đến kinh đô này,
Lập đàn phó chúc một ngày tới quy.*

Thập nguyệt là tháng mười, ngũ nhật là ngày mừng năm. Đến ngày mừng năm tháng mười, vào buổi sáng, công chúa Thiên Thụy ở trong mình bệnh, không khỏe, mới sai gia đồng là Triệu Bản lên am Tử Tiêu để tâu với vua, báo tin cho vua hay.

Công chúa bệnh độc chẳng qua, tức là công chúa bệnh nặng lắm, chẳng qua là khó qua được. Bà công chúa Thiên Thụy là chị của ngài.

Nhân Tông thấy thốt nói ra lời này. Khi nghe nói như vậy, ngài bảo rằng:

Nhân duyên thời tiết vậy vậy, tức là thời tiết nhân duyên là như thế. *Có sinh có tử xưa nay hằng lẽ*. Đó là lẽ vô thường của xưa nay, có sanh ra thì phải có tử, chứ không ai tránh khỏi điều này.

*Nhân Tông chống gậy ra đi,
Hành giả hộ trì một người chân tay.*

Tuy vậy ngài cũng chống gậy xuống núi để thăm chị. Đi theo ngài chỉ có một người hành giả tức là một người thị giả theo hầu thôi, chứ không có ai nhiều.

*Ba ngày đến kinh đô này,
Lập đàn phó chúc một ngày tái quy.*

Từ núi Yên Tử về tới kinh đô, ngài đi trong ba ngày. Đến kinh đô ngài lập đàn cầu nguyện, phó chúc tức là dặn dò, xong rồi hôm

sau ngài trở về núi lại. Nghĩa là chị ruột đau nặng cho hay về, chỉ lập đàn cầu nguyện rồi từ giã đi chứ không nấn ná ở lại. Đó là tinh thần đạo lý rất rõ ràng.

5.8 TRÊN ĐƯỜNG VỀ NÚI VUA MỆT

Đến chùa Cổ Châu một khi,

Cát bút bài đề một kệ rằng bay:

“Thế sát nhất tức mặc,

Thì tình lưỡng hải ngân.

Ma cung hồn quán thậm,

Phật quốc bất thắng xuân.”

Ngày sau đến chùa Sùng Nghiêm,

Tuyên Từ thái hậu thết bữa thì trai.

Về đến Hương Lâm thuở nay,

Nhức đầu khí liệt, chân tay ngại kẻ.

Tình cờ hai thầy qua đi,

Tử Dinh Hoàn Trung tức thì mừng thay.

Nhân Tông thốt bảo rằng bay:

“Lòng tao thuở này muốn lên Ngọa Vân.”

Hai thầy liệng tay đến gần:

“Chúng tôi cảm lòng hộ niệm đường xa.”

Tu du xây lên đến già,

Nhân Tông thốt bảo: “Mữa qua lời này.

Chúng bay học Đạo chớ chầy,

Vô thường hai chữ kíp thay nan đào.

Gọi lấy Bảo Sát cho tao,

Có lời đặc nhủ tiêu hao mọi lòng.”

Phần Giảng Giải

Hành giả tên là Pháp Không,
Đến Vân Tiêu am cong lòng thương thay!
Nói chiềng Bảo Sát cho hay:
“Tôn đức thì tiết thuở này chẳng qua.”
Bảo Sát lòng thương xót xa,
Tay đem kinh giáo xuống mà tìm đi.
Đường trường lặn suối sơn khô,
Đêm ấy phải tới một khi nằm rùng.
Coi thấy hắc vân bay không,
Bảo Sát gẫm được, trong lòng biết hay.
Lên đến Ngọa Vân thuở nay,
Điều Ngự thốt bảo: “Mày chày, tao mong.
Vạn pháp bản lai chân không,
Chẳng mắc mộ pháp mới thông lòng thiên.
Ốc là pháp tính tự nhiên,
Bất sinh bất diệt bản nguyên lâu lâu.
Chư tổ phó chúc bấy lâu,
Ý nghĩa mật hậu để sau mà dùng.
Pháp Loa tao đã truyền lòng,
Làm đệ nhị tổ nối dòng Như Lai.
Đèn Bụt như lửa mặt trời,
Hoa tình vô tận mỗi người mỗi cho.”
Bảo Sát hỏi chúng môn đồ,
“Ai ai cũng có minh châu trong mình.
Pháp thân nghiệm kỹ trường linh,

*Tỳ-lô đỉnh thượng tung hoành thái hư.
Thánh phàm vô khiếm vô dư,
Đường đường đối diện như như thể đồng.”
Giảng hết Thiên chỉ tâm tông,
Thiên địa chấn động hư không thuở này.
Phó chúc ngô thử hình hài,
Tượng pháp muôn đời công án độ sinh.
Thế thế Thích tử tu hành,
Điều Ngự thụ ký công thành nhiều thay!
Đến chùa Cổ Châu một khi,
Cát bút bài đề một kệ rằng bay:
“Thế sát nhất tức mặc,
Thì tình lưỡng hải ngân.
Ma cung hồn quán thậm,
Phật quốc bất thắng xuân.”*

Lúc trở về đến chùa Cổ Châu, ngài dừng nghỉ lại một đêm. Khi dừng nghỉ tại chùa này, ngài cảm hứng viết bài kệ trên đây. Bài kệ đó có nghĩa là:

Thế sát nhất tức mặc. Thế sát tức là thế số là số ở đời, là tuổi đời, chẳng qua như một hơi thở thôi. Chữ nhất tức là một hơi thở, mặc là dừng. Nghĩa là hơi thở ra mà không hít lại là hết một đời. Thế nên nói tuổi đời của con người chỉ là một hơi thở. Dù trăm ngàn muôn triệu người, đến giờ phút chót cũng là cái thở khi ra thôi, chứ có ai gần chết mà hít vô đâu? Nếu còn hít vô là chưa chết mà chết là thở khi ra. Như vậy cuộc sống của con người chỉ trong hơi thở, khi ra không hít lại là chết. Thế nên đời mình chỉ có bao nhiêu, có một hơi thở ra thôi, vậy mà cứ tính sống muôn đời, muôn năm, nhưng sự thật

chỉ là một hơi thở ra không hít trở vào là chết ngay. Cho nên ngài nói tuổi đời chỉ trong một hơi thở thôi, đó là cái nhìn rất tường tận.

Thì tình lưỡng hải ngân. Thì tình, ngoài Bắc đọc là thì, trong Nam đọc là thời. Nhưng tình đời thì hai biển bạc. Tuổi thọ thì chỉ có một hơi thở mà tình đời tới hai biển bạc. Câu này khi xưa dịch, tôi có cảm hứng, ngài nói hai biển bạc thì chữ bạc dịch lại bị vận trắc, thành ra tôi tăng thêm thành hai biển vàng, mà tại sao tôi tăng thêm, vì tôi thông cảm được ở chỗ này. Ngài cũng biết ngài sắp tịch, nhưng tuổi thọ hay mạng sống của ngài quá ngắn, mà lòng ngài lại muốn độ cho tất cả chúng sanh thì quá rộng. Lòng thì mênh mông mà tuổi quá ngắn cho nên mới có hai câu này. Nghĩa là tuổi đời một hơi thở mà tình đời tới hai biển bạc, tôi thêm hai biển vàng còn đậm hơn phải không? Đó là hai câu để nói sự mâu thuẫn giữa tuổi thọ và cõi lòng rộng thênh thang của người tu. Người tu bao giờ cũng muốn độ cho nhiều chúng sanh thức tỉnh, hết khổ đau, nhưng tuổi thọ có chừng mực, có giới hạn. Điều mình muốn mình làm chưa được, chưa xong thì tuổi đời đã sắp hết rồi. Câu ở đoạn trên diễn tả cho chúng ta thấy rất rõ ràng tấm lòng thênh thang của ngài là *lòng tao quảng độ chúng sinh* phải không? Lòng thì muốn rộng độ chúng sanh, mà bây giờ tuổi thì ngắn quá, mới năm mươi một tuổi lại sắp từ trần rồi. Như vậy, có phải là ngài cảm thông được cái kiếp người quá ngắn ngủi mà lòng người thì muốn làm rất nhiều việc, để lợi ích cho chúng sanh. Cho nên ngài mới có hai câu trên.

Ma cung hôn quản thậm, Phật quốc bất thắng xuân. Ma cung tức là cung ma, hôn có nghĩa là dồn dập hay chỗ khác dịch là bức bách. Ở cung ma sự cai quản rất là bức bách. Còn cõi Phật thì đẹp đẽ vô cùng. Như vậy, hai câu này lại đối lập nhau, đối lập giữa cung ma và Phật quốc. Đúng về Phật quốc thì đẹp đẽ khôn cùng, đúng về cung ma thì cai quản rất bức bách, ngột ngạt. Vì cung ma là chỗ ngục tù, ngục tù thì cai quản ngột ngạt, còn cõi Phật thì thênh thang sung sướng, cho nên không có gì đẹp hơn, đẹp bằng. Với hai hình ảnh, một bên là bị cai quản ngột ngạt, một bên thì đẹp đẽ vô

cùng tận, vậy chúng ta chọn bên nào? Chọn chỗ cai quản ngặt nghèo hay chọn chỗ đẹp dễ vô cùng tận, đó là để nhắc nhở chúng ta tu. Ngài không khuyên, không dạy chúng ta phải tu hành như thế nào, nhưng ngài đưa hai hình ảnh, một bên cai quản ngặt nghèo, một bên đẹp dễ vô ngần không giới hạn, để chúng ta muốn đi đường nào tự chọn lấy. Chọn con đường đẹp dễ thênh thang hay chọn chỗ cai quản ngặt nghèo, đó là tự mình chọn chứ ngài không khuyên, các người phải tu thế này thế khác để được hưởng sung sướng, hay các người không nên làm những điều nọ điều kia sẽ khổ... mà chỉ nêu hai hình ảnh, bên đây là chỗ khổ sở bức bách, bên kia là chỗ thênh thang đẹp dễ. Ai muốn chọn nơi nào cứ chọn. Vậy ở đây có ai thích chọn chỗ cai quản ngặt nghèo không? Chắc không ai chọn, nhưng lâu lâu con quỷ sân nổi lên, nó muốn xúi đi đường khổ. Như vậy ngài biết rằng tuổi thọ ngài sắp hết, mà lòng độ đời của ngài chưa cùng và ngài thấy thương chúng sanh, bên đây là khổ sở, bên kia là sung sướng mà người ta không biết chọn, cứ lao mình trong cái khổ đau. Cho nên hai câu sau là ngài hình dung được chỗ khổ đau và chỗ sung sướng cho mọi người thấy để tự ý thức mà lựa chọn.

Ngày sau đến chùa Sùng Nghiêm,

Tuyên Từ thái hậu thết bữa thì trai.

Câu này hơi trắc vận. Qua ngày hôm sau nữa, ngài đến chùa Sùng Nghiêm. Khi đến chùa này, bà Tuyên Từ thái hậu mới thết bữa trai cúng dường.

Về đến Hương Lâm thuở nay,

Nhức đầu khí liệt, chân tay ngại kẻ.

Tình cờ hai thầy qua đi,

Tử Dinh Hoàn Trung tức thì mừng thay.

Về đến Hương Lâm, ngài thấy nhức đầu, tay chân mỏi mệt, không còn muốn giở chân cất bước nữa. Tình cờ gặp được hai thầy là Tử Dinh và Hoàn Trung đi cùng đường, tức là ngược đường đi lại, khi đi ngang qua gặp, ngài mới nói:

Nhân Tông thốt bảo rằng bay:

“Lòng tao thuở này muốn lên Ngọa Vân.”

Hai thầy liệm tay đến gần:

“Chúng tôi cảm lòng hộ niệm đường xa.”

Tu du xẩy lên đến già,

Nhân Tông thốt bảo: “Mũa qua lời này.

Chúng bay học Đạo chỗ chầy,

Vô thường hai chữ kíp thay nan đào.

Gọi lấy Bảo Sát cho tao,

Có lời đặc nhủ tiêu hao mọi lòng.”

Đoạn này diễn tả lúc ngài đi đường bị bệnh, cho nên tay chân mỗi mê không thể cất bước nổi. Bỗng gặp hai vị sư là Tử Dinh và Hoàn Trung, ngài mới nói với hai thầy đó rằng: *Lòng tao thuở này muốn lên Ngọa Vân*. Tức là bây giờ ta muốn lên trên ngọn núi Ngọa Vân, nói thêm cho đủ là: nhưng chân không còn cất bước nổi nữa.

Hai thầy liệm tay đến gần. Chữ liệm là chấp, liệm tay tức là chấp tay lại. Nghe vậy hai thầy liền chấp tay đến gần thưa: *Chúng tôi cảm lòng hộ niệm đường xa*. Bây giờ chúng con xin nguyện đưa ngài lên đến tận trên ngọn Ngọa Vân, tức là hai thầy mới dìu đỡ ngài đi lần lên ngọn núi Ngọa Vân. *Tu du xẩy lên đến già*. Chữ già là già-lam tức là chùa, nhờ hai thầy mạnh, nên chỉ trong chốc lát đã đưa ngài đến chùa.

Nhân Tông thốt bảo: Mũa qua lời này. Mũa tức là mựa có nghĩa là mới. Khi đến nơi Nhân Tông mới thốt bảo lời này. *Chúng bay học đạo chỗ chầy*. Các người học đạo thì không nên chậm trễ. *Vô thường hai chữ kíp thay nan đào*. Hai chữ vô thường nhanh lắm khó trốn tránh được, chữ kíp là nhanh. Chúng bây là người học đạo chỗ có chậm trễ, chầy là chậm trễ, vì hay chữ vô thường đuổi theo rất gấp, khó trốn tránh được.

Gọi lấy Bảo Sát cho tao. Vậy các người đi gọi Bảo Sát cho ta. Có lời đặc nhủ tiêu hao mọi lòng. Tức là có lời dặn dò nhắc nhở ở trong lòng.

*Hành giả tên là Pháp Không,
Đến Vân Tiêu am cong lòng thương thay!
Nói chiềng Bảo Sát cho hay:
“Tôn đức thì tiết thuở này chẳng qua.”*

*Bảo Sát lòng thương xót xa,
Tay đem kinh giáo xuống mà tìm đi.*

Như vậy thiền sư Pháp Không là người lãnh trách nhiệm đi gọi Bảo Sát về.

*Đến Vân Tiêu am cong lòng thương thay!
Nói chiềng Bảo Sát cho hay:*

Chữ cong nghĩa là trong, chữ *chiềng* ở đây nghe khó hiểu, còn bản năm 1932 để là *trình* thì dễ hiểu hơn. Khi Pháp Không lên đến am Vân Tiêu, trong lòng thương xót mới thưa với thiền sư Bảo Sát rằng:

Tôn đức thì tiết thuở này chẳng qua. Tôn đức là chỉ ngài Trần Nhân Tông, thì tiết tức là thời tiết, nghĩa là do thời tiết khiến cho ngài phải bệnh, chắc không thể qua được cơn bệnh này.

*Bảo Sát lòng thương xót xa,
Tay đem kinh giáo xuống mà tìm đi.*

Nghe như vậy, ngài Bảo Sát lòng rất thương xót, tay vội ôm kinh theo để tìm đến Ngọa Vân.

*Đường trường lặn suối sơn khô,
Đêm ấy phải tối một khi nằm rùng.
Coi thấy hắc vân bay không,
Bảo Sát gấm được, trong lòng biết hay.*

Đêm đó trên đường đi đến Ngọa Vân khá dài, ngài phải lội suối trèo non đi suốt đêm, đến tối vẫn chưa đến nơi, nên phải ngủ lại trong rừng. Khi nằm ngủ ngài nhìn thấy có đám mây đen bay lơ lửng ở trên không, Bảo Sát mới suy nghĩ và đoán biết đây là điềm không lành, có lẽ ngài Trần Nhân Tông sẽ tịch.

Lên đến Ngọa Vân thuở nay,

Điều Ngự thốt bảo: Mây chày, tao mong.

Khi Bảo Sát lên đến Ngọa Vân rồi, ngài Điều Ngự thấy mới nói: Sao mây đi trễ vậy, tao đang trông mây. Đó là những ngôn ngữ của thời xưa.

Vạn pháp bản lai chân không,

Chẳng mắc một pháp mới thông lòng thiên.

Ốc là pháp tính tự nhiên,

Bất sinh bất diệt bản nguyên lâu lâu.

Chư tổ phó chúc bấy lâu,

Ý nghĩa mật hậu để sau mà dùng.

Đây là lời của ngài Điều Ngự dạy ngài Bảo Sát, ngài nói rằng:

Vạn pháp bản lai chân không. Nghĩa là muôn pháp trên thế gian này, từ trước đến nay, thể nó là chân không. Tại sao thể các pháp là chân không? Bởi vì các pháp không có tự tính, bởi không có tự tính nên tánh nó là không, mà tánh không đó là thể của muôn pháp. Nó không phải là vật, cũng không phải là mọi hình tướng, mọi sanh diệt, cho nên nói là chân không, nhưng muốn được cái chân không đó, phải làm sao?

Chẳng mắc một pháp mới thông lòng thiên. Chữ mỗi chứ không phải một, mỗi là cái này, cái nọ. Thường thường thuở xưa người ta hay xưng mình là mỗi. Nghĩa là chẳng mắc một pháp nào mới thông lòng thiên, lòng thiên mới thông suốt. Như vậy câu này ngài nói hết sức đơn giản nhưng chúng ta thấy đạo lý đầy đủ trong đây. Chẳng mắc một pháp nào thì lòng thiên mới được thông suốt. Thử hỏi tất cả

chúng ta ngày nay có mắc một pháp nào không? Hay là mắc mấy trăm pháp. Một pháp thì khó có, chứ mấy trăm pháp thì có, phải không? Đây tôi nói thí dụ một hai pháp thử xem quý vị có mắc hay không? Thí dụ quý vị đi tu rồi mà có mắc pháp khen chê không? Nếu ai khen mặt mình có tươi không? Ai chê mặt mình có âu sầu không? Giả sử vẻ mặt mình đang tươi vui, khi nghe tiếng chê, dù lòng mình ráng giữ cho nó bình thản, nhưng gương mặt xuống sắc lúc nào mình không hay. Đó là đã mắc pháp rồi, nếu không mắc thì không xuống sắc. Việc khen chê là tương đối dễ. Đến việc được mất cũng vậy. Như chúng ta dự tính tổ chức trồng hoa quả để bán đổi gạo. Khi ra công trồng hoa quả được ba bốn tháng, nhưng đến lúc kết quả lại bị hư hết bán không được, là đã mất, chúng ta có mắc, có buồn không? Còn nếu chúng ta trồng ít, có người lại mua cao giá, lúc đó mặt ta có tươi không? Khi trồng mình cứ nghĩ, một hoa hồng bán khoảng một hai trăm hoặc năm ba trăm là cùng, bất thần có người đến mua với giá một ngàn, lúc đó mặt mình ra sao, có bình thản hay tươi hẳn lên. Như vậy quý vị thấy những việc rất nhỏ mà chúng ta vẫn bị mắc, nhưng khi mắc ở trong đó thì lòng thiện chúng ta chưa thông. Bởi vì còn được còn mất, còn thích khen ghét chê v.v... thì làm sao thông được. Thế nên ngài nói một câu giản đơn vô cùng, *Chẳng mắc mõ pháp mới thông lòng thiện*.

Ốc là pháp tính tự nhiên,

Bất sinh bất diệt bản nguyên lâu lâu.

Chữ ốc có nghĩa là gọi; gọi là pháp tính tự nhiên là pháp tính sẵn có của chúng ta, pháp tính đó không sanh không diệt. Bản nguyên nó là luôn luôn sáng rõ, lâu lâu không bao giờ vắng, không bao giờ thiếu. Sở dĩ bị vắng bị thiếu là vì lòng thiện mình còn mắc chưa thông, đó là lời ngài nhắc nhở.

Chư tổ phó chúc bấy lâu,

Ý nghĩa mạt hậu để sau mà dùng.

Như vậy chư tổ đã phó chúc tức là dặn dò từ xưa đến nay, ý nghĩa về sau, rắng theo đây để ứng dụng tu hành.

“Pháp Loa tao đã truyền lòng,

Làm đệ nhị tổ nối dòng Như Lai.

Đèn Bụt như lửa mặt trời,

Hỏa tinh vô tận mỗi người mỗi cho.”

Bảo Sát hỏi chúng môn đồ,

“Ai ai cũng có minh châu trong mình.

Pháp thân nghiệm kỹ trường linh,

Tỳ-lô đỉnh thượng tung hoành thái hư.

Thánh phàm vô khiếm vô dư,

Đường đường đối diện như như thể đồng.”

Ngài lại bảo là ngài đã truyền lòng, tức là truyền trao tâm ấn cho ngài Pháp Loa làm vị tổ thứ hai để nối dòng Phật, nối dòng Như Lai.

Đèn Bụt như lửa mặt trời. Ngọn đèn Phật sáng rõ như ánh sáng mặt trời vậy. *Hỏa tinh vô tận mỗi người mỗi cho.* Hoa tinh tức là lửa sáng, chữ tinh là cái lóe sáng, lửa sáng nó không cùng tận mỗi người mỗi cho. Nghĩa là từ ánh sáng thênh thang to lớn của mặt trời Phật, nó mới phân ra tất cả những ánh sáng nhỏ, mỗi người mỗi có, mỗi cho. Ý nói rằng trí tuệ của Phật là viên mãn, là trùm khắp, từ trí tuệ viên mãn trùm khắp đó, ngài giáo hóa cũng như là những ánh sáng, nó phân chia ra từng mảnh để cho mỗi người. Như vậy, chúng ta mới thấy hai câu này, ý ngài muốn nói về đức Phật thì trí tuệ trùm khắp như ánh sáng mặt trời, từ trí tuệ Phật đó mà giáo hóa chúng ta, chúng ta mới thu nhận được mỗi người mỗi ít cũng giống như những tia sáng nhỏ trao cho người này, trao cho người kia, vô cùng vô tận. Sở dĩ ngày nay chúng ta hiểu được Phật pháp, biết được chân lý phân nào, là từ ánh sáng của đức Phật, ánh sáng đó là trí tuệ của Phật

trao cho chúng ta hay là môi cho những ngọn đèn, ngọn đuốc của chúng ta, để chúng ta cũng được sáng đôi phần.

Bảo Sát hỏi chúng môn đồ,

Ai ai cũng có minh châu trong mình.

Bảo Sát hỏi trong các đồ chúng, mỗi người đều sẵn có hạt minh châu trong mình, không ai thiếu thốn.

Pháp thân nghiêm kỹ trường linh. Pháp thân sẵn vậy và luôn luôn sáng, nghiêm hỷ là sẵn vậy, trường linh là thường sáng, pháp thân sẵn vậy và thường sáng.

Tỳ-lô đỉnh thượng tung hoành thái hư. Trên đỉnh Tỳ-lô tung hoành khắp cả thái hư. Tỳ-lô tức là Tỳ-lô- giá-na là chỉ cho pháp thân, trên đỉnh pháp thân tung hoành khắp cả bầu trời không có gì trở ngại hết. Như vậy tất cả mọi người sẵn có hạt minh châu trong mình, hay trong túi áo. Ai cũng có sẵn mà hạt minh châu đó là để chỉ cho pháp thân. Pháp thân của chính mình, nó sẵn vậy, nó trùm khắp luôn luôn sáng suốt và chính pháp thân này trùm khắp không bị hạn chế nơi này nơi kia. Cho nên nói là tung hoành khắp cả thái hư.

Thánh phàm vô khiếm vô dư. Nơi thánh không dư, nơi phàm không thiếu, ai cũng có hết.

Đường đường đối diện như như thể đồng. Nó rõ ràng đối diện, ai cũng đồng một thể như như đó.

Như vậy lời dặn dò này là ngài Chân Nguyên dẫn lời của tổ Trúc Lâm khi sắp tịch dặn dò hay phó chúc cho đệ tử những điều thiết yếu trong sự tu hành, mỗi người phải nhớ. Chúng ta tu, không phải Phật đem lại cho chúng ta giác ngộ mà cái tính giác đã sẵn có ở chúng ta, chỉ khi nào chúng ta biết khơi dậy thì nó được sáng, còn chúng ta u mê thì nó tối. Vì vậy trên đường tu chúng ta phải hiểu rõ, Phật không thể làm cho chúng ta giác, nếu chúng ta không khéo sử dụng phương tiện để tu hành, để dẹp bỏ những tình phàm thì làm gì có được trí thánh. Trí thánh có sẵn ở trong nhưng bị tình phàm che

khuất đi, người thầy chỉ có bốn phận hướng dẫn, chỉ cho chứ không làm thay cho người đệ tử.

Thí dụ có một người ở trong một thôn xa xôi hẻo lánh lại nghèo khổ đói thiếu trăm bề, nghe người ta nói ở ngoài xa kia có một thành thị giàu sang sung sướng, ai đến đó sẽ được no ấm đầy đủ. Những người ở trong cảnh nghèo khó, thiếu thốn đó, họ có mơ ước đến thành thị giàu sang sung sướng đó không? Họ mơ ước nhưng không biết làm sao đến, chỉ nghe nói mà không biết cách đi, không biết đường đi. Có một người sáng suốt, từ thành thị giàu sang tìm ra được một bản đồ, ông lần mò đi gần tới thành thị đó và thấy đường đi, cũng như thấy bóng hình của thành thị rõ ràng, nhưng ông chưa có thì giờ đi tới nơi. Song vì thương những người bạn trong xóm đang thiếu đang khổ, ông mới trở về nhắc nhở tất cả bà con, ai muốn tìm đến thành thị kia để được ấm no sung sướng, thì tôi sẽ chỉ đường cho đi. Ông mới vạch bản đồ ra chỉ, từ đây đi tới đó phải đi đường nào, đường tên gì, đi cách bao xa v.v... Ông chỉ rõ thành thị kia nằm ở vị trí đó và bảo nếu quý vị đi tới sẽ được sung sướng, an lạc. Như vậy người kia chỉ vạch ra con đường và nói rõ chỗ an lạc cho mọi người nghe, chứ ông ta đâu thể làm cho người muốn đi đến nơi được. Nếu người muốn đi mà không nghe chỉ, không chịu đi, có đến nơi được không? Dầu có nói khô cổ, người đó cũng không đến nơi được. Người đó có đến được là khi chỉ rồi, phải phải theo con đường mà tìm tới thì một ngày nào đó sẽ đến thành thị tốt đẹp ấy.

Cũng vậy, Phật chỉ cho chúng ta chỗ an lạc muôn đời là phải dứt hết những đối đãi, phiền não, xấu xa của mình. Những phiền não, xấu xa mình dứt được rồi thì sẽ đến chỗ an lạc muôn đời. Được chỉ như vậy nhưng phiền não xấu xa không chịu dứt mà mình đòi an lạc muôn đời thì sao? Ai cho mình cái đó. Nếu có đòi, có kêu có khóc mấy cũng không bao giờ được. Thế nên, người chỉ đường là đem hết tâm mình chỉ cho rõ, cho người ta biết chắc chắn không nghi, đó là hết bốn phận, còn đi hay làm được không, là chuyện của hành giả, chứ không phải chuyện của người chỉ đường nữa. Đó là trách nhiệm của

Phật cũng như của các tổ sau này. Cho nên phần trên chúng ta mới thấy câu kệ của ngài Trần Nhân Tông nói đó, nghĩa là bên đây là cung ma khổ lắm, bên kia cõi Phật sướng lắm. Hai bên chỉ rõ như vậy, nhưng muốn hưởng cảnh sung sướng, tự mình phải tìm tới, chứ ngài không làm gì cho mình được. Đó là đạo lý của Phật như vậy.

Giảng hết Thiên chỉ tâm tông,

Thiên địa chấn động hư không thuở này.

Phó chúc ngô thử hình hài,

Tượng pháp muôn đời công án độ sinh.

Thế thế Thích tử tu hành,

Điều Ngự thụ ký công thành nhiều thay!

Đoạn này ngài Chân Nguyên tô điểm thêm, tức là ngài nói rằng:

Giảng hết Thiên chỉ tâm tông. Ngài Trúc Lâm Đại Đầu-đà giảng về Thiên chỉ tức là yếu chỉ Thiên tông cho Bảo Sát nghe. *Thiên địa chấn động hư không thuở này.* Khi đó cả trời đất đều chấn động, phần này ở trong sử không có ghi, nhưng ở đây ngài Chân Nguyên nói, có lẽ ngài đã tô điểm thêm cho đậm nét một chút.

Phó chúc ngô thử hình hài,

Tượng pháp muôn đời công án độ sinh.

Nghĩa là truyền lại công án hình hài này của ta. Khi Bảo Sát hỏi: “Tôn đức đi đến chỗ nào?” Ngài Điều Ngự đáp: Nào có đến đi ấy vậy.”... Tượng pháp nghĩa là thời đó ngài coi như còn trong thời tượng pháp, người tu thiền muôn đời lấy công án để độ cho mình được thoát khỏi sanh tử. Công án có hai cách: Một là dùng thoại đầu làm công án. Hai là nhân một câu trong kinh hay một câu của các tổ nói bí hiểm, khó hiểu rồi cứ nghiên cứu nghiên ngẫm, đó cũng gọi là công án. Chúng ta ngày nay tu thiền, không dùng câu thoại đầu, không dùng câu công án, nhưng khi tu đắc lực rồi, mình tự giải được những công án. Như vậy mình không có đặt nghi vấn tại sao tới đó mình lại giải được công án. Thật tình khi chúng ta học hoặc đọc sách thiền có

những câu nghe không hiểu, vì không hiểu nên thắc mắc tức nhiên cứ ôm ấp chấp chứa bên trong. Đã chứa sẵn trong đó, nên khi tu, tâm mình được an ổn thanh tịnh thì những cái gì chứa sẵn bất thần hiện ra. Thí dụ câu hỏi “Thế nào là Phật?” Đáp là “Ba cân gai”. Bình thường nghe không hiểu nói ba cân gai là cái gì, nên cứ ôm ấp mãi trong lòng, đến khi tâm thanh tịnh nhớ lại câu đó liền bừng sáng. Đó là giải được công án đã có sẵn mà không cần lập đi lập lại, chỉ khi nào tâm mình yên, tự nhiên tìm ra, tự giải được không phải nhờ thầy, nhờ tổ giải cho mình. Thế nên nói tiểu ngộ đại ngộ là ở trường hợp đó. Bởi vậy nên công án đã chứa chấp lâu nay trong lòng, khi tâm mình thanh tịnh bất thần sáng ra. Công án nhỏ gọi là tiểu ngộ, công án lớn là đại ngộ. Như học trong kinh, thấy Phật nói các pháp là hư dối, mà không biết nó hư dối thế nào, nhưng bất thần ngời tu, sáng ra điều đó. Như vậy cũng là ngộ, nhưng là ngộ nhỏ chứ không phải ngộ lớn. Đó là để cho quý vị thấy hiểu, chứ không phải nói công án là tu thoát đầu. Nghĩa là nghi vấn nào, chúng ta đọc sách Phật, sách thiền còn chứa chấp trong lòng, khi tu lúc tâm thanh tịnh, nó liền hiện ra và tan vỡ thấu suốt được, đó là công án.

Thế thế Thích tử tu hành, là những người con nhà họ Thích tu hành đời đời. *Điều Ngự thụ ký công thành nhiều thay*, tức là ngài Điều Ngự thọ ký những người Thích tử tu hành sau này được thành công rất nhiều. Đó là dẫn lời dạy của ngài Sơ tổ Trúc Lâm.

5.9 VUA MẮT ĐỂ ẢNH HƯỞNG LỚN LẠI

Thập nhất nguyệt mộng một nay,

Tý thì Phật tổ quy Tây Nát-bàn.

Bảo Sát phụng phó chúc ngôn,

Trà-tỳ phần hóa hỏa quang ngút trời.

Pháp Loa, Bảo Sát mọi người,

Thu thập ngọc cốt thương ôi những là:

“Tổ đã một ngày một xa,

*Ai hầu giáo hóa chúng ta sau này?
Dòng dòng nước mắt chảy ngay,
Rước về Yên Tử tháp xây làm tăng.
Một phần xây tháp Phổ Minh,
Ấy là Phật cốt uy linh nước này.
Đời đời vua chúa kính thay,
Để dân tảo lệ xưa nay phụng thờ.
Thật dân Tam bảo hoàng tôn
Trung Lương, Nam Mậu tích xưa Trần triều.
Quan sang thiên hạ dẫu yêu,
Vì chúng thuở trước đã nhiều nhân duyên.
Cúng tăng sự Phật lòng tin,
Coi sóc chùa chiền kỳ lạ hương hoa.
Muôn đời khiên tộc quốc gia,
Nước có Phật cốt sinh ra thánh hiền.
Nước Nam đẹp được bốn bên,
Vì có Phật báu Hoàng thiên hộ trì.
Đời đời Phật đạo quang huy,
Quốc gia đình thịnh càng thì tăng long.
Thập nhất nguyệt mồng một nay,
Tý thì Phật tổ quy Tây Nát-bàn.*

Thập nhất nguyệt tức là tháng mười một, *mồng một* nay là ngày mồng một, *Tý thì* là giờ Tý. *Phật tổ quy Tây Nát-bàn* là Sơ tổ Trúc Lâm tịch, ngài nhập Niết-bàn. Nói cho dễ hiểu là ngày mồng một tháng mười một, vào giờ (khoảng mười đến một giờ đêm), niên hiệu Hưng Long thứ mười sáu, năm 1308, đêm ấy Điều Ngự Giác Hoàng tịch, thọ năm mươi một tuổi. Ngài đi hơi sớm.

*Bảo Sát phụng phó chúc ngôn,
Trà-tỳ phân hóa hỏa quang ngút trời.
Pháp Loa, Bảo Sát mọi người,
Thu thập ngọc cốt thương ôi những là:
“Tổ đã một ngày một xa,
Ai hầu giáo hóa chúng ta sau này?”*

Sau khi ngài tịch, theo lời di chúc của ngài, Bảo Sát cùng Pháp Loa, hai huynh đệ thỉnh nhục thân của ngài làm lễ trà-tỳ và lượm được rất nhiều ngọc xá-lợi. Ngọc cốt tức là ngọc xá-lợi. Các vị mới than:

*Tổ đã một ngày một xa,
Ai hầu giáo hóa chúng ta sau này?*

Nay Tổ đã tịch rồi, mỗi ngày mỗi xa, ai dạy ai chỉ bảo chúng ta sau này? Than rồi các ngài khóc:

*Dòng dòng nước mắt chảy ngay,
Rước về Yên Tử tháp xây làm tăng.
Một phần xây tháp Phổ Minh,
Ấy là Phật cốt uy linh nước này.*

Các ngài rước một phần ngọc cốt xây tháp thờ trên núi Yên Tử còn một phần xây tháp thờ tại chùa Phổ Minh. Ngọc cốt của Tổ được xem như Phật cốt uy linh của đất nước.

*Đời đời vua chúa kính thay,
Để dân tảo lệ xưa nay phụng thờ.
Thật dân Tam bảo hoằng nô,
Trung Lương, Nam Mậu tích xưa Trần triều.*

Như vậy sau khi ngài Điều Ngự Giác Hoàng tịch, thiêu được nhiều xá-lợi, xây tháp thờ ở hai nơi, núi Yên Tử và chùa Phổ Minh. Từ đó về sau hình ảnh xá-lợi coi như là uy linh của đất nước, của

nhà Phật, đời đời vua chúa đều kính trọng. *Để dân tảo lệ* là để dân thay nhau cắt người chăm sóc phụng thờ xá-lợi. Tảo lệ là cắt người ra để chăm sóc.

Thật dân Tam bảo hoàng nô. Xưa nói *Tam bảo nô* tức là người tôi tớ trong Tam bảo, nay gọi là làm công quả. Trung Lương, Nam Mậu là tên của hai làng có trách nhiệm phụng thờ ngôi Tam bảo, chăm sóc những ngôi tháp và giữ phần hương hỏa cho lăng miếu nhà Trần.

*Quan sang thiên hạ dẫu yêu,
Vì chưng thuở trước đã nhiều nhân duyên.
Cúng tăng sự Phật lòng tin,
Coi sóc chùa chiền kỵ lạp hương hoa.
Muôn đời khiên tộ quốc gia,
Nước có Phật cốt sinh ra thánh hiền.*

Đây là ngài Chân Nguyên tán thán: Cả thiên hạ trong đất nước đều quý mến các vua đời Trần vì những vị này thuở trước có nhiều nhân duyên, cho nên:

*Cúng tăng sự Phật lòng tin,
Coi sóc chùa chiền kỵ lạp hương hoa.*

Mọi người đều đầy đủ lòng tin cúng dường chư tăng, thờ phụng đức Phật, coi sóc chùa chiền, dâng hương hoa cúng dường.

Muôn đời khiên tộ quốc gia. Bản này là chữ *khiên*, bản in năm 1932 là chữ *diễn*. Diễn tộ thì dễ hiểu hơn, diễn là kéo dài, tộ là tốt lành. Muôn đời diễn tộ quốc gia, nghĩa là trong nước có được những điều tốt lành kéo dài muôn đời. Tại sao? Vì nước có Phật cốt tức là ngọc cốt của Tổ, cho nên có những bậc thánh hiền ra đời.

*Nước Nam đẹp được bốn bên,
Vì có Phật báu Hoàng thiên hộ trì.
Đời đời Phật đạo quang huy,*

Quốc gia đình thịnh càng thì tăng long.

Nước Nam đẹp được giặc giã, bốn phương yên ổn, vì có Phật báu ở trong nhà, cho nên Hoàng thiên hộ trì. Đời đời đạo Phật được sáng sủa, quốc gia được hưng thịnh và tăng long tức là thêm sự tốt đẹp mãi mãi.

Kết thúc đoạn này nói về đời của Điều Ngự Giác Hoàng, sau khi tịch thiêu được ngọc xá-lợi, xây tháp thờ để cho dân chúng hương lửa hằng ngày. Nhờ tinh thần kính tin Tam bảo mà đất nước được thịnh vượng và tăng long.

6. DÒNG THIÊN TRÚC LÂM

*Nhân Tông gặp thầy Tuệ Trung,
Làm đệ nhất tổ Nam cung nước này.
Đệ nhị Pháp Loa bằng nay,
Rập đời Anh Tông đêm ngày yêu đương.
Đệ tam tổ sư Huyền Quang,
Truyền cho Minh Tông lòng càng từ bi.
Dầu ai xem đấy xá nghì,
Năm Vua ba Tổ đều thì chứng nên.
Truyền cho thiên hạ bốn bên,
Người ta đắc đạo thiên thiên vắn vắn.
Nhờ ơn Hoàng Giác vua quan,
Phát lòng tu trước, dân gian học cùng.
Đời đời nối đạo Thiên tông,
Chính pháp truyền lòng ai được thì hay.
Tổ đã đắp nắm trồng cây,
Mộng Bồ-đề nở sau này càng cao.
Khai hoa kết quả xao xao,*

Dối truyền đất Việt thấp cao trùng trùng.

Ai khôn có trí có công,

Tu hành ngộ được tâm tông mới mau.

Nhân duyên có trước có sau,

Ai ai cũng có tính châu Bồ-đề.

Phân Giảng Giải

Kiến văn tri giác khác gì,

Mày ngang mũi dọc xem thì bằng nhau.

Phật tiên Phật hậu trước sau,

Bát-nhã huyền chỉ đạo mầu Ma-ha.

Mênh mông bể Thích tuy xa,

Biết đường vượt tắt đến nhà một giây.

Lòng Bụt thương chúng sinh thay!

Bách ban phương tiện mở nay để chờ.

Bằng người cao sĩ quán cơ,

Thông sao một hộp cạn bờ sông Tây.

Bảo thật cứu cánh cho hay,

Tử Mục Tương Cố đã thì ấn tâm.

Bụt truyền từ cổ đến cầm (kim),

Ai tin thì được ấn tâm thật thà.

Xem Thánh Đăng Lục giảng ra,

Kéo đèn Phật tỏ sáng hòa tam thiên.

Việt Nam thắng cảnh Hoa Yên,

Sát tiêu Cực lạc Tây thiên những là.

Vĩnh trấn cứu phẩm Di-đà,

Phân hương chúc Thánh quốc gia thọ trường.

*Đời đời tượng pháp hiển dương,
Thiệu long Tam bảo Tây phương Phật đường.
Điều Ngự, Pháp Loa, Huyền Quang,
Tam vị Phật tổ Nam bang Trần triều.
Hoa Yên, Long Động, Vân Tiêu,
Quỳnh Lâm tượng pháp độ siêu vô cùng.
Kính khuyên nam bắc tây đông,
Muốn được nên Bụt, phát lòng xuất gia.
Trước là độ lấy thân ta,
Sau là cứu được mẹ cha Tổ Huyền.
Vua Trần tước lộc binh quyền,
Người còn thoát để tu Thiên lộ ta.
Cửu liên đài thượng khai hoa,
Những người niệm Bụt Di-đà Phật danh.
Cùng về Cực lạc hóa sinh,
Mình vàng vóc ngọc quang minh lâu lâu.
Tiêu dao khoái lạc chẳng âu,
Bất sinh bất diệt ngồi lâu tòa sen.*

Đoạn này ngài Chân Nguyên nói về sự truyền thừa của hệ phái Trúc Lâm.

*Nhân Tông gặp thầy Tuệ Trung,
Làm đệ nhất tổ Nam cung nước này.*

Ngài Trần Nhân Tông gặp được thầy là Tuệ Trung Thượng Sĩ chỉ dạy, cho nên sau này ngài làm tổ thứ nhất của hệ phái Trúc Lâm ở Việt Nam.

*Đệ nhị Pháp Loa bằng nay,
Rập đời Anh Tông đêm ngày yêu đương.*

Tổ thứ hai là tổ Pháp Loa. Chữ *rập* là tiếp nối. Tiếp đời Anh Tông đêm ngày đều kính mến ngài Pháp Loa.

Đệ tam tổ sư Huyền Quang,

Truyền cho Minh Tông lòng càng từ bi.

Tổ thứ ba là tổ Huyền Quang, truyền cho vua Minh Tông lòng càng thương xót.

Dầu ai xem đấy xá nghì,

Năm Vua ba Tổ đều thì chứng nên.

Truyền cho thiên hạ bốn bên,

Người ta đắc đạo thiên thiên vãn vãn.

Dầu ai xem đấy xá nghì. Xá nghì, chữ xá là hãy, chữ nghì là nghĩ suy. Dầu ai đấy hãy nghĩ suy. *Năm Vua ba Tổ đều thì chứng nên.* Năm vua là: Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Trần Anh Tông và Trần Minh Tông. Ba tổ là: Sơ tổ Trúc Lâm, tổ Pháp Loa và tổ Huyền Quang. Những vị này đều ngộ đạo.

Truyền cho thiên hạ bốn bên, nghĩa là bốn phía thiên hạ đều được truyền dạy giáo hóa. *Người ta đắc đạo thiên thiên vãn vãn,* người ta ngộ được lý thiên rất nhiều có đến ngàn muôn người.

Nhờ ơn Hoàng Giác vua quan,

Phát lòng tu trước, dân gian học cùng.

Đời đời nối đạo Thiên tông,

Chính pháp truyền lòng ai được thì hay.

Đây là lời tán thán của ngài Chân Nguyên.

Nhờ ơn Hoàng Giác vua quan là nhờ ơn các vua giác, và quan như ngài Huyền Quang là Trạng nguyên đi tu. *Phát lòng tu trước, dân gian học cùng.* Những ông vua và những ông quan phát tâm tu trước cho nên nhân dân bắt chước tu theo. *Đời đời nối đạo Thiên tông,* nghĩa là đời đời nối đạo Phật tu theo Thiên. *Chính pháp truyền lòng*

ai được thì hay, chánh pháp truyền trong tâm mình, ai được thì người đó thấm, người đó hiểu.

Tổ đã đắp nắm trồng cây,

Mộng Bồ-đề nở sau này càng cao.

Khai hoa kết quả xao xao,

Dĩ truyền đất Việt thấp cao trùng trùng.

Sơ tổ Trúc Lâm, ngài đã đắp nền để ươm hạt trồng cây, cho nên sau này mộng của hạt Bồ-đề nở càng ngày càng cao, khai hoa kết quả rất là nhiều.

Dĩ truyền đất Việt thấp cao trùng trùng, bản này là *thấp cao trùng trùng*, bản năm 1932 là *tháp cao trùng trùng*. Chữ tháp cao trùng trùng tức là tháp cao lớp lớp, tầng tầng. Còn thấp cao trùng trùng tức là lớp cao lớp thấp, từng cấp từng bậc rất nhiều. Nghĩa là những người nối theo hệ thống thiền này, người tu cao người tu thấp từng lớp từng lớp rất là đông.

Ai khôn có trí có công,

Tu hành ngộ được tâm tông mới mau.

Nhân duyên có trước có sau,

Ai ai cũng có tính châu Bồ-đề.

Người nào khôn ngoan có trí, có công phu tu hành ngộ được tâm tông tức là thiền tông, đó mới là đạo mau.

Nhân duyên có trước có sau, tùy nhân duyên có người tu trước có người tu sau. Nhưng *Ai ai cũng có tính châu Bồ-đề*, dù tu trước hay tu sau, ai ai cũng sẵn có hạt châu giác ngộ, không phải tu trước mới có còn tu sau thì không. Vì thế tăng ni cũng như Phật tử đừng có tủi mình tu muộn, chỉ có điều là nếu người tu trước tu từ từ chậm chậm, còn người tu sau nỗ lực tu nhanh, rốt cuộc rồi lại tới trước. Cũng như người đi đường, cùng đi một đoạn đường mà người đi trước thả bộ từ từ còn người đi sau thấy mình đã trễ nên hấp tấp đi nhanh, có khi cũng tới trước. Thế nên chúng ta đừng có mặc cảm rằng tôi tu sau,

mà chỉ có mặc cảm là tôi tu lừng chừng, tu cho lấy có. Còn tuy tu sau mà hăng hái quyết liệt thì cũng có kết quả như thường. Ở đây nói rất rõ: Tuy nhân duyên có trước có sau, nhưng ai ai cũng sẵn có tính châu Bồ-đề, tức là sẵn có tánh giác sáng suốt.

Kiến văn tri giác khác gì,

Mày ngang mũi dọc xem thì bằng nhau.

Tánh giác sẵn có nơi mọi người, tánh giác ấy hiện ra ở đâu? Theo bản này là: *Kiến văn tri giác khác gì, mày ngang mũi dọc xem thì bằng nhau.* Còn bản năm 1932 là: *Hay ăn hay nói khác chi, mày ngang mũi dọc xem thì bằng nhau.* Tuy câu văn hai bản khác nhau, nhưng ý không khác.

Kiến văn tri giác khác gì, nghĩa là thấy, nghe, biết và cảm nhận, đâu khác gì nhau. Tất cả chúng ta ai cũng thấy cũng nghe, cũng biết, cũng có cảm giác, không có khác nhau. Đó là tánh giác chứ gì. Người nào cũng mày ngang là chân mày nằm ngang, mũi dọc là mũi xuôi xuống, xem giống hệt nhau. Đâu có ai chân mày ngược đứng lên hay dọc xuôi xuống... Như vậy tất cả chúng ta đều sẵn có cái thấy cái nghe, cái cảm giác như nhau, và ai cũng có mày ngang mũi dọc như nhau, không có ai khác ai cả. Chỉ khác nhau là chỗ huân tập, huân tập nghiệp nào thì có khả năng trong nghiệp đó. Nghiệp có sai biệt mà tánh giác không sai biệt. Thế thì chúng ta sống đừng vì những huân tập sai biệt mà tự cho mình là hay, chê người là dở. Trái lại chúng ta phải thấy rõ rằng ai cũng có tánh giác, ai cũng có mày ngang mũi dọc như nhau, đừng có khinh ai.

Chúng ta phải học hạnh của Bồ-tát Thường Bất Khinh, ngài không khinh ai cả. Song trong giới người tu chúng ta thường có hai bệnh, nếu không bị mặc cảm tự ti thì bị bệnh tự tôn. Mặc cảm tự ti là khi nghe nói tới giác ngộ thì nghĩ rằng mình làm không nổi, chuyện đó của Phật của Bồ-tát, chứ làm sao mình giác ngộ được. Còn bệnh tự tôn là khi nghe nói mình có tánh giác rồi không lo tu, thấy ai cũng ngáng đầu: Tôi có sẵn tánh giác, tôi có thua các người đâu!

Tuy mình có tánh giác nhưng người tu trước dẹp phiền não nhiều hơn mình, mình có tánh giác mà không dẹp phiền não thì cũng như có viên ngọc còn nằm trong đồng rác, biết có ngọc mà không dùng được việc gì! Còn người dẹp được rác, lấy ngọc bỏ túi thì người ta hơn mình. Hiểu như vậy chúng ta phải khéo tránh hai bệnh, bệnh tự ti mặc cảm và bệnh tự tôn ngạo mạn.

*Phật tiền Phật hậu trước sau,
Bát-nhã huyền chỉ đạo mầu Ma-ha.*

Phật tiền là Phật trước, Phật hậu là Phật sau, tuy có Phật trước Phật sau, nhưng huyền chỉ của Bát-nhã thì đạo mầu rộng lớn thênh thang. Chữ Ma-ha là rộng lớn thênh thang.

*Mênh mông bể Thích tuy xa,
Biết đường vượt tắt đến nhà một giây.*

Biển Thích rộng mênh mông, tuy xa xôi nhưng biết đường đi tắt thì một giây là đến nhà. Hiện giờ chúng ta cũng thấy rõ điều này: Ngày xưa từ đây qua Trung Quốc hay qua Ấn Độ thì xa ngàn trùng. Nhưng ngày nay nhờ có phi cơ phản lực chỉ cần vài tiếng đồng hồ là đến nơi. Thế nên nếu đi đường rừng hay đường biển thì rất lâu, nếu đi đường chim thì rất nhanh chóng. Cũng như vậy, nếu người tu biết đi thẳng đường có quanh co thì cũng rất nhanh. Sao gọi là đi đường rừng, đi đường biển, đi đường chim? Như hiện giờ có nhiều vị tu cứ nói: Mình căn cơ trì độn, ráng lạy Phật, cúng Phật, cầu nguyện đời sau gặp Phật tu nữa, bây giờ tu được tới đâu hay tới đó... Tu như vậy thì chừng bao nhiêu đời? Tu cách này thì đến ba vô số kiếp. Đó là đi đường rừng, đường biển, đường quanh co. Còn nếu biết rằng chúng ta sẵn có tánh Phật, sở dĩ không thấy được là tại vô minh phiền não phủ che, ngay đây phải cố gắng dẹp tan vô minh phiền não thì tánh Phật hiện ra, chỉ trong gang tấc chứ không phải xa. Đó gọi là đi thẳng đường chim. Thế nên biết tu thì mau, không biết thì lâu là như vậy.

*Lòng Bụt thương chúng sinh thay!
Bách ban phương tiện mở nay để chờ.*

Lòng Phật thương chúng sanh rất nhiều, rất thấm thiết, cho nên ngài mở bày cả trăm phương tiện để chỉ dạy tùy theo căn cơ của mỗi người.

Bằng người cao sĩ quán cơ,

Thông sao một hộp cạn bờ sông Tây.

Đến đây ngài Chân Nguyên nói thẳng về Thiên. Tuy Phật có chia cả trăm phương tiện để hướng dẫn chỉ dạy người, nhưng nếu là người cao sĩ quán triệt được căn cơ của mình, thấu suốt được ý nghĩa thâm trầm của Thiên, thì chỉ cần hộp một hộp cạn nước sông Tây là được ngộ. Đây là dẫn câu chuyện ông Bằng Uẩn đến tham vấn Mã Tổ, hỏi:

- Người chẳng cùng muôn pháp làm bạn là người gì?

Mã Tổ bảo:

- Ông hộp một hộp cạn nước Tây giang, ta sẽ nói cho ông nghe.

Ngay đó ông Bằng Uẩn liền ngộ, biết được con người không cùng muôn pháp làm bạn.

Câu hỏi của ông Bằng cũng khó hiểu: Người không cùng muôn pháp làm bạn là người nào? Có phải là người phàm phu chúng ta không? Chúng ta thích hoa kiểng, thích núi sông... tức là chúng ta đang làm bạn cùng muôn pháp. Còn người không cùng muôn pháp làm bạn là người mà Lục Tổ đã nói: “Bản lai vô nhất vật”, tức là *xưa nay không một vật* thì làm bạn với ai? Còn cái gì để làm bạn? Vậy người đó là người nào? Câu hỏi thật là sâu, cho nên Mã Tổ chỉ nói: “Ông hộp một hộp cạn nước Tây giang, ta sẽ vì ông mà nói.” Ngay đó ông Bằng Uẩn ngộ, ngộ được “người không cùng muôn pháp làm bạn”. Như vậy đó là hàng cao sĩ.

Bảo thật cứu cánh cho hay,

Tứ Mục Tương Cố đã thì ấn tâm.

Nói thật đến chỗ cứu cánh là *Tứ mục tương cố đã thì ấn tâm*. Tứ mục tương cố là bốn mắt nhìn nhau, đó là ấn tâm rồi. Chúng tôi nói

lại một lần nữa để quý vị khỏi hiểu lầm chữ Tứ mục tương cố. Bởi vì thánh với thánh tứ mục tương cố hiểu nhau liền, còn phàm với phàm tứ mục tương cố cũng hiểu nhau, nhưng hiểu theo cách nào? Phàm thì hiểu theo phàm, thánh thì hiểu theo thánh, chứ đừng nghĩ tứ mục tương cố là thánh hết, hiểu như vậy là lầm. Trong nhà đạo, người hỏi người đáp bốn mắt nhìn nhau là cảm thông, cảm thông là ngộ đạo. Còn người thế gian bốn mắt nhìn nhau cảm thông theo thế tình, chứ không có ngộ đạo. Đó là chỗ đặc biệt.

Bụt truyền từ cổ đến cam (kim),

Ai tin thì được ấn tâm thật thà.

Đức Phật truyền từ khi xưa cho đến ngày nay ai tin nhận được điều đó thì được ấn tâm không có nghi ngờ, thật thà tức là đúng như vậy.

Xem Thánh Đăng Lục giảng ra,

Kéo đèn Phật tổ sáng hòa tam thiên.

Bản này là *kéo đèn*, bản năm 1932 là *khêu đèn*. Chữ *khêu* đèn thì hợp lý hơn, vì ngày xưa đốt đèn dầu, ngọn đèn cháy mòn bị mờ đi, nên mình *khêu* lên nó liền sáng. Cho nên nói: *Khêu đèn Phật tổ sáng hòa tam thiên*. Hiện nay người nào muốn hiểu rõ chỗ đạo lý chân thật thì nên xem quyển Thánh Đăng Lục, đó là *khêu* ngọn đèn Phật tổ sáng khắp cả tam thiên.

Việt Nam thắng cảnh Hoa Yên,

Sát tiêu Cực lạc Tây thiên những là.

Cảnh chùa Hoa Yên ở Việt Nam rất đặc biệt rất thù thắng, gần với cảnh Cực lạc ở Tây phương, chứ không phải tầm thường. Chúng tôi có lên đến Hoa Yên nhưng vì chưa thấy cảnh Cực lạc nên không so sánh được. Chỉ thấy Hoa Yên đơn độc quá. Còn đối với ngài Chân Nguyên thì cảnh chùa Hoa Yên với cảnh Cực lạc không khác nhau bao nhiêu.

Vĩnh trấn cửu phẩm Di-đà,

Phân hương chúc thánh quốc gia thọ trường.

Đây là lời ngài tán thán muốn ở mãi nơi Cửu phẩm liên hoa của đức Phật Di-đà, đốt hương cầu nguyện cho quốc gia được an lành mãi mãi.

Đời đời tượng pháp hiển dương,

Thiệu long Tam bảo Tây phương Phật đường.

Nguyện cho thời tượng pháp này đời đời được hiển bày sáng tỏ, nối tiếp hạt giống Tam bảo như là cội Phật ở Tây phương.

Điều Ngự, Pháp Loa, Huyền Quang.

Tam vị Phật tổ Nam bang Trần triều.

Theo cái nhìn của ngài Chân Nguyên thì Sơ tổ Trúc Lâm, tổ Pháp Loa và tổ Huyền Quang là ba vị Phật tổ đời Trần ở nước Việt Nam.

Hoa Yên, Long Động, Vân Tiêu,

Quỳnh Lâm tượng pháp độ siêu vô cùng.

Hệ phái Trúc Lâm có những ngôi chùa, như trên núi Yên Tử có chùa Hoa Yên, trên Hoa Yên có am Vân Tiêu, dưới chân núi có chùa Long Động; và còn có chùa Quỳnh Lâm v.v... Đó là thời tượng pháp để độ siêu cho chúng sanh.

Kính khuyên nam bắc tây đông,

Muốn được nên Bụt, phát lòng xuất gia.

Vậy nên khuyên những người ở nam bắc tây đông muốn được thành Phật phải phát lòng xuất gia tu hành.

Trước là độ lấy thân ta,

Sau là cứu được mẹ cha Tổ Huyền.

Ngài khuyên người xuất gia để làm gì? Trước là độ lấy thân mình, sau là cứu độ cha mẹ, cứu huyền thất tổ. Như vậy người đi tu không phải chỉ lo cho mình, mà còn lo độ cha mẹ và cứu huyền thất tổ.

Vua Trần tước lộ binh quyền,

Người còn thoát để tu Thiên lo ta.

Các vua đời Trần như Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông... là các vị vua bình quyền mạnh mẽ mà các ngài còn bỏ ngôi báu đi tu, hưởng nữa là chúng ta. Chúng ta chưa phải là quan, còn là dân dã, tại sao lại tiếc không chịu tu? Đó là lời nhắc nhở rất thiết yếu của ngài Chân Nguyên.

Cửu liên đài thượng khai hoa,

Những người niệm Bụt Di-đà Phật danh.

Trong Cửu liên đài hay đường lối tu về Cực lạc tức là tu Tịnh độ, có chia làm cửu phẩm hay chín phẩm từ thấp lên cao. Những người muốn được về Cực lạc thì phải niệm danh hiệu đức Phật Di-đà.

Cùng về Cực lạc hóa sinh,

Mình vàng vóc ngọc quang minh lâu lâu.

Tiêu dao khoái lạc chẳng âu,

Bất sinh bất diệt ngồi lâu tòa sen.

Nếu niệm danh hiệu Phật Di-đà thì được về cõi Cực lạc hóa sinh, chứ không phải cha mẹ sinh, được mình vàng vóc ngọc hào quang sáng ngời, tiêu dao khoái lạc không có gì lo âu, không sanh không diệt, ngồi trên lâu tòa sen.

Như vậy chúng ta thấy ngài Chân Nguyên vừa dạy tu Thiên vừa khuyên tu Tịnh độ. Tại sao đường lối tu của ngài lại hỗn hợp như vậy? Chúng tôi xin dẫn sử cho quý vị hiểu. Thiền sư Chân Nguyên (1647-1726) sống giữa thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII, nhằm thời Trịnh Nguyễn phân tranh, đất nước Việt Nam chia đôi ra Đàng Trong Đàng Ngoài, lấy sông Linh Giang làm ranh giới. Từ năm 1600 thời vua Lê Kính Tông, ở ngoài Bắc có vua Lê chúa Trịnh, trong Nam có chúa Nguyễn. Chúa Trịnh và chúa Nguyễn đều nói là tôn thờ nhà Lê, nhưng hai chúa không bằng lòng nhau nên có chiến tranh liên tục. Nhưng đến khi vua Lê Hy Tông lên ngôi năm 1678 thì nội chiến bớt căng thẳng.

Thời Trịnh Nguyễn phân tranh, có bảy lần chiến tranh trong vòng bốn mươi lăm năm, lần thứ nhất năm Đinh Mão 1627 đến lần thứ bảy năm Nhâm Tý 1672, hai bên đánh nhau chết chóc rất nhiều nơi ranh giới sông Linh Giang, còn gọi là sông Gianh. Thời này không còn quân Minh qua xâm chiếm, nhưng nội bộ đất nước chia đôi chém giết lẫn nhau, không có thống nhất. Vì thế mà lòng dân bất an, chán nản, không biết nương tựa vào đâu.

Lại nữa sau khi nhà Trần mất, đến nhà Hồ rồi quân Minh qua xâm lăng và đến nhà Lê. Nhà Lê khi ấy trọng Nho khinh Phật, không còn dùng Phật giáo để giúp đỡ về văn hóa trong triều chính, mà lấy Nho làm căn bản trong việc giữ nước trị dân. Thế nên Phật giáo trong đời Lê lui về thôn dã sống với dân quê. Với dân quê nói Thiên họ không hiểu, nói Tịnh độ dạy niệm Phật người dân dễ hiểu dễ tu hơn. Vì vậy qua đời Lê, Phật giáo nghiêng về Tịnh độ.

Phần thì nhà Lê trọng Nho khinh Phật, phần thì đất nước phân tranh, lòng dân ly tán, không còn ý chí tin tưởng vững chắc nơi mình nữa, hai điều này làm cho người dân không còn sức mạnh để nhận được lý thiên, do đó vừa nói Thiên vừa nói Tịnh cho nó hợp. Thế nên tinh thần Phật giáo đời vua Lê Hy Tông, tuy các vị lãnh đạo tu hành ngộ lý thiên như ngài Chân Nguyên, nhưng trong Thiên đã có Tịnh để gần với quần chúng dân quê... Vì vậy Thiên Tịnh thời này hòa quyện với nhau, nói Thiên rồi nói Tịnh chứ không có tách rời như thời Trần. Chúng ta phải thấy cho thật rõ ý nghĩa này.

Nói đến đây chắc nhiều người sẽ thắc mắc, tại sao hiện nay chúng tôi không dạy Thiên Tịnh hòa quyện nhau, tức là Thiên Tịnh song tu? Chúng ta không bao giờ có quan niệm chống Tịnh độ vì Tịnh độ là một pháp tu trong nhà Phật, cũng như đoạn trước đã nói là Phật có cả trăm phương tiện để giáo hóa chúng sanh. Tuy nhiên chúng ta phải có cái nhìn cho thuận hợp với thời cơ. Nếu nói tu Tịnh độ thì chúng ta xét kỹ Tịnh độ là thế nào? Tu Tịnh độ phải có hai phần: sự Tịnh độ và lý Tịnh độ. Sự Tịnh độ là niệm danh hiệu Phật Di-đà cầu vãng sanh về Cực lạc. Còn lý Tịnh độ thì niệm Phật tức là

niệm tâm, hể tâm tịnh thì độ tịnh. Cho nên nói “tự tánh là Di-đà, duy tâm là tịnh độ”. Tự tánh là tánh giác, vì tự tánh là tánh mình mà tánh mình là tánh giác, cho nên nói là Phật Di-đà vô lượng quang. Duy tâm là tịnh độ, tâm tịnh thì độ tịnh. Tâm mình nếu dứt hết phiền não, sạch hết vọng tưởng thì tâm tịnh, đó là tịnh độ. Như vậy về lý Tịnh độ thì Thiên với Tịnh không hai, song về sự Tịnh độ thì có khác.

Sự Tịnh độ là niệm Phật cầu sanh về Cực lạc, đây là một vấn đề mà lâu nay chúng tôi hơi thắc mắc. Nếu nói về Cực lạc thì hiện giờ chúng ta có cái gì làm bằng chứng cõi Cực lạc chắc trăm phần trăm không? Cũng như là Mộc tinh Hỏa tinh đang được thám hiểm, sau này có thể dùng phi thuyền phóng tới Cực lạc được không? Không có gì làm chứng được. Chỉ nghe Kinh nói cách đây mười muôn ức cõi có cõi Cực lạc, nơi đó có đức Phật A-di-đà đang giáo hóa. Vì kinh nói nên chúng ta tin vậy thôi, chứ chưa có ai biết chắc cõi đó ở chỗ nào. Kinh nói cõi Cực lạc ở phương tây, mà phương tây là phương nào? Nếu nói đông tây nam bắc thì phương tây là phương mặt trời lặn. Nhưng trái đất quay tròn, không biết đứng chỗ nào mà chỉ phương tây. Mới nói đông lần lần nó qua tây, nói tây lần lần nó qua đông. Trái đất cứ xoay tròn mãi không dừng một chỗ, nên không cố định đây là đông, kia là tây! Như vậy đi phương nào để đến phương tây?

Lại nữa, nói rằng niệm Phật được về Cực lạc, có nhiều người đặt câu hỏi: Nếu ông bà mình niệm Phật được về Cực lạc hưởng sự sung sướng, ông bà vì thương con cháu tất nhiên phải báo tin cho hay để chúng nó lo được về bên ấy với ông bà. Nhưng tại sao bao nhiêu người ra đi từ trước đến nay mà không bao giờ có tin tức nhắn về cho con cháu? Không có chỗ nơi, không có tin tức mà nói có cõi ấy thì nghĩ làm sao? Đó là một vấn đề nan giải. Nếu chúng ta nói dễ mà tin thì dễ, nếu nói để chứng thực thì rất khó!

Thời này là thời đại văn minh, khi nói ra điều gì thì phải có bằng chứng, nếu không biết chứng cứ thì làm sao nói? Nói niệm Phật tâm tịnh thì độ tịnh, điều này dễ nói. Tâm mình không còn phiền não,

không còn loạn tưởng, đó là tâm tịnh. Tâm tịnh thì sanh chỗ nào cũng tịnh, ở ngay đây cũng tịnh. Giả sử trong những người xuất gia hay tại gia, người nào trong lòng không còn gợn một chút phiền não một chút lo âu gì thì ở chỗ nào cũng không buồn, mà chỗ nào cũng tịnh cả. Còn nếu người nào trong lòng đầy phiền não lo âu thì ở chỗ nào cũng không vui, nếu có vui chỉ là vui gượng mà thôi. Như vậy rõ ràng là nếu tâm mình chưa tịnh thì ở đâu cũng không tịnh, nếu tâm mình tịnh rồi thì ở chỗ nào cũng tịnh. Cũng như thế, những người được vui trong lòng thì họ thấy cái gì cũng muốn cười với họ, còn người có chuyện âu sầu thì họ thấy cái gì cũng muốn khóc với họ, đó là vì lòng mình chưa có tịnh. Cho nên ý nghĩa về lý Tịnh độ *tâm tịnh độ tịnh* thì rất dễ nói, rất gần với Thiên, còn về sự Tịnh độ thì thật khó nói, điều khó nói mà gượng nói thì không ổn.

Thế nên chúng tôi chủ trương tu thiên, vì khi ngồi thiền những tâm niệm xấu dở hiện ra, chúng ta biết mình còn xấu dở, chúng hiện ra nhiều thì biết mình còn xấu dở nhiều, hiện ra ít thì biết chúng đã giảm. Như vậy chúng ta tự chứng nghiệm mình, biết từng bước tiến của mình trên đường tu. Đến một lúc nào tất cả niệm tham sân si đều dứt sạch, thấy ai mình cũng vui cười không có chút gì phiền hà, đó là đã tự tại, là giải thoát ngay cõi trần gian, khỏi về Cực lạc hay Thiên đường, mà ở ngay đây cũng được giải thoát. Đó là một lẽ thật, tu đi tới lẽ thật đó là cụ thể chứ không phải tưởng tượng. Nếu còn tưởng tượng một nơi nào, làm sao gọi là chân lý được? Phật pháp là chân lý, tưởng tượng không phải là chân lý. Chúng ta nên nhớ rõ chân lý là trí tuệ thấy đúng như thật, xét đúng như thật. Còn tưởng tượng là ảo tưởng, tưởng tượng ra cảnh này cảnh kia thì không phải là chân lý. Vì vậy chúng tôi chỉ truyền Thiên trong thời này mà không nói thêm Tịnh độ. Người tu Tịnh độ thích niệm Phật để về Cực lạc, mà cõi ấy có hay không chúng tôi không bảo đảm. Vì không bảo đảm mà dạy người làm thì lòng chúng tôi không an. Thế nên làm việc gì chúng tôi phải cẩn mật và dè dặt, cái gì bảo đảm, chúng tôi mới dám dạy, đó là lẽ thật vậy.

7. KẾT LUẬN VỀ GIÁO LÝ THIÊN

Hạnh này cổ tích thánh hiền,
Đời đời san bản để truyền lưu thông.
Hậu lai ai có hiếu trung,
Dù là ngộ được tâm tông hạnh này.
Báo ơn Phật tổ mai ngay,
Thiệu long tượng pháp san lai truyền đời.
Công thành quả mãn làm nơi
Vì hay hà đảm Như Lai tông thiên.
Niêm hoa đã lại kéo đèn,
Công ấy muôn nghìn thắng quả cao thay.
Dược am gió mát bóng cây,
Giọng Thiên tông lại san nay để truyền.
Phổ độ pháp giới hữu duyên,
Cùng thành chính giác quả viên Bồ-đề.
Mưa xuân đượm ướt vườn lê,
Cành cao cành thấp đều thì nở hoa.
Cho hay đức Bụt Thích-ca,
Hóa thân bách ức khắp hòa mười phương.
Hiện ra làm quyền Đế vương,
Chỉ tôn Phật tổ Giác hoàng quốc trung.
Cơ duyên ứng xuất vương cung,
Cơ duyên mãn hữu hội đồng Linh Sơn.
Chân Phật nào có Nát-bàn,
Nghiệm chứng không tịch phục hoàn bản nguyên.
Hóa Phật thụ ký vô biên.

Tứ Mục Tương Cố mật truyền tâm tông.
Ai khôn chớ chạy tây đông,
Bôn trì nam bắc, luống công mê hồn.
Liễu ngộ Bát Nhị Pháp Môn,
Chân không tự tính chẳng còn cầu ai.
Điều Ngự cổ Phật tái lai,
Tông giáo trong ngoài phó chúc tuân y.
Thật dòng Lâm Tế tông chi,
Pháp phải vĩnh thùỳ Yên Tử thiên lâm.
Đạo truyền từ cổ đến cầm (kim),
Thánh Đăng Ngũ Lục ấn tâm trường tồn.
Phật đạo vô thượng chí tôn,
Quốc gia hữu vĩnh, càn khôn vững bền.
Phổ nguyện pháp giới hữu duyên,
Đồng đăng Cửu phẩm Tây thiên Di-đà.
Vậy có kệ rằng:
Tính vốn lâu lâu, tri bất tri,
Đêm ngày bảo nhậm chữ Vô Vi.
Bụt chử là vua, vua là Bụt,
Tung hô vạn tuế, thọ tăng-kỳ.
NAM-MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT
Hạnh này cố tích thánh hiền,
Đời đời san bản để truyền lưu thông.
Hậu lai ai có hiếu trung,
Dù là ngộ được tâm tông hạnh này.
Báo ơn Phật tổ mai ngay,

Thiệu long tượng pháp san lại truyền đời.

Ngài Chân Nguyên nói *hạnh* này tức là hạnh của các bậc thánh hiền đã tu thuở xưa. *Đời đời san bản* là đời đời khắc bản in để lưu truyền những hạnh này cho mai sau.

Hậu lai ai có hiếu trung là những người có lòng trung hiếu ở đời sau. *Dù là ngộ được tâm tông hạnh* này, nhưng để báo ơn Phật tổ và nối tiếp thời tượng pháp, thì phải san bản truyền lại cho đời, tức là cho khắc in bản này để truyền lại cho đời.

Công thành quả mãn làm nơi

Vì hay hà đảm Như Lai tông thiên.

Niêm hoa đã lại kéo đèn,

Công ấy muôn nghìn thắng quả cao thay.

Chúng ta biết in, biết tái bản tập sách này, đó là chỗ công quả đầy đủ của mình. *Vì hay hà đảm Như Lai tông thiên* là hay gánh vác được thiên tông Như Lai.

Niêm hoa đã lại kéo đèn, tức là niêm hoa vi tiếu là cầm hoa sen đưa lên, hoặc khêu ngọn đèn trí tuệ sáng lên. *Công ấy muôn nghìn thắng quả cao thay*, công ấy rất nhiều như muôn nghìn thắng quả cao thượng.

Dược am gió mát bóng cây,

Giọng Thiên tông lại san nay để truyền.

Phổ độ pháp giới hữu duyên,

Cùng thành chính giác quả viên Bồ-đề.

Mưa xuân đượm ướt vườn lê,

Cành cao cành thấp đều thì nở hoa.

Đoạn này vừa tả cảnh vừa nói đạo lý rất thiết tha.

Bản này là *Dược am gió mát bóng cây*, bản năm 1932 là *Tuệ sách như xiển thuở này*, tuệ sách là sách trí tuệ, như xiển thuở này là như mở mang lúc này.

Bản này là *Gιον Thiên tông lại san nay để truyền*, bản năm 1932 là *San Thiên tôn lại để nay lưu truyền*. So sánh lại thì bản này nói rất rõ:

Dược am gió mát bóng cây, trên núi Yên Tử có cái am tên là Dược am, ngài Chân Nguyên lên đó để tu. Nơi Dược am có tàng cây bóng mát, gió hiu hiu rất là thích.

Gιον Thiên tông lại san nay để truyền, giốn là sửa sang lại, san là in ấn, san bản là khắc bản in. Nghĩa là sửa sang lại bộ Thiên Tông Bản Hạnh để khắc bản in truyền lại cho đời.

Phổ độ pháp giới hữu duyên là phổ độ cho cả pháp giới những người có duyên. *Cùng thành chính giác quả viên Bồ-đề*, cùng thành chánh giác tròn quả Bồ-đề.

Mưa xuân đượm ướt vườn lê,

Cành cao cành thấp đều thì nở hoa.

Đến đây ngài Chân Nguyên vừa tả cảnh vừa nói đạo lý rất thâm trầm. Thời tiết ở miền Bắc có mưa mùa xuân, trong Nam có mưa mùa hè và mùa thu, ít có mưa xuân. Ở miền Bắc mưa mùa xuân đượm ướt cả vườn lê, cây cao cây thấp trong vườn nhờ mưa xuân đều được nở hoa. Cũng như vậy, người đọc được quyển Thiên Tông Bản Hạnh này, dù trình độ cao hay thấp đều được thấm nhuần, đều thấy đạo lý.

Cho hay đức Bụt Thích-ca,

Hóa thân bách ức khắp hòa mười phương.

Hiện ra làm quyền Đế vương,

Chí tôn Phật tổ Giác hoàng quốc trung.

Cho hay đức Phật Thích-ca hóa thân trăm ức bủa khắp mười phương. Biết đâu Sơ tổ Trúc Lâm là một hóa thân của Phật Thích-

ca? Ngài hiện ra làm vua rồi tu hành ngộ đạo làm bậc chí tôn trong nước.

Cơ duyên ứng xuất vương cung,

Cơ duyên mãn hữu hội đồng Linh Sơn.

Chân Phật nào có Niết-bàn,

Nghiệm chứng không tịch phục hoàn bản nguyên.

Theo cơ duyên mà ứng hiện trong vương cung, cơ duyên mãn rồi thì trở về hội Linh Sơn. Còn Phật thật tức là Phật pháp thân thì đâu có nhập Niết-bàn. Thế thì có ứng hiện ở vương cung, có trở về hội Linh Sơn, đó là hóa thân Phật, còn pháp thân Phật thì không có nhập Niết-bàn. Nghiệm chứng cho thật rõ khi tâm mình lặng lẽ thì trở về bản nguyên tức là trở về nguồn cội.

Hóa Phật thụ ký vô biên,

Tứ Mục Tương Cố mật truyền tâm tông.

Về hóa Phật thì được thọ ký rất nhiều không thể kể hết, do bốn mắt nhìn nhau mà được truyền tâm tông.

Ai khôn chớ chạy tây đông,

Bôn trì nam bắc, luống công mê hồn.

Liễu ngộ bất nhị pháp môn,

Chân không tự tính chẳng còn cầu ai.

Ai là người khôn ngoan thì đừng chạy đông chạy tây làm gì, cũng đừng tìm kiếm ở nam hay bắc, luống công nhọc lòng chẳng ích gì. Nếu liễu ngộ được pháp môn bất nhị thì tự tánh chân không chẳng còn tìm cầu ở ai nữa.

Đoạn này ngài Chân Nguyên muốn nhắc chúng ta: Ai tu theo đạo Phật mà khôn ngoan thì đừng tìm kiếm ở đâu xa, mà phải ngay nơi tâm mình nhận ra được pháp môn không hai. Thế nào là pháp môn không hai? Thấy có phải có quấy, có hơn có thua, đó là hai. Nếu người nào dẹp bỏ phải quấy hơn thua, đó là pháp môn không hai, rất

đễ không có gì khó cả. Đừng thấy phải quấy, hơn thua, tốt xấu, thế là thấu được pháp môn bất nhị.

Điều Ngự cổ Phật tái lai,

Tông giáo trong ngoài phó chúc tuân y.

Thật dòng Lâm Tế tông chi,

Pháp phải vĩnh thùy Yên Tử thiên lâm.

Đạo truyền từ cổ đến cầm (kim),

Thánh Đăng Ngũ Lục ấn tâm trường tồn.

Ngài Điều Ngự cũng là một vị cổ Phật trở lại trong đời này chứ không phải người thường. Về phần thiên phần giáo ngài trao truyền lại, chúng ta phải tuân theo đó mà hành. Ngài thuộc dòng Lâm Tế, nhưng pháp phái của ngài là pháp phái thiên lâm ở Yên Tử hay là phái Trúc Lâm Yên Tử.

Đạo truyền từ cổ đến cầm, là đạo truyền từ xưa đến nay. *Thánh Đăng Ngũ Lục ấn tâm trường tồn*, quyển Thánh Đăng Ngũ Lục là quyển ấn tâm mãi mãi còn chứ không có mất. Vì vậy quyển Thiên Tông Bản Hạnh này là trích từ bản Thánh Đăng Ngũ Lục, nhưng ngài Chân Nguyên có bổ túc, ngài lược lặt những tư liệu để đóng góp thêm chứ không phải thuần như vậy. Thế nên học xong quyển Thiên Tông Bản Hạnh, chúng ta phải đọc quyển Thánh Đăng Ngũ Lục để biết rõ thêm.

Phật đạo vô thượng chí tôn,

Quốc gia hữu vĩnh, càn khôn vững bền.

Phổ nguyện pháp giới hữu duyên,

Đồng đăng Cửu phẩm Tây thiên Di-đà.

Chúng ta thấy rõ đoạn trước nói về Thiên, đến đây lại nói về Tịnh.

Đạo Phật chí tôn vô thượng, quốc gia luôn luôn vững chắc, càn khôn mãi mãi lâu bền. Nguyện cho trong pháp giới những người có

duyên đều được lên đài Cửu phẩm, được về cõi Tây thiên của Phật Di-đà.

Vậy có kệ rằng:

Tính vốn lâu lâu, tri bất tri,

Đêm ngày bảo nhậm chữ Vô Vi.

Bụt chửn là vua, vua là Bụt,

Tung hô vạn tuế, thọ tăng-kỳ.

Nam-mô A-di-đà Phật

Bài kệ này, ngài Chân Nguyên rút gọn lại cho chúng ta rõ:

Tính vốn lâu lâu tri bất tri. Tánh giác của mỗi người chúng ta vốn là sáng lâu lâu, tri bất tri tức là biết mà chẳng biết. Đây là một câu rất khó hiểu. Chúng tôi cho một thí dụ, như bình hoa hồng đặt ở đây tất cả quý vị nhìn lên thấy có hoa trắng, hoa vàng, hoa đỏ, thì tất cả biết là trắng là vàng là đỏ, biết hết phải không? Nhưng nếu hỏi trắng là đẹp, vàng hay đỏ là đẹp, thì quý vị trả lời thế nào? Nếu người này cho hoa trắng là đẹp, người kia lại cho hoa đỏ là đẹp thì sanh tranh cãi. Đó là biết mà biết. Còn nếu chúng ta chỉ thấy có trắng có vàng có đỏ, thấy như vậy là như vậy. Nếu hỏi cái nào đẹp cái nào xấu thì lắc đầu không trả lời. Đó là biết mà không biết, biết có trắng có vàng có đỏ mà không biết đẹp không biết xấu, vì trắng vàng đỏ là cái trực diện của mình từ mắt thấy, không có qua suy nghĩ, không có niệm phân biệt. Còn nếu nói cái này đẹp, cái kia xấu thì có qua suy nghĩ, có niệm phân biệt, đó là vọng trí là cái biết không thật. Nếu thấy mà không qua suy nghĩ, không có niệm phân biệt, đó là chân trí, là cái biết thật. Vì vậy đứng về mặt biết thật thì biết mà không biết tức là *tri bất tri*.

Đêm ngày bảo nhậm chữ Vô Vi, đêm ngày hằng phải bảo nhậm gìn giữ vô vi. Vô vi là không có niệm động, không có niệm khởi, đó là bảo nhậm vô vi. Hai câu đầu bài kệ nói về tinh thần Thiên.

Bụt chỉn là vua, vua là Bụt, Phật là vua, vua cũng là Phật. Tung hô vạn tuế thọ tăng-kỳ, đứng về vua thì tung hô vạn tuế, đứng về Phật thì thọ tăng-kỳ. Như vậy Phật vua không hai, cũng như phàm thánh không hai, không có gì ngoài nhau. Bài kệ này kết thúc quyển Thiên Tông Bản Hạnh.